BÀI 1: GIỚI THIỆU VỀ TRỒNG TRỌT

Môn học: Công nghệ - Lớp: 7
Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Trình bày được vai trò, triển vọng của trồng trọt.
- Kể tên được các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam.
- Nêu được một số phương thức trồng trọt phổ biến.
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao.
- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề trong trồng trọt.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về các vấn đề liên quan đến trồng trọt.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra vai trò và triển vọng của trồng trọt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: GQVĐ trong phần một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam.

2.2. Năng lực công nghệ:

- *Năng lực nhận biết công nghệ:* Nhận biết, kể tên các nhóm cây trồng phổ biến.
- *Năng lực tìm hiểu công nghệ:* Nêu được vai trò và triển vọng của trồng trọt
- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* trình bày được một số ngành nghề trong trồng trọt.

3. Phẩm chất:

- Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:
- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về các vấn đề về trồng trọt.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, thảo luận về vai trò và triển vọng của trồng trọt.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:

- Hình ảnh liên quan đến bài học.
- Phiếu học tập

2. Học sinh:

- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu:

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh biết được vai trò của trồng trọt, các nhóm cây trồng phổ biến, phương thức trồng trọt, trồng trọt công nghệ cao.

b) Nội dung:

- Học sinh quan sát hình ảnh nêu hiểu biết của bản thân về các vấn đề liên quan đến trồng trọt.

c) Sản phẩm:

- Học sinh sẽ biết được nội dung của bài 1 giới thiệu về trồng trọt.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chiếu hình ảnh về vai trò của trồng trọt, các phương thức trồng trọt, trồng trọt công nghệ cao. Hs quan sát hình ảnh và nêu hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân về các vấn đề liên quan đến trồng trọt? ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** - HS quan sát hình ảnh và trả lời ***Báo cáo kết quả*** - GV gọi ngẫu nhiên một học sinh trả lời. ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá:* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá:* *->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học* Đây chính là nội dung chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài 1: Giới thiệu về trồng trọt.	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 Hoạt động: Tìm hiểu về vai trò và triển vọng của trồng trọt:

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh nhận thức được vai trò, triển vọng của trồng trọt đối với các lĩnh vực khác nhau trong đời sống và nền kinh tế.

b) Nội dung:

- Học sinh quan sát hình ảnh 1.1 SKG kết hợp hình ảnh gv chuẩn bị để tìm hiểu về vai trò và triển vọng của trồng trọt ở nước ta.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi được vào vở vai trò của trồng trọt đối với đời sống con người, chăn nuôi, xuất khẩu và công nghiệp chế biến. Triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chiếu hình ảnh 1.1 quan sát và nêu vai trò của trồng trọt tương ứng các ảnh trong hình? - Từ hiểu biết của em, kể thêm vai trò của trồng trọt? - GV Hs thảo luận (cặp đôi) trong 2 phút theo phiếu học tập chuẩn bị trước (hộp khám phá). - Việt Nam có những lợi thế nào về khí hậu, địa hình, nông dân, chính sách của nhà nước để phát triển nông nghiệp? ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** - HS hoạt động cặp đôi theo yêu cầu của GV. Hoàn thành phiếu học tập. - *Giáo viên:* Theo dõi và bổ sung khi cần. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** - GV gọi ngẫu nhiên cặp đôi học sinh trình bày đáp án, mỗi cặp đôi HS trình bày 1 nội dung trong phiếu, những HS trình bày sau không trùng nội dung với HS trình bày trước. GV liệt kê đáp án của HS trên bảng ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** - *Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá:* - *Giáo viên nhận xét, đánh giá:* GV nhận xét và chốt nội dung vai trò và triển vọng của trồng trọt.	**I. Vai trò và triển vọng của trồng trọt** **1. Vai trò** - Cung cấp lương thực, thực phẩm. - Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi. - Cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp - Cung cấp nông sản cho xuất khẩu. **2. Triển vọng** - Điều kiện khí hậu nhiệt đới, địa hình đa dạng thuận lợi cho sự phát triển nhiều loại cây trồng khác nhau. - Việt Nam có truyền thống nông nghiệp, nông dân cần cù, thông minh, có kinh nghiệm, nhà nước quan tâm phát triển nông nghiệp, áp dụng khoa học kĩ thuật trong sản xuất nông nghiệp.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về các nhóm cây trồng phổ biến

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh nhận biết được các nhóm cây trồng phổ biến và mục đích cuac on người khi gieo trồng chúng

b) Nội dung:

- Học sinh quan sát hình ảnh 1.2 SKG kết hợp hình ảnh gv chuẩn bị để tìm hiểu về

vai trò và triển vọng của trồng trọt ở nước ta.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi được vào vở tên các nhóm cây trồng, hoàn thành được mẫu bảng trang 8 - SGK

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV tổ chức cho hs chơi trò chơi chiếc nón kì diệu thông qua 4 câu hỏi Câu 1: Các loại cây trồng lúa, ngô, khoai, sắn, thuộc nhóm cây trồng nào? Câu 2: Năm 2020 Việt Nam xuất khẩu hạt điều đạt 2,9 tỉ USD (nguồn báo chính phủ). Cây hạt điều thuộc nhóm cây trồng nào? Câu 3: Đây là loài hoa được dung phổ biến trong dịp tết của khu vực miền bắc? Câu 4: Đây là loại cây trồng thuộc họ hồ tiêu, vừa được dùng trong nấu ăn lại còn dùng làm thuốc, nhìn bên ngoài gần giống lá trầu không? ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** - HS nghe thông tin và trả lời - Hoàn thành bảng mẫu trang 8 - SGK ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các học sinh khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV nhận xét và chốt nội dung các nhóm cây trồng phổ biến.	**II. Các nhóm cây trồng phổ biến.** - Cây lương thực - Cây công nghiệp - Cây ăn quả - Cây rau - Cây thuốc - Cây gia vị - Cây hoa - Cây cảnh - Cây lấy gỗ …

Hoạt động 2.3: Một số phương thức trồng trọt phổ biến ở nước ta.

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh nhận biết được một số phương thức trồng trọt phổ biến gồm: trồng trọt ngoài tự nhiên, trồng trọt trong nhà có mái che và phương thức trồng trọt hỗn hợp.

b) Nội dung:

- Học sinh đọc, nghiên cứu và quan sát hình ảnh 1.3; 1.4; 1.5 SGK kết hợp hình ảnh gv chuẩn bị để trả lời các câu hỏi liên quan.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi được vào vở khái niệm, ưu, nhược điểm của các phương thức trồng trọt.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn hs đọc và nghiên cứu mục III trong SGK, kết hợp quan sát hình 1.3; 1.4; 1.5 yêu cầu hs hoàn thành bảng phụ ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** - HS nghe thông tin và trả lời - Hoàn thành bảng phụ ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các học sinh khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** - *Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* - *Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV nhận xét và chốt nội dung một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam.	**III. Một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam** **1. Trồng trọt ngoài tự nhiên** **2. Trồng trọt trong nhà có mái che.** **3. Phương thức trồng trọt kết hợp.**

Nội dung

	Trồng trọt ngoài tự nhiên	Trồng trọt trong nhà có mái che	Phương thức trồng trọt kết hợp
Khái niệm	Là phương thức trồng trọt phổ biến và được áp dụng cho hầu hết các loại cây trồng.	Là phương thức trồng trọt thường được tiến hành ở những nơi có điều kiện tự nhiên không thuận lợi hoặc những cây trồng khó sinh trưởng và phát triển trong điều kiện tự nhiên	Là phương thức kết hợp giữa phương thức trồng trọt ngoài tự nhiên với phương thức trồng trọt trong nhà có mái che.
Ưu điểm	Đơn giản, dễ thực	Cây trồng ít bị sâu,	Tốn ít công lao

	hiện. Có thể tiến hành trên diện tích rộng	bệnh, có thể tạo năng suất cao. Chủ động chăm sóc, sản xuất rau quả trái vụ, an toàn.	động, đơn giản, dễ làm.
Nhược điểm	Cây trồng dễ bị sâu, bệnh hại và các điều kiện bất lợi của thời tiết.	Đầu tư lớn và kĩ thuật cao hơn so với trồng trọt ngoài tự nhiên	Không đảm bảo được mật độ khoảng cách giữa các cây với nhau, độ nông sâu của cây so với mặt đất.

Hoạt động 2.4: Tìm hiểu về một số đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao.

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh nhận biết được các đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao.

b) Nội dung:

- Học sinh đọc, nghiên cứu mục IV và đặt câu hỏi gợi ý liên quan đến đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi được vào vở đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập Gv đặt các câu hỏi gợi ý liên quan đến các đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** - HS nghe thông tin và trả lời ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các học sinh khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* *- Giáo viên nhận xét, bổ sung kiến thức về trồng trọt công nghệ cao.*	**IV. Một số đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao.** - Sử dụng các giống cây trồng mới cho năng suất cao, chất lượng tốt và thời gian sinh trưởng ngắn - Đất trồng được thay thế bằng các loại giá thể hoặc dung dịch dinh dưỡng. - Ứng dụng thiết bị, công nghệ hiện đại - Người lao động có trình độ cao, quy trình sản xuất khép kín.

- GV nhận xét và chốt nội dung tìm hiểu về một số đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao.	

Hoạt động 2.5: Tìm hiểu về một số ngành nghề trong trồng trọt

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh biết được các đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề trong trồng trọt từ đó nhận thức được sở thích và sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong trồng trọt.

b) Nội dung:

- Học sinh đọc, nghiên cứu mục IV và đặt câu hỏi gợi ý liên quan đến đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề trong trồng trọt.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời về đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề trong trồng trotjvaf sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong trồng trọt.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập Gv đặt các câu hỏi gợi ý liên quan đến một số ngành nghề trong trồng trọt: Kĩ sư trồng trọt, kĩ sư bảo vệ thực vật, kĩ sư chọn giống cây trồng. Gv tổ chức cho hs quan sát hình 1.6 và hoàn thành nhiệm vụ trong mục khám phá. Gv tổ chức cho hs liên hệ các ngành nghề trong trồng trọt ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** - HS nghe thông tin và trả lời ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các học sinh khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** - *Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* - *Giáo viên nhận xét, bổ sung kiến thức về trồng trọt công nghệ cao.* - GV nhận xét và chốt nội dung tìm hiểu về một số ngành nghề trong trồng trọt.	**V. Một số ngành nghề trong trồng trọt.** **1. Kĩ sư trồng trọt** - Là những người làm nhiệm vụ giám sát và quản lí toàn bộ quá trình trồng trọt, nghiên cứu cải tiến và ứng dụng các tiến bộ kĩ thuật vào trồng trọt nhằm tang năng suất, chất lượng nông sản. - Phẩm chất: yêu thiên nhiên, yêu thích công việc chăm sóc cây trồng. **2. Kĩ sư bảo vệ thực vật** - Là những người làm nhiệm vụ nghiên cứu và phòng trừ các tác nhân gây hại để bảo vệ cây trồng nhằm giúp trồng trọt đạt hiệu quả cao. - Phẩm chất: yêu thiên nhiên, thích nghiên cứu khoa học, thích khám phá quy luật phát sinh, phát triển của côn trùng và các loại sâu, bệnh. **3. Kĩ sư chọn giống cây trồng** - Là những người làm nhiệm vụ bảo tồn và phát triển các giống cây trồng hiện

	có, nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng mới phục vụ trong nước và xuất khẩu - Phẩm chất: yêu thích cây trồng, thích nghiên cứu khoa học, cẩn thận, kiên trì, tỉ mỉ.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Hệ thống được một số kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.

c) Sản phẩm:

- HS hoàn thành được sơ đồ tư duy vào vở

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên 1 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu cây trồng trong đời sống.

b) Nội dung:

- HS biết được các loại cây trồng trong khuôn viên trường học.

c) Sản phẩm:

- Bảng phân loại cây trồng theo mục đích sử dụng.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu mỗi bàn HS làm một bảng phân loại các giống cây trồng trong khuôn viên trường học. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** Các bàn HS thực hiện làm ra sản phẩm. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** Sản phẩm của các nhóm ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau.	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Bài 1: GIỚI THIỆU VỀ TRỒNG TRỌT

Họ và tên: ……
Lớp: ……. Nhóm: ……

Đề bài:

1 Quan sát hình 1.1 và nêu các vai trò của trồng trọt tương ứng với các ảnh trong hình

……
……..
……
……
……

2. Từ thực tiễn cuộc sống của bản thân và quan sát thế giới xung quanh, em hãy kể thêm các vai trò của trồng trọt?

……
……
……
……

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Bài 1: GIỚI THIỆU VỀ TRỒNG TRỌT

Họ và tên: ……

Lớp: ……

Hoàn thành nội dung theo mẫu bảng dưới đây với các loại cây trồng mà em biết:

Loại cây trồng	Bộ phận sử dụng	Mục đích sử dụng

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Bài 1: GIỚI THIỆU VỀ TRỒNG TRỌT

Họ và tên: ……

Lớp: …… Nhóm: ……

Hoàn thành nội dung theo mẫu bảng dưới đây với các loại cây trồng mà em biết:

Nội dung	Trồng trọt ngoài tự nhiên	Trồng trọt trong nhà có mái che	Phương thức trồng trọt kết hợp
Khái niệm			
Ưu điểm			
Nhược điểm			

Ngày soạn: .../…/…

Ngày dạy:…/…/…

BÀI 2: LÀM ĐẤT TRỒNG CÂY

I. Mục tiêu

1. **Về kiến thức**

- Nêu được thành phần và vai trò của đất trồng.

- Trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật trong làm đất trồng cây.

2. **Năng lực**

a. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học**:** Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để hiểu thêm về quy trình kĩ thuật làm đất trồng cây.

b. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ**:** Nắm được vai trò và thành phần của đất trồng. Nắm được các giai đoạn làm đất và bón phân lót trong quy trình trồng trọt.

3. **Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Có ý thức tìm hiểu về đất trồng và kĩ thuật làm đất trồng cây.
- Trách nhiệm: Tham gia tích cực trong các hoạt động.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. **Đối với giáo viên**

- SGK, Giáo án.
- Tranh ảnh, video liên quan đến thành phần của đất trồng và kĩ thuật làm đất trồng cây.
- Máy tính, máy chiếu.

2. **Đối với học sinh**

- Đọc trước bài học trong SGK.
- Tìm kiếm và đọc trước tài liệu có liên quan đến thành phần của đất trồng và kĩ thuật làm đất trồng cây.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

d. **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV cho HS quan sát hình ảnh, video về thành phần, vai trò của đất trồng và kĩ thuật làm đất trồng cây. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em, đất trồng có thành phần như thế nào và có vai trò gì đối với cây trồng? Làm đất trồng cây gồm những công việc nào và mục đích của chúng là gì?* *** HS thực hiện nhiệm vụ** - HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ. *** Báo cáo, thảo luận**	

- HS nhóm khác nhận xét chéo. *** Kết luận, nhận định** - GV dẫn dắt vào bài học: *Để tìm hiểu rõ hơn về thành phần và vai trò của đất trồng và trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật trong làm đất trồng cây, chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay* ***Bài 2 – Làm đất trồng cây.***	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thành phần và vai trò của đất trồng

a. **Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nắm được thành phần của đất trồng và vai trò của từng phần đối với cây trồng.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SGK, quan sát sơ đồ, thảo luận và trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** HS làm việc cá nhân, làm việc cặp đôi và trả lời câu hỏi.

d. **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV yêu cầu HS quan sát *Hình 2.1 – Các thành phần và vai trò của đất trồng,* SGK tr.12. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *+ Đất trồng có những thành phần nào?* *+ Các thành phần của đất trồng có vai trò gì với cây trồng?* - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, trao đổi và trả lời câu hỏi: *Em hãy liên hệ với thực tiễn trồng trọt ở gia đình và ở địa phương nơi em sinh sống.* ***HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS quan sát sơ đồ, thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. *** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời đại diện 2-3 HS trả lời. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. *** Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	**1. Tìm hiểu thành phần và vai trò của đất trồng** - Những thành phần của đất trồng: + Phần rắn. + Phần lỏng. + Phần khí. - Vai trò của các thành phần đất trồng đối với cây trồng: + Phần rắn: có tác dụng cung cấp chất dinh dưỡng cần thiết cho cây, giúp cây đứng vững. + Phần lỏng: có tác dụng cung cấp nước cho cây, hòa tan các chất dinh dưỡng giúp cây dễ hấp thu. + Phần khí: có tác dụng cung cấp oxygen cho cây, làm cho đất tơi, xốp và giúp dễ cây dễ hấp thụ oxygen tốt hơn.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về làm đất trồng cây

a. **Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS hình dung được kĩ thuật của các khâu trong quá trình làm đất trồng cây và mục đích của từng khâu.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận và trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, làm việc cặp đôi và trả lời câu hỏi.

d. **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV giới thiệu kiến thức: *Làm đất trồng cây là công đoạn đầu tiên trong quy trình trồng trọt. Mỗi loại cây trồng khác nhau thì kĩ thuật làm đất cũng khác nhau.* - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS đọc Bảng thông tin SGK tr.12, thảo luận và trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu một số công việc chính của kĩ thuật làm đất trồng cây.* - GV yêu cầu HS liên hệ với thực tiễn sản xuất ở gia đình và địa phương (nếu có) và trả lời câu hỏi: *Kể thêm các hoạt động khác trong quá trình làm đất trồng cây ở gia đình và địa phương em.* - GV yêu cầu HS quan sát *Hình 2.2 – Một số công việc làm đất trồng cây* SGK tr.13. - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi, thảo luận và trả lời câu hỏi: *Quan sát Hình 2.2 và nêu tên, mục đích các công việc làm đất trồng cây tương ứng với mỗi ảnh.* - GV yêu cầu HS liên hệ thực tiễn sản xuất ở gia đình và địa phương và trả lời câu hỏi: *Kể thêm các dụng cụ thường được sử dụng trong làm đất trồng cây.* *** HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS quan sát hình ảnh, thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. ***Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời đại diện 2-3 HS trả lời. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. *** Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	**2. Tìm hiểu về làm đất trồng cây** - Một số công việc chính của kĩ thuật làm đất trồng cây: + Cày đất: Làm xáo trộn lớp đất mặt ở sâu khoảng 20 - 30 cm. Cày đất có tác dụng làm tăng bề dày của lớp đất trồng, chôn vùi cỏ, làm cho đất tơi xốp và thoáng khí. + Bừa/đập đất: Có tác dụng làm nhỏ đất, thu gom cỏ dại trong ruộng, trộn đều phân bón và san phẳng mặt ruộng. + Lên luống: Một số loại cây trồng cần phải làm luống để dễ chăm sóc, chống ngập úng vào tạo tầng đất dày cho cây sinh trưởng, phát triển. - Nêu tên, mục đích các công việc làm đất trồng cây tương ứng với mỗi ảnh: + Hình a: bừa/đập đất. + Hình b: cày đất. + Hình c: lên luống. - Các dụng cụ thường được sử dụng trong làm đất trồng cây: găng tay làm vườn, cuốc, xẻng, cào đất, kéo cắt tỉa, bay, cưa cầm tay, kéo lớn, bình tưới bình xịt, máy cắt cỏ,…

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về bón phân lót

a. **Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS hiểu được kĩ thuật và mục đích của việc bón phân lót.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận và trả lời câu hỏi.
c. **Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, làm việc cặp đôi và trả lời câu hỏi.
d. **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV giới thiệu kiến thức cho HS: *Bón phân lót là bón phân vào đất trước khi gieo trồng, nhằm mục đích chuẩn bị sẵn thức ăn cho cây trồng hấp thụ ngay khi rễ vừa phát triển, tạo điều kiện để cây phát triển khỏe mạnh ngay từ đầu.* - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Em hãy kể tên một số loại phân thường được sử dụng để bón phân lót.* - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, liên hệ với thực tế sản xuất ở gia đình và địa phương, trả lời câu hỏi: *Kể thêm các hoạt động bón phân lót trong trồng trọt.* - GV yêu cầu HS quan sát *Hình 2.3 – Một số cách bón phân lót* SGK tr.13. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Nêu cách bón phân lót tương ứng với mỗi hình trong Hình 2.3.* *** HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS quan sát hình ảnh, thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. *** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời đại diện 2-3 HS trả lời. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. *** Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	**3. Tìm hiểu về bón phân lót** - Loại phân thường được dùng để bón phân lót là phân hữu cơ hoặc phân lân. Phân bón được rắc đều trên mặt ruộng hay theo hàng, theo hốc trồng cây. - Các hoạt động bón phân lót trong trồng trọt: + Rải đều phân bón trên bề mặt đất cần gieo trồng. + Dùng một lớp đất mới phủ lên trên toàn bộ khu vực đã phân bón và cuối cùng là gieo giống cây. + Đặc biệt, với những loại cây lâu năm thì bạn nên đào hố sâu rồi cho phân bón vào hố trước khi gieo trồng.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua trả lời câu hỏi dưới dạng lí thuyết.
b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.
c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
d. **Tổ chức thực hiện**

*** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**
- GV giao nhiệm vụ 1 cho HS: *Trả lời câu hỏi phần Luyện tập SGK tr.13.*

*** HS thực hiện nhiệm vụ học tập**
- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

*** Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

Mục đích của các khâu trong làm đất trồng cây:

Các công việc	**Cày đất**	**Bừa/đập đất**	**Lên luống**
Mục đích	- Làm tăng bề dày lớp đất trồng. - Chôn vùi cỏ. - Làm cho đất tơi xốp và thoáng khí	- Làm nhỏ đất. - Thu gom cỏ dại trong ruộng. - Trộn đều phân và san phẳng mặt ruộng.	- Chống ngập úng. - Tạo tầng đất dày cho cây sinh trưởng, phát triển. - Dễ chăm sóc cây trồng.

*** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ 2 cho HS: Khoanh tròn vào đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Phần lỏng có tác dụng gì đối với cây trồng?

a. Cung cấp nước cho cây, hòa tan các chất dinh dưỡng giúp cây dễ hấp thu.
b. Làm cho đất tơi, xốp và giúp dễ cây dễ hấp thụ oxygen tốt hơn.
c. Giúp cây đứng vững.
d. Cung cấp oxygen cho cây.

Câu 2. Cày đất là công việc làm xáo trộn lớp đất mặt ở sâu khoảng:

a. 5- 10 cm. b. 10 -15 cm. c. 15-20 cm. d. 20 - 30 cm.

Câu 3. Đâu **không** phải là hoạt động bón phân lót trong trồng trọt?

a. Rải đều phân bón trên bề mặt đất cần gieo trồng.
b. Dùng một lớp đất mới phủ lên trên toàn bộ khu vực đã phân bón và cuối cùng là gieo giống cây.
c. Làm xáo trộn lớp đất mặt ở sâu khoảng 20 - 30 cm.
d. Đặc biệt, với những loại cây lâu năm thì bạn nên đào hố sâu rồi cho phân bón vào hố trước khi gieo trồng.

*** HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

*** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

Câu 1. *Đáp án a.*
Câu 2. *Đáp án d.*
Câu 3. *Đáp án c.*

*** Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. **Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức vào cuộc sống.
b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, hiểu biết thực tế, liên hệ bản thân, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.
c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
d. **Tổ chức thực hiện:**

*** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ cho HS: *Trả lời câu hỏi Vận dụng SGK tr.13.*

*** HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

Gợi ý: *HS quan sát, tìm hiểu cách chuẩn bị đất trồng cây trong một số điều kiện khác nhau (trong chậu, trong vườn, trong nhà lưới,...). HS lựa chọn và mô tả quy trình làm đất trồng cây trong một điều kiện cụ thể, nộp lại sản phẩm cho GV trong buổi học tiếp theo.*

*** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

Giờ sau nộp GV.

*** Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. Hồ sơ dạy học khác

***Kế hoạch đánh giá**

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên (GV đánh giá HS, HS đánh giá HS)	- Vấn đáp. - Kiểm tra viết, kiểm tra thực hành.	- Các loại câu hỏi vấn đáp, bài tập.	

BÀI 3: GIEO TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ PHÒNG TRỪ SÂU, BỆNH CHO CÂY TRỒNG

Môn học: KHTN - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 03 tiết

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Trình bày được ý nghĩa, kĩ thuật gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng.

- Vận dụng được kiến thức vào thực tiễn trồng trọt ở gia đình.

- Có ý thức đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong trồng trọt.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm và hợp tác để hoàn thành phiếu học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: GQVĐ trong khi làm việc nhóm.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Năng lực nhận biết KHTN: Nhận biết, kể tên các kĩ thuật gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng.

- Năng lực tìm hiểu tự nhiên: Trình bày được các kĩ thuật gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng.

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng được các kĩ thuật gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng trong thực tiễn ở gia đình.

3. Phẩm chất

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên

Tranh ảnh, video liên quan đến kĩ thuật gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng.

2. Học sinh

Đọc trước bài học trong SGK; tìm kiếm và đọc trước tài liệu có liên quan đến kĩ thuật gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu:

Thông qua các hình ảnh, video và các câu hỏi gợi ý giúp HS gợi nhớ lại những kiến thức đã có về kĩ thuật gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng. Bên cạnh đó, thông qua các hình ảnh, video và các câu hỏi có tính chất gợi mở sẽ kích thích HS mong muốn tìm hiểu về các nội dung mới, lí thú của bài học.

b) Nội dung:

Sử dụng một số hình ảnh nói về kĩ thuật gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng. Yêu cầu HS quan sát và nêu những hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân về các vấn đề liên quan.

c) Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh ghi trên phiếu học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chiếu hình ảnh về một số kĩ thuật gieo trồng, chăm sóc và một số biện pháp phòng trừ sâu bệnh. Yêu cầu học sinh ghi	

lại những kĩ thuật quan sát được. - GV phát phiếu học tập và yêu cầu học sinh thực hiện cá nhân theo yêu cầu viết trên phiếu trong 2 phút. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** - HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV. Hoàn thành phiếu học tập. - *Giáo viên:* Theo dõi và bổ sung khi cần. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, mỗi HS trình bày 1 nội dung trong phiếu, những HS trình bày sau không trùng nội dung với HS trình bày trước. GV liệt kê đáp án của HS trên bảng ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá:* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá:* *->Giáo viên nêu vấn đề cần tìm hiểu trong bài học.* Để trả lời câu hỏi trên đầy đủ và chính xác nhất chúng ta vào bài học hôm nay.	

3. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu:

- Trình bày được ý nghĩa, kĩ thuật gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng.

- Vận dụng được kiến thức vào thực tiễn trồng trọt ở gia đình.

- Có ý thức đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong trồng trọt.

b) Nội dung:

HS nghiên cứu thông tin trong SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về kỹ thuật gieo trồng	
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc nội dung mục I trong SGK và nêu các yêu cầu của kĩ thuật gieo trồng. - GV yêu cầu HS đọc nội dung mục I trong SGK và nêu thời vụ gieo trồng	**I. Kỹ thuật gieo trồng** - Yêu cầu cơ bản khi thực hiện gieo trồng: Đảm bảo yêu cầu về thời vụ, mật độ, khoảng cách và độ nông sâu. - Các hình thức gieo trồng: Gieo

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trong 3 phút hoàn thành phiếu học tập số 1. - GV yêu cầu HS quan sát H3.1, nêu hình thức gieo trồng ở mỗi hình a,b,c,d ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** - HS nghiên cứu thông tin trả lời câu hỏi. - HS hoạt động theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập số 1. - HS quan sát hình và trả lời. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV chiếu một số hình ảnh về các loại cây trồng theo các vụ và các kĩ thuật gieo trồng, nhận xét và chốt nội dung.	bằng hạt và trồng bằng cây con
Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về chăm sóc cây trồng	
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chiếu hình ảnh về các biện pháp chăm sóc cây trồng và yêu cầu HS nêu tên các biện pháp. - GV yêu cầu HS quan sát H3.2 và nghiên cứu thông tin mục II.1 trong SGK cho biết thế nào là tỉa, dặm cây và mục đích của tỉa, dặm cây là gì? - GV yêu cầu HS quan sát H3.3 và nghiên cứu thông tin mục II.2 trong SGK cho biết thế nào là làm cỏ, vun xới và mục đích của làm cỏ, vun xới là gì? - GV yêu cầu HS quan sát H3.4, H3.5, H3.6 và nghiên cứu thông tin mục II.3, II.4, II.5 trong SGK cho biết ý nghĩa của việc tưới, tiêu nước và bón phân thúc. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS quan sát hình và nghiên cứu thông tin để trả lời câu hỏi. ***Báo cáo kết quả và thảo luận***	**II. Chăm sóc cây trồng** **1. Tỉa, dặm cây** - Tiến hành tỉa bỏ các cây yếu, cây bị sâu bệnh, tỉa cây tại chỗ có cây mọc dày và dặm cây khoẻ vào chỗ hat không mọc hoặc cây bị chết. - Mục đích: nhằm đảm bảo khoảng cách, mật độ cây trên ruộng giúp cây sinh trưởng tốt, đảm bảo năng suất. **2. Làm cỏ, vun xới** - Làm cỏ : Diệt hết cỏ mọc xen vào cây trồng Mục đích: Loại bỏ cây dại vào tranh chất dinh dưỡng và ánh sáng của cây trồng. - Vun xới: Thêm đất màu vào

GV gọi ngẫu nhiên một số HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** - *Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* - *Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV chiếu hình ảnh giới thiệu một số phương pháp tưới nước và bón phân, nhận xét và chốt nội dung.	gốc cây, làm đất tăng thêm độ thoáng. Mục đích: Giữ cây đứng vững, cung cấp chất dinh dưỡng cho cây, cung cấp oxy cho cây, hạn chế bốc hơi nước. **3. Tưới nước** Đảm bảo đủ nước, cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt **4.Tiêu nước** - Giúp cây không bị thiếu oxy - Việc tiêu nước phải tiến hành kịp thời và nhanh chóng **5. Bón phân thúc** - Bón bằng phân hữu cơ (hoai , mục) - Bón phân hoá học ➔Bổ sung kịp thời chất dinh dưỡng cho cây
Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng	
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin trong SGK mục III.1 và nêu nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh. Vì sao trong công tác phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng cần thực hiện nguyên tắc phòng là chính? - GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin trong SGK mục III.2 và nêu các biện pháp chính để phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng. - GV yêu cầu HS từ nội dung mục 2a hãy nêu mục đích của các biện pháp phòng trừ sâu bệnh theo mẫu bảng trong SGK. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm nêu ưu và nhược điểm của từng biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***	**III. Phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng** **1. Nguyên tắc phòng trừ** + Phòng là chính. + Trừ sớm, trừ kịp thời, nhanh chóng và triệt để. + Sử dụng tổng hợp các biện pháp phòng trừ. **2. Các biện pháp phòng trừ** *a. Biện pháp canh tác và sử dụng giống chống sâu,bệnh hại* - Ưu điểm: Dễ thực hiện, hiệu quả lâu dài. - Nhược điểm: Hiệu quả thấp khi sâu ,bệnh phát triển mạnh. *b. Biện pháp thủ công*

- HS nghiên cứu thông tin trả lời câu hỏi. - HS hoàn thiện bảng trong SGK. - HS hoạt động theo nhóm để trả lời câu hỏi. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một số HS (nhóm) trình bày, các HS (nhóm) khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV nhận xét và chốt nội dung.	- Ưu điểm: Đơn giản, dễ thực hiện, có hiệu quả khi sâu, bệnh mới phát sinh. - Nhược điểm: Hiệu quả thấp khi sâu,bệnh phát triển mạnh, tốn công. *c. Biện pháp hóa học* - Ưu điểm: Có hiệu quả cao, ít tốn công, diệt nhanh. - Nhược điểm: + Gây ngộ độc cho người , cây trồng và gia súc. + Ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí), giết chết các sinh vật khác ở ruộng.

3. Hoạt động 3: Luyện tập
a) Mục tiêu:
- Hệ thống được một số kiến thức đã học.
b) Nội dung:
GV tổ chức cho HS chơi trò chơi " Hộp quà bí ẩn".
c) Sản phẩm:
- HS tham gia trò chơi trả lời các câu hỏi.
d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức cho HS chơi trò chơi " Hộp quà bí ẩn". ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. ***Báo cáo kết quả và thảo luận***	

HS tích cự tham gia trò chơi. ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** GV củng cố lại nội dung bài học qua các câu hỏi có trong trò chơi.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

b) Nội dung:

Làm video việc thực hiện chăm sóc cây tại gia đình.

c) Sản phẩm:

HS làm được video chăm sóc cây tại gia đình.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS: 1. Vận dụng kiến thức đã học em hãy làm 1 video thực hiện việc chăm sóc cây trồng trong gia đình. 2. Hãy giải thích và tuyên truyền cho mọi người áp dụng đúng cách và tuân thủ cãc nguyên tắc khi sừ dụng thuốc hoá học đẻ phòng trừ sâu. bệnh. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thực hiện làm ra sản phẩm. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** Sản phẩm của HS. ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau.	

5. Hướng dẫn về nhà

- Về nhà học bài , sư tầm tranh ảnh hoặc video về cách chăm sóc cây trồng

- Quan sát việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học ở gia đình và cách bảo vệ môi trường

- Sưu tầm hình ảnh hoặc vi deo về thu hoạch sản phẩm trồng trọt.

BÀI 4: THU HOẠCH SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT

Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Trình bầy được mục đích, yêu cầu của thu hoạch sản phẩm trồng trọt.

- Nêu được một số phương án chủ yếu trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt.

- Vận dụng kiến thức thu hoạch sản phẩm trồng trọt vào thực tiễn.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: từ trải nghiệm thực tế cuộc sống kết hợp tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp cho việc nghiên cứu thu hoạch sản phẩm trồng trọt.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra các phương pháp thu hoạch bảo quản sản phẩm trồng trọt, hợp tác trong thực hiện hoạt động vận dụng kiến thức vào thực tế.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: GQVĐ trong thực hiện thu hoạch, bảo quản sản phẩm.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :

- *Năng lực nhận biết KHTN:* Nhận biết, kể tên, và phân loại các loại kính lúp.

- *Năng lực tìm hiểu tự nhiên:* Nêu được cấu tạo chung của kính lúp và sử dụng kính lúp để quan sát những vật nhỏ: dấu vân tay, gân của một chiếc lá…

- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* trình bày được cách sử dụng kính lúp để quan sát vật có kích thước nhỏ. Thực hiện quan sát vật nhỏ bằng kính lúp.

3. Phẩm chất: Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm biết được các phương pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thí nghiệm, thảo luận về kính lúp, cách nhận biết, cấu tạo và phân loại kinh lúp.

- Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm quan sát vật có kích thước nhỏ qua kính lúp.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:

- Tranh, ảnh, video liên quan đến kĩ thuật thu hoạch sản phẩm trồng trọt.
- Phiếu học tập KWL và phiếu học tập .

2. Học sinh:

- Bài cũ ở nhà.
- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu: (Xác định vấn đề học tập là các phương pháp thu hoạch nông sản)

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là các phương pháp thu hoạch nông sản

b) Nội dung:

- Học sinh xem video và hình vẽ các phương pháp thu hoạch nông sản của Việt Nam và thế giới để nắm được các phương pháp thu hoạch truyền thống và hiện đại từ đó áp dụng vào đời sống.

- Trả lời câu hỏi :

1. Thu hoạch sản phẩm trồng trọt nhằm mục đích gì?

2. Các phương pháp thu hoạch lúa, ngô, khoai, sắn, rau cải... của gia đình và địa phương em đang sống.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh ghi trên phiếu học tập

1. Thu hoạch sản phẩm trồng trọt nhằm bảo đảm chất lượng nông sản...

2. Ở địa phương e lúa thu hoạch bằng máy cắt, Ngô thì dùng tay để bẻ bắp; Khoai sắn thì dỡ; Rau cải thì hái....

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chiếu hình ảnh video thu hoạch sản phẩm trồng trọt. - GV phát phiếu học tập KWL và yêu cầu học sinh thực hiện cá nhân theo yêu cầu viết trên phiếu trong 2 phút.	

Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV. Hoàn thành phiếu học tập. - *Giáo viên:* Theo dõi và bổ sung khi cần. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, mỗi HS trình bày 1 nội dung trong phiếu, những HS trình bày sau không trùng nội dung với HS trình bày trước. GV liệt kê đáp án của HS trên bảng ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá:* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá:* *->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học* Để trả lời câu hỏi trên đầy đủ và chính xác nhất chúng ta vào bài học hôm nay. *->Giáo viên nêu mục tiêu bài học:*	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu:

- Trình bầy được mục đích, yêu cầu của thu hoạch sản phẩm trồng trọt.

- Nêu được một số phương án chủ yếu trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt.

- Vận dụng kiến thức thu hoạch sản phẩm trồng trọt vào thực tiễn.

b) Nội dung:

- Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát hình ảnh trả lời các câu hỏi sau:

H1. Vì sao bà con nông dân cắt lúa bánh tẻ để làm cốm, còn muốn tích trữ thóc thì cắt lúa chín? Khi cắt lúa người ta bó lúa thành từng bó.

H2. Vì sao bà con nông dân nhìn cây tỏi bắt đầu lên gió thì thu hoạch?

H3. Kể tên một số dụng cụ thường dùng để thu hoạch một số nông sản?

H4. Nêu mục đích của thu hoạch sản phẩm trồng trọt?

- HS hoạt động cặp đôi quan sát hình 4.1 và 4.2 GSK kết hợp kiến thức thực tế trả lời các câu hỏi

H5: Nêu một số phương pháp bảo quản nông sản mà em biết. Địa phương em áp dụng phương pháp thu hoạch nào?

Tên phương pháp	Đối tượng áp dụng	Liên hệ địa phương

c) Sản phẩm:

- HS qua hoạt động nhóm trả lời các phương pháp thu hoạch và bảo quản nông sản, vận dụng liên hệ thực tế trong nước và địa phương

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.1: ***Tìm hiểu mục đích yêu cầu của thu hoạch sản phẩm trồng trọt***	
****Chuyển giao nhiệm vụ học tập*** - GV giao nhiệm vụ học tập nhóm 4 bạn, tìm hiểu thông tin trong SGK trả lời câu hỏi H1,H2, H3 ****Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án và ghi chép nội dung hoạt động ra phiếu học tập ****Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). ****Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá. Sau đó yêu cầu trả lời câu H4* - GV nhận xét và chốt nội dung	**I.Mục đích, yêu cầu của thu hoạch sản phẩm trồng trọt** - Mục đích: đảm bảo nông sản ít bị tổn thất nhất và chất lượng tốt nhất. - Yêu cầu: đúng lúc, nhanh, gọn, cẩn thận. Sử dụng phương pháp và dụng cụ phù hợp với từng loại cây trồng
Hoạt động 2.2: ***Tìm hiểu một số phương pháp chủ yếu trong thu hoạch***	
****Chuyển giao nhiệm vụ học tập*** - GV giao nhiệm vụ cặp đôi cho HS yêu cầu HS quan sát hình 4.1 và 4.2 GSK kết hợp kiến thức thực tế trả lời các câu hỏi H5.	**II. Một số phương án chủ yếu trong thu hoạch** - Phương pháp truyền thống: + Hái: rau, đỗ, nhãn, chôm chôm... + Nhổ: Lạc, su hào, cà rốt, củ cải... + Đào: khoai tây, khoai lang,...

Hình 4.1. Một số phương pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt

Sản phẩm trồng trọt sau khi thu hoạch nếu không được bảo quản hoặc bảo quản không đúng cách sẽ bị hao hụt về số lượng và chất lượng

Tuỳ thuộc vào đặc điểm của loại sản phẩm trồng trọt và yêu cầu của bảo quản, cần có các phương pháp bảo quản phù hợp. Một số phương pháp bảo quản phổ biến như: bảo quản thường trong kho (Hình 4.2a), bảo quản lạnh (Hình 4.2b), bảo quản kín, bảo quản bằng hút chân không.

a) Bảo quản thường trong kho b) Bảo quản lạnh

Hình 4.2. Một số phương pháp bảo quản sản phẩm trồng trọt

***Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS hoạt động cặp đôi đưa ra câu trả lời vào phiếu học tập

GV: kiểm tra, giúp đỡ khi cần

***Báo cáo kết quả và thảo luận**

GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày phương pháp thu hoạch, 1 nhóm trình bày phương pháp bảo quản, các nhóm khác bổ sung (nếu có).

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

- GV nhận xét và chốt nội dung cách sử dụng và bảo quản kính lúp.

+ Cắt: Lúa, bắp cải, hoa....

- Phương pháp hiện đại: dùng máy móc để thu hoạch

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Hệ thống được một số kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- HS thực hiện cá nhân phần "Con đã học được trong giờ học" trên phiếu học tập KWL.

- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.

c) Sản phẩm:

- HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trên phiếu học tập KWL.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân phần "Con đã học được trong giờ học" trên phiếu học tập KWL và tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học vào thu hoạch sản phẩm trồng trọt của gia đình như thu hoạch và bảo quản hoa, quả nhãn, quả Sấu...

b) Nội dung:

- GV yêu cầu hs về nhà Thu hoạch sản phẩm của gia đình và chụp ảnh làm tư liệu nộp cho cô.

c) Sản phẩm:

- HS thu hoạch và bảo quản nông sản.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu mỗi HS thu hoạch một vài nông sản và chụp ảnh hoặc quay video nộp lại vào zalo cho	

thầy cô. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** Các em HS thực hiện làm ra sản phẩm tại nhà. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** Sản phẩm của các e ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau.	

PHIẾU HỌC TẬP

Họ và tên: ……
Lớp: …… Nhóm: ……

PHIẾU 1 : Học sinh hoàn thành nhóm 4 các câu hỏi sau

H1. Vì sao bà con nông dân cắt lúa bánh tẻ để làm cốm, còn muốn tích trữ thóc thì cắt lúa chín? Khi cắt lúa người ta bó lúa thành từng bó.

.....
.....

.....
.....

.....
.....

H2. Vì sao bà con nông dân nhìn cây tỏi bắt đầu lên gió thì thu hoạch?

.....
.....

.....
.....

H3. Kể tên một số dụng cụ thường dùng để thu hoạch một số nông sản?

.....
.....

.....
.....

PHIẾU 2. Học sinh hoạt động cặp đôi và hoàn thành bảng sau

H5: Nêu một số phương pháp bảo quản nông sản mà em biết. Địa phương em áp dụng phương pháp thu hoạch nào?

Tên phương pháp	Đối tượng áp dụng	Liên hệ địa phương

H6: Nêu một số phương pháp bảo quản nông sản mà em biết. Địa phương em áp dụng phương pháp thu hoạch nào?

.....

.....

.....

PHIẾU KWL

Em đã biết	Em đã học được
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

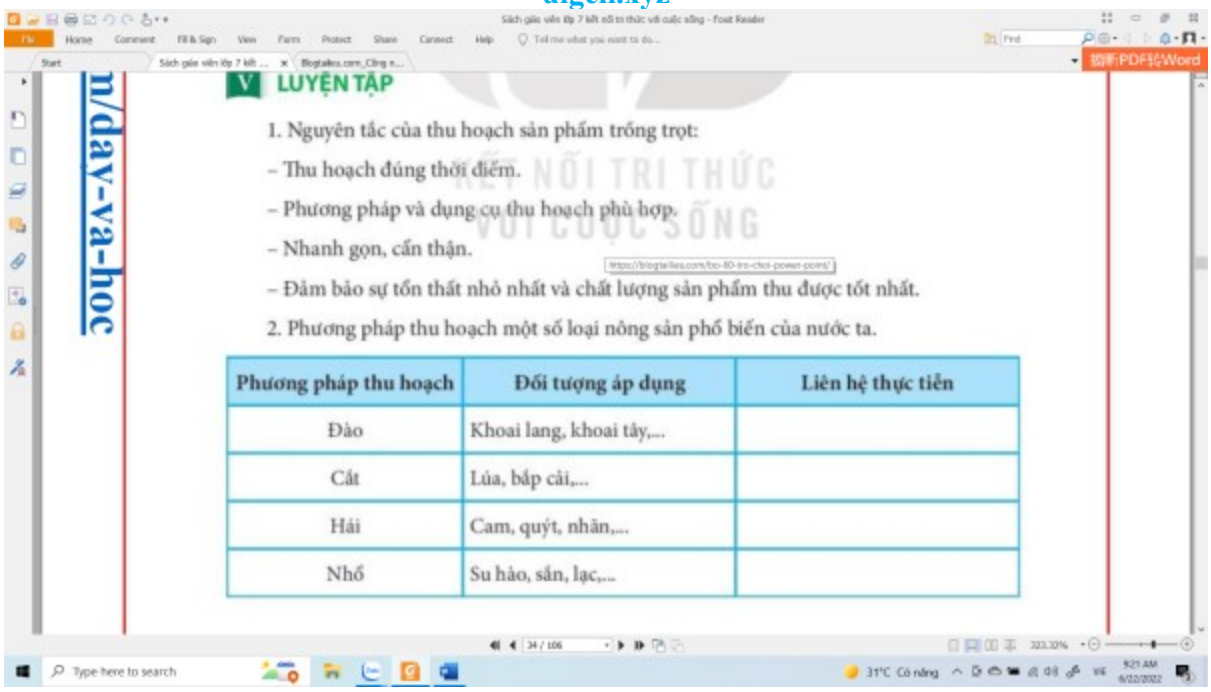

BÀI 5: NHÂN GIỐNG VÔ TÍNH CÂY TRỒNG

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Trình bày được kĩ thuật nhân giống cày trồng bằng giâm cành.
- Thực hiện được việc nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về kĩ thuật nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác hiệu quả với các bạn trong nhóm và tuân thủ các quy định trong quá trình thực hành.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hành.

2.2. Năng lực công nghệ :

- Năng lực nhận biết công nghệ: Nhận biết, kể tên, và phân loại các phương pháp nhân giống vô tính. Mô tả được các bước thực hành nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành.

- Năng lực sử dụng công nghệ: Thu thập và xử lí thông tin từ sách giáo khoa, web, trao đổi với người thân có kinh nghiệm. Thực hành nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành.

3. Phẩm chất:

- Tuân thủ nội quy thực hành, có ý thúc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hành.
- Trung thực trong quá trình thực hành và báo cáo kết quả thực hành.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

4. Giáo viên:

- Tranh ảnh, video liên quan đến kĩ thuật nhân giống vô tính cây trồng.

- Chuẩn bị địa điểm, nguyên vật liệu, dụng cụ cần thiết cho bài thực hành

2. Học sinh:

- Đọc trước bài học trong SGK; tìm kiếm và đọc trước tài liệu có liên quan đến kĩ thuật nhân giống vô tính cây trồng.

- Nghiên cứu quy trình thực hành nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu:

a) Mục tiêu:

- Thông qua các hình ảnh, video và các câu hỏi gợi ý giúp HS gợi nhớ lại những kiến thức đã có về nhân giống vô tính cầy trồng, đồng thời kích thích HS mong muốn tìm hiểu về các nội dung mới, lí thú của bài học.

b) Nội dung:

- GV đưa ra các câu hỏi hoặc có thể sử dụng cảu hỏi ở phần mở đầu trong SGK về nhân giống vô tính cây trồng để kích thích HS mong muốn tìm hiểu nội dung bài học.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chiếu hình ảnh về 1 số kĩ thuật nhân giân giống vô tính cây trồng - Yêu cầu HS hoạt động cá nhân quan sát và nêu những hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân về các vấn đề liên quan. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** - HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, mời các học sinh khác chia sẻ ý kiến. GV liệt kê đáp án của HS trên bảng ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Giáo viên nhận xét, đánh giá,* *->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:* Để trả lời câu hỏi trên đầy đủ và chính xác nhất chúng ta vào bài học hôm nay. *->Giáo viên nêu mục tiêu bài học:*	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu:

- Biết được khái niệm và một số phương pháp nhân giống cây trồng.

- Nêu được kĩ thuật nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành

b) Nội dung: Tìm hiểu về khái niệm, các phương pháp nhân giống vô tính, kĩ thuật nhân giống vô tính bằng phương phép giâm cành.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.1: ***Tìm hiểu khái niệm về nhân giống vô tính cây trồng***	
**** Chuyển giao nhiệm vụ học tập*** - GV yêu cầu học sinh quan sát hình ảnh trên máy chiếu. Hoạt động cặp đôi trả lời các câu hỏi sau: + Cây giống được tạo ra bằng các bộ phận nào của cây mẹ? + Liên hệ thực tế cho biết hình thức nhân giống này được áp dụng với các loại cây trồng nào? ****Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án ****Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). ****Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV nhận xét và chốt nội dung khái niệm về nhân giống vô tính.	**I. Khái niệm** - Nhân giống vô tính cây trồng là hình thức tạo ra cây giống trực tiếp từ các bộ phận sinh dưỡng (lá, thân, rễ) của cây mẹ. Các cây con được tạo ra bằng hình thức nhân giống này mang các đặc điểm giống với cây mẹ. - Hình thức nhân giống này thường được áp dụng cho các loại cây ăn quả, cây hoa, cây cảnh,...
Hoạt động 2.2: Tìm hiểu các phương pháp nhân giống vô tính	
****Chuyển giao nhiệm vụ học tập*** - GV yêu cầu học sinh cặp đôi quan sát hình ảnh các phương pháp nhân giống vô tính cây trồng, nghiên cứu tài liệu SGK và trả lời câu hỏi + Kể tên các phương pháp nhân giống vô tính. + So sánh sự giống và khác nhau của các phương pháp nhân giống vô tính? ****Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS hoạt động nhóm đưa ra câu trả lời ****Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). ****Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV nhận xét và chốt nội dung các phương pháp nhân giống vô tính.	**II. Các phương pháp nhân giống vô tính** **1. Giâm cành** **-** Cắt một đoạn cành bánh tẻ nhúng phần gốc vào dung dịch kích thích ra rễ. sau đó cắm xuống đất ẩm cho cành ra rễ và phát triển thành cây mới **2. Ghép** **-** Dùng một bộ phận sinh dưỡng của một cây (mắt ghép, chồi ghép, cành ghép) ghép vào một cây khác. **3. Chiết cành** - Chọn cành khoẻ mạnh trên cây mẹ. Lấy dao tách một đoạn vỏ ở vị trí cần chiết, sau đó dùng thuốc kích thích ra rễ và hỗn hợp đất thích hợp bó vào đoạn cành vừa tách vỏ, bọc nylon ra ngoài và dùng dây buộc chặt hai đầu. Sau một thời gian, khi đoạn cành được bó đất đã mọc rễ thi cắt khỏi cây mẹ rồi đem trồng.
Hoạt động 2.3: Tìm hiểu kĩ thuật nhân giống bằng phương pháp giâm cành	
****Chuyển giao nhiệm vụ học tập*** - GV yêu cầu học sinh quan sát hình 5.4. kết hợp thông tin sgk nêu các bước trong quy trình nhân giống cây trồng bằng phương pháp	**III. Nhân giống bằng phương pháp giâm cành** *Bước 1.* Chọn cành giâm: Chọn cành bánh tẻ (không quá non hay quá già),

giâm cành. - Trả lời 1 số câu hỏi: + Tại sao cần chọn cành khỏe mạnh? + Nêu mục đích của việc cắt bớt phiến lá? + Khi cắt cành giâm ta cần lưu ý điều gì? ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS hoạt động cá nhân đưa ra câu trả lời ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện trình bày, các hs khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá, làm rõ quy trình và chốt nội dung*	cành khoẻ mạnh, không bị sâu, bệnh. *Bước 2.* Cắt cành giâm: Dùng dao cắt vát cành giâm thành từng đoạn khoảng 5 - 10 cm, có từ 2 đến 4 lá. Cắt bớt phiến lá. *Bước 3.* Xử lí cành giâm: Nhúng gốc cành giâm sâu khoảng 1 - 2 cm vào dung dịch thuốc kích thích ra rễ, trong khoảng 5-10 giây. *Bước 4.* Cắm cành giâm: cắm cành giâm hơi chếch vào khay đất hay luống đất ẩm, sâu khoảng 3-5 cm, khoảng cách 5 cm X 5 cm hoặc 10 cm X 10 cm. *Bước 5.* Chăm sóc cành giâm: Tưới nước giữ ẩm Sau từ 10 đến 15 ngày, kiểm tra thấy cành giâm ra rễ nhiều, rễ dài và chuyển từ màu trắng sang màu vàng thì chuyển ra vườn ươm.

3. Hoạt động 3: Thực hành

a) Mục tiêu:

- Hoạt động này giúp HS thực hiện được việc nhân giống một hoặc một số loại cây trồng bằng phương pháp giâm cành.

b) Nội dung:

- HS thực hiện nhân giống 1 loại cây trồng cụ thể bằng phương pháp giâm cành.

c) Sản phẩm:

- Cành đã được giâm trong khay đất hoặc luống đất.

d) Tổ chức thực hiện:

- Chuẩn bị nguyên vật liệu và dụng cụ: GV hướng dân các nhóm HS chuẩn bị đáy đủ nguyền vật liệu, dụng cụ cần thiết cho bài thực hành; phổ biến nội quy thực hành và nhấn mạnh những vấn đề cán lưu ý trước, trong và sau quá trình thực hành.

+ Mẫu thực vật: Chuẩn bị cành bánh té của một só loại cây phổ biến (rau ngót, khoai lang, hoa hóng, râm bụt,...), mỗi loại 20 cành.

+ Dụng cụ: dao, kéo, khay đất hay luống đất ẩm, thuốc kích thích ra rễ, nước sạch, lọ thuỷ tinh, binh tưới nước.

- Thực hành giâm cành

+ GV hướng dẫn và thao tác mẫu từng bước trong quy trình thực hành cho HS quan sát. Có thể sử dụng video cho HS xem thay cho sự hướng dẫn và thao tác mẫu của GV.

+ HS thực hành theo quy trình trong SGK và theo sự hướng dẫn của GV. Ghi kết quả thực hành vào phiếu và báo cáo kết quả thực hành với GV

+ Thu dọn dụng cụ và vệ sinh sạch sẽ sau khi thực hành.

Chú ý: Trong quá trình HS thực hành, GV cần thường xuyên theo dõi và phát hiện những khó khăn, vướng mắc của HS để đưa ra những tư vấn, giúp đỡ kịp thời.

Sau khi kết thúc tiết thực hành, GV cần hướng dẫn, giao nhiệm vụ để các nhóm tiếp tục chăm sóc cành giâm cho đến khi thành cây con có thể đem trồng.

- Đánh giá kết quả thực hành

+ Các nhóm tự đánh giá kết quả thực hành của nhóm mình và nhận xét, đánh giá kết quả thực hành của các nhóm khác theo các tiêu chí trong phiếu đánh giá dưới sự hướng dẫn của GV

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

b) Nội dung:

- Thực hiện giâm cành cho một đối tượng cây trồng phù hợp ở gia đình hoặc địa phương.

c) Sản phẩm:

- Cành giâm

d) Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Yêu cầu HS Thực hiện giâm cành cho một đối tượng cây trồng phù hợp ở gia đình hoặc địa phương.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thực hiện làm ra sản phẩm.

Báo cáo kết quả và thảo luận

Sản phẩm của cá nhân

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH

BÀI THỰC HÀNH: NHÂN GIỐNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP GIÂM CÀNH

Ngày tháng năm

Lớp:.....Nhóm thực hành:.....…

Tiết thực hành:.....….....….

Địa điểm thực hành:.....…..

GV hướng dẫn:…….

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Tốt	Đạt	Chưa đạt	Ghi chú
1	Thực hành đúng quy trình, kĩ thuật				
2	Số cành giâm được và chất lượng cành giâm				
3	Thực hiện nội quy thực hành				
4	An toàn lao động và vệ sinh môi trường				

TÊN BÀI DẠY: BÀI 6 - DỰ ÁN TRỒNG RAU AN TOÀN
Môn: Công nghệ; Lớp 7

Thời gian thực hiện: ... tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Có nhận thức về việc lập kế hoạch, tính toán chi phí, quy trình thực hiện trồng rau an toàn.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Thu thập được các thông tin cần thiết cho việc lựa chọn loại rau và các dụng cụ, thiết bị phù hợp với sở thích, mùa vụ, điều kiện kinh tế và không gian trồng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác hiệu quả với các bạn trong nhóm và tuân thủ các quy định trong quá trình thực hiện dự án.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

2.2. Năng lực công nghệ

-Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí việc cho trồng một loại rau trong khay hoặc thùng xốp.

-Thực hiện được một số công việc trog quy trình trồng và chăm sóc rau an toàn.

- Đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong và sau quá trình thực hành.

3. Phẩm chất

-Tích cực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, có ý thức về an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong trồng trọt.

-Tuân thủ nội quy thực hành, trung thực trong quá trình và báo cáo kết quả thực hành.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1.Giáo viên:

- Tranh ảnh liên quan đến kĩ thuật trồng rau an toàn.

-Chuẩn bị địa điểm, nguyên vật liệu, dụng cụ cần thiết cho bài thực hành.

-Làm thử trước để hướng dẫn HS.

-Máy chiếu, phần mềm powerpoint, messenger, zalo.

2. Học sinh: Đọc trước bài 6, tìm hiểu trước kĩ thuật trồng rau an toàn. Nghiên cứu kĩ quy trình thực hành trồng rau an toàn.

-Chuẩn bị nguyên vật liệu, dụng cụ cần thiết theo sự phân công của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Hoạt động 1: Mở đầu

a.Mục tiêu: Tạo tâm thế, gợi nhu cầu nhận thức của HS về một chủ đề học tập mới *b. Nội dung*: HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi của GV liên quan đến tranh.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

**Chuyển giao nhiệm vụ:*

GV yêu cầu HS quan sát tranh:

và trả lời câu hỏi: Rau xanh có cần thiết trong các bữa ăn hàng ngày của chúng ta không ? tại sao

**Thực hiện nhiệm vụ:* tiếp nhận nhiệm vụ, quan sát tranh, suy nghĩ độc lập.

**Báo cáo, thảo luận:*

-Hs tham gia quan sát, trả lời câu hỏi.

*Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét trình bày của HS.
- GV chốt lại kiến thức.

GV vào bài mới:

Rau xanh là một loại thực phẩm thiết yếu, không thể thiếu đối với mỗi bữa ăn của mỗi gia đình. Dự án trồng rau an toàn sẽ cung cấp cho chúng ta nguồn rau chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, tiết kiệm chi phí mua rau. Việc tham gia trồng rau giúp con người nâng cao sức khỏe, tinh thần vui vẻ. Mặt khác, trồng rau an toàn tạo nên một không gian xanh mát, giúp cải thiện bầu không khí trong lành, mát mẻ hơn.

Chúng ta cùng đến với bài 6: Dự án trồng rau an toàn.
Gv: Ở bài này chúng ta sẽ thực hiện 2 nhiệm vụ
-Lập kế hoạch và tính toán chi phí cho một dự án trồng rau an toàn ở quy mô phù hợp.
- Trồng, chăm sóc và thu hoạch rau theo đúng kĩ thuật trồng rau an toàn.

2. Hoạt động 2: Lập kế hoạch và tính toán chi phí

a.Mục tiêu: Nâng cao hiểu biết về kĩ thuật trồng rau an toàn, nâng cao kiến thức về giá cả, chủng loại, đặc điểm của các loại rau.
Giúp HS có khả năng lập kế hoạch cho các công việc, ý tưởng phù hợp với lứa tuổi.

b. Nội dung: HS hoạt động theo nhóm trước ở nhà nghiên cứu và thực hiện nội dung mục II.1 trong SGK. Hs lập kế hoạch và tính toán chi phí.

c. Sản phẩm: Bản kế hoạch dự án trồng rau.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Gv yêu cầu các nhóm báo cáo phần thu thập thông tin của mình. Các nhóm cử đại diện báo cáo, nhóm khác nhận xét, bổ sung. ->GV nhận xét, đánh giá. -Kĩ thuật gieo trồng và chăm sóc. ->Từ các thông tin thu thập ở trên các nhóm đưa ra sự lựa chọn về: loại rau, dụng cụ, thiết bị cần thiết phù hợp với mùa vụ, điều kiện kinh tế và không gian trồng. Gv yêu cầu các nhóm đưa ra bảng tính toán chi phí đã thảo luận trước ở nhà dựa theo mẫu sau:	**1.Lập kế hoạch và tính toán chi phí** a.Thu thập thông tin b.Lựa chọn đối tượng, dụng cụ và thiết bị. c.Tính toán chi phí.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cây giống	Cây	?	?	?
2	...	?	?	?	?

Các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét chéo.

GV nhận xét, đánh giá và lưu ý: Khuyến khích tận dụng các thùng xốp đã qua sử dụng để giảm chi phí và bảo vệ môi trường.

Tư vấn hs hoàn thành bản kế hoạch dự án tốt nhất và khả thi.

3.Hoạt động 3: Hoạt động chuẩn bị nguyên vật liệu, dụng cụ.

a.Mục tiêu: Hs chuẩn bị được nguyên vật liệu, dụng cụ cần thiết

b. Nội dung: Các nhóm chuẩn bị nguyên vật liệu, dụng cụ theo bản kế hoạch đã lập ra.

c. Sản phẩm: Nguyên vật liệu, dụng cụ trồng rau phù hợp.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
-Gv yêu cầu các nhóm trình bày phần chuẩn bị của mình. ->Các nhóm cử đại diện trình bày, nhóm khác nhận xét, đánh giá. ->Gv nhận xét, đánh giá sự chuẩn bị của hs. -Gv phổ biến nội quy thực hành, nhấn mạnh những vấn đề cần lưu ý trước, trong và sau khi thực hiện: +Điều kiện cây giống hoặc hạt giống + Chậu nhựa chuyên dụng hoặc thùng xốp trồng rau +Đất trồng (giá thể) +Phân bón +Dụng cụ trồng và tưới nước. +Trong quá trình thực hiện cần đảm bảo an toàn lao động. ->Các nhóm chú ý lắng nghe.	**2.Chuẩn bị nguyên vật liệu, dụng cụ**

4. Hoạt động 4 : Hoạt động trồng, chăm sóc và thu hoạch rau.

a.Mục tiêu: Hs trồng được rau an toàn trong các khay trồng, thùng xốp hoặc luống đất.

b. Nội dung: Hs trồng, chăm sóc và thu hoạch rau.

c. Sản phẩm: Cây rau đã được trồng hoặc hạt giống đã được gieo.

-Cây rau đủ tiêu chuẩn thu hoạch.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Gv hướng dẫn hs trồng rau theo quy trình trong SGK hướng dẫn. ->Các nhóm chú ý và thực hiện theo hướng dẫn. -Trong quá trình Hs thực hiện, GV quan sát nhắc nhở hướng dẫn, giải đáp những thắc mắc kịp thời. -Sau khi kết thúc thực hành, Gv hướng dẫn, giao nhiệm vụ để các nhóm tiếp tục chăm sóc rau cho đến khi thu hoạch. -Kết thúc thực hành, các nhóm tự đánh giá kết quả thực hành của nhóm mình và nhận xét, đánh giá kết quả thực hành của nhóm khác theo các tiêu chí trong phiếu đánh giá theo sự hướng dẫn của GV.	

Phiếu đánh giá:

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Tốt	Đạt	Chưa đạt	Ghi chú
1	Thực hành đúng quy trình, kĩ thuật				
2	Số lượng và chất lượng rau trồng được				
3	Thực hiện nội quy thực hành				
4	An toàn lao động và vệ sinh môi trường				

-GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hành của các nhóm, công bố kết quả học tập.

5. Hoạt động 5: Vận dụng

a.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức để tham gia vào hoạt động trồng rau nói riêng và trồng trọt nói chung của gia đình.

b. Nội dung: Hs vận dụng kiến thức vào thực tế.

c. Sản phẩm: Hình ảnh, video hoạt động trồng, chăm sóc cây trồng của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

-Gv yêu cầu hs vận dụng kiến thức vào thực tế để trồng, chăm sóc cây trồng tại nhà.

-Hs tiếp nhận thông tin, thực hiện tại nhà.

-HS chụp hình ảnh, quay video sự tham gia hoạt động trồng cây của mình tại nhà sau đó gửi cho gv thông qua tài khoản messenger hoặc zalo.

->Gv tiếp nhận sản phẩm của hs, nhận xét, đánh giá cho điểm trong đầu giờ học sau.

CHƯƠNG II: LÂM NGHIỆP

Bài 7: GIỚI THIỆU VỀ RỪNG

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- HS trình bày được khái niệm về rừng và vai trò của rừng đối với đời sống, kinh tế, sản xuất và môi trường.
- HS phân biệt các loại rừng phổ biến hiện nay.

2. Về năng lực:

**** Năng lực chung:***

- HS ứng dụng CNTT vào bài thuyết trình của nhóm mình là cơ hội để phát triển *năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ*

- HS chia sẻ thông tin, phối hợp khi làm việc nhóm để hình thành và phát triển *năng lực giao tiếp và hợp tác.*

- HS chủ động tìm hiểu được thực trạng rừng của nước ta hiện nay về diện tích đất rừng, độ che phủ, diện tích đồi trọc trên các phương tiện thông tin đại chúng. Qua đó là cơ hội để hình thành và phát triển *năng lực tin học, năng lực tự học*, *tự chủ.*

*** Năng lực riêng:**

- HS trình bày được khái niệm về rừng và vai trò của rừng. Từ đó hình thành và phát triển *năng lực nhận biết công nghệ*
- HS liên hệ biến đổi về thiên tai trong những năm gần đây, rút ra kết luận về mối quan hệ biện chứng giữa diện tích rừng che phủ bị giảm và thiên tai xảy ra. Từ đó hình thành và phát triển *năng lực khoa học và năng lực nhận thức công nghệ.*
- HS phân biệt được các loại từng phổ biến ở Việt Nam hiện nay là cơ hội để hình thành và phát triển *năng lực sử dụng công nghệ.*

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: HS chú ý lắng nghe, nhiệt tình tham gia hoạt động nhóm.
- Trung thực: HS trung thực trong báo cáo kết quả, đánh giá.
- Trách nhiệm:

+ HS có trách nhiệm với các nhiệm vụ được giao.

+ HS có ý thức tiết kiệm tài nguyên rừng từ thói quen sử dụng đồ dùng hằng ngày (sách vở, đồ gia dụng..)

- Nhân ái: HS có ý thức tham gia vào các hoạt động tuyên truyền bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng, bảo vệ môi trường…
- Yêu nước: Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc phát triển rừng, bảo vệ môi trường sống, cải thiện môi trường sinh thái.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Thiết bị dạy học: máy tính, máy chiếu, bảng phụ, tranh vẽ hình về thành phần của rừng
- Học liệu:

+ SGK, giáo án, bài giảng điện tử, phiếu bài tập.

+ Bảng nội dung về vai trò của rừng – tr 30/SGK

2. Học sinh: sách, vở, dụng cụ học tập, bài powerpoint đã chuẩn bị.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- Tổ chức lớp (1')

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU(3')	

a. Mục tiêu: - Tạo thu hút cho HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học. - Rèn năng lực sử dụng ngôn ngữ (Diễn đạt, trình bày ý kiến, nhận định của bản thân) và năng năng lực quan sát, liên hệ thực tế. ***b. Nội dung:*** Hiện tượng tự nhiên. ***c. Sản phẩm:*** Giải thích được nguyên nhân của các hiện tượng tự nhiên. ***d. Tổ chức thực hiện:***	
* *GV chuyển giao nhiệm vụ:* đưa ra câu hỏi về hiện tượng tự nhiên. Vì sao mùa lũ nước sông thường có màu đỏ ? * *HS thực hiện nhiệm vụ:* Suy nghĩ trả lời * Sau khi học sinh trả lời *GV kết luận và liên kết vào bài mới.* *HS chú ý lắng nghe	**<u>Bài 7:</u> Giới thiệu về rừng**
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (29')	
Hoạt động 2.1: Tìm hiểu rừng và vai trò của rừng (14') ***a. Mục tiêu:*** - Trình bày được khái niệm về rừng và vai trò của rừng đối với đời sống, kinh tế, sản xuất và môi trường. - Nhận thấy được ý nghĩa tích cực trong việc trồng, chăm sóc, bảo vệ cây rừng và môi trường sinh thái. ***b. Nội dung:*** Hình ảnh gợi ý về thành phần của rừng, vai trò của rừng ***c. Sản phẩm:*** Phát hiện được kiến thức thông qua hình ảnh gợi ý và làm bài tập ***d. Tổ chức thực hiện:***	
* *GV chuyển giao nhiệm vụ* GV yc hs đọc nội dung và cho biết rừng là gì? Gv đưa ra hình 7.1 và yc hs cho biết thành phần của rừng: - Thành phần sinh vật - Thành phần không phải sinh vật. Kể tên các sản phẩm trong đời sống (trông lớp, trong gia đình)có nguồn gốc từ rừng. * *HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* HS suy nghĩ, đưa ý kiến, trả lời	**I. RỪNG VÀ VAI TRÒ CỦA RỪNG** **1. Khái niệm về rừng** Là một hệ sinh thái bao gồm hệ thực vật, vi sinh vật rừng, đất từng và các yếu tố môi trường khác.

* *Báo cáo:* HĐ chung: GV gọi Hs báo cáo. HS báo cáo. HS khác theo dõi phản biện (nếu có) * *Đánh giá, kết luận* HS ghi bài	
Gv giới thiệu các sản phẩm trong đời sống từ rừng * *GV chuyển giao nhiệm vụ:* Gv yc hs đọc nội dung sgk và chiếu hình ảnh về vai trò của rừng và yc hs từ hình ảnh nêu vai trò của rừng * *HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* HS cùng thảo luận, đưa ý kiến, lựa chọn đại diện trả lời * *Báo cáo:* HĐ chung: GV gọi nhóm hs báo cáo. Đại diện HS báo cáo. HS nhóm khác theo dõi phản biện * *Đánh giá, kết luận*:	**2. Vai trò của rừng.** - Làm sạch môi trường không khí. - Phòng hộ: chắn gió, chăn cát, chống xói mòn, lũ lụt, hạn hán, hạn chế tốc độ dòng chảy... - Cung cấp nguyên liệu xuất khẩu và phục vụ cho đời sống. - Phục vụ nghiên cứu khoa học và du lịch, giải trí, bảo tồn nguồn gen động vật, thực vật...
Hoạt động 2.2: Tìm hiểu các loại rừng phổ biến ở Việt Nam (15') ***a. Mục tiêu:*** - Kể tên được các loại rừng phổ biến và xác định được vai trò của từng loại rừng đối với đời sống, sản xuất và môi trường. - Phân biệt được các loại rừng phổ biến ở Việt Nam. ***b. Nội dung:*** Hình ảnh về các loại rừng, bảng nhận biết các loại rừng phổ biến. ***c. Sản phẩm:*** Phát hiện được kiến thức thông qua hình ảnh gợi ý và làm bài tập ***d. Tổ chức thực hiện:***	
* *GV chuyển giao nhiệm vụ:* Gv yc hs đọc nội dung mục II và thảo luận theo nhóm 4 HS để trả lời câu hỏi: - Vai trò của các loại rừng phổ biến ở Việt Nam? - Lấy ví dụ về mỗi loại rừng trên. * *HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* Hs tiếp nhận và phân nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi. * *Báo cáo kết quả:* GV gọi nhóm hs báo cáo. Đại diện HS báo cáo. HS nhóm khác theo dõi phản biện	**II. CÁC LOẠI RỪNG PHỔ BIẾN Ở VIỆT NAM** - Rừng phòng hộ: Bảo vệ (nguồn nước, đất, chống xói mòn, hạn chế thiên tai...) - Rừng sản xuất: Khai thác lâm sản và bảo vệ môi trường - Rừng đặc dụng: Nơi bảo tồn thiên nhiên...

∗ *Đánh giá, kết luận*: Hs ghi bài Gv mở rộng về thực trạng rừng hiện nay.	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5')

a. Mục tiêu: Luyện tập củng cố nội dung bài học

b. Nội dung: Phiếu bài tập (nôi dung phần khám phá)

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài tập trên phiếu.

d. Tổ chức thực hiện:

- Gv hệ thống lại kiến thức toàn bài (sơ đồ tư duy)

**HS chú ý*

∗ *GV chuyển giao nhiệm vụ*: Đánh dấu **x** vào các ô của bảng sau cho phù hợp:

STT	***Vai trò của rừng***	***Đúng/ sai***
1	Rừng bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn	
2	Rừng chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, bảo vệ đê biển	
3	Rừng điều hòa khí hậu, bảo vệ và điều hòa nôi trường sinh thái	
4	Một số rừng được sử dụng chủ yếu để sản xuất, khai thác gỗ à một số loại lâm sản	
5	Rừng là nơi bảo vệ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh	
6	Rừng cung cấp nơi vui chơi, an dưỡng	
7	Rừng là nơi bảo tồn thiên nhiên, nguồn gene sinh vật	
8	Rừng là nơi có thể phục vụ nghiên cứu	
	Rừng là nơi cư trú của nhiều loại thực vật, động vật	
10	Rừng là nơi cung cấp lương thực cho con người	

Stt	Loại rừng	Tên ảnh
1	Rừng phòng hộ	
2	Rừng sản xuất	
3	Rưng đặc dụng	

* *Hs tiếp nhận nhiệm vụ:* Làm việc cá nhân. * *Báo cáo:*GV chọn HS trả lời cá nhân. * *Đánh giá, kết luận*:	
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG – MỞ RỘNG (6') ***a. Mục tiêu:*** Liên hệ thực tế tại địa phương ***b. Nội dung:*** Bài tập ***c. Sản phẩm:*** Trả lời câu hỏi. ***d. Tổ chức thực hiện:***	
* *GV chuyển giao nhiệm vụ:* Ở địa phương em có những loại rừng nào? Vai trò của rừng đối với lĩnh vực quân sự? * *Hs tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* vận dụng kiến thức, hoàn thành nội dung câu hỏi. * *Báo cáo* * *Nhận xét, đánh giá* Gv mở rộng về một số vai trò của rừng trong công cuộc giải phóng đất nước.	

- Hướng dẫn về nhà (1')

1. Nêu vai trò của rừng đối với gia đình và địa phương em?
2. Viết một đoạn văn hoặc kể một câu chuyện có nôi dung đề cập đến vai trò của rừng.

BÀI 8: TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG

Môn học: Công nghệ (Kết nối tri thức) - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Tóm tắt được quy trình trồng rừng và các công việc chăm sóc cây rừng sau khi trồng.

- Đề xuất biện pháp bảo vệ rừng và môi trường sinh thái

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, liên hệ thực tế tìm hiểu về quy trình trồng rừng; bảo vệ và chăm sóc rừng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm các thông tin về quy trình kĩ thuật trồng và chăm sóc rừng; các loại cây thường dùng để trồng rừng.

2.2. Năng lực đặc thù

- Nhận thức công nghệ:

+ Tóm tắt được quy trình trồng rừng bằng cây con và các biện pháp trồng rừng sau khi trồng

- Sử dụng công nghệ:

+ Đề xuất được những việc cần làm và không nên làm để bảo vệ rừng.

+ Tuyên truyền, vận động mọi người cùng chung tay bảo vệ rừng.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Ham học hỏi, tìm tòi tài liệu về kỹ thuật trồng rừng, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với việc bảo vệ rừng và môi trường sinh thái

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1.Giáo viên:

- Hình ảnh, video tư liệu về tình hình rừng, chăm sóc rừng, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phiếu học tập *Các biện pháp bảo vệ rừng và môi trường sinh thái*

2.Học sinh:

Bài cũ ở nhà.

Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà (theo nhóm) nội dung: Trình bày quy trình trồng bằng cây con có bầy đất và cây con rễ trần? Nêu ưu điểm, hạn chế của PP đó?

III. Tiến trình dạy học (Tiết 1)

1. Hoạt động 1: Khởi động: (Xác định vấn đề cấp thiết là trồng và bảo vệ rừng)

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh xác định được vấn đề cấp thiết của việc trồng và bảo vệ rừng. Từ đó dẫn dắt vào bài học

b) Nội dung:

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân thông qua xem đoạn video tư liệu

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời nhanh của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chiếu video về "Vấn nạn phá rừng và hiểm họa" - GV yêu cầu học sinh trả lời: Qua đoạn phim, em hãy cho biết nhiệm vụ của chúng ta trong bảo vệ môi trường sinh thái. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** - HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV. - *Giáo viên:* Theo dõi và bổ sung khi cần. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày ý kiến của mình ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** - *Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá:* - *Giáo viên nhận xét, đánh giá:* *->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học* Để tìm các kỹ thuật trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng và bảo vệ môi trường sinh thái, chúng ta nghiên cứu bài học hôm nay. *->Giáo viên nêu mục tiêu bài học:*	*Bài 8: Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng*

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về Trồng rừng và chăm sóc rừng sau khi trồng

a) Mục tiêu:

- Tóm tắt được kỹ thuật trồng rừng bằng cây con và các công việc chăm sóc cây rừng sau khi trồng.
- Phân biệt đúng các bước trong quy trình trồng rừng

b) Nội dung:

- Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK:

? Thời vụ trồng rừng vào thời gian nào? Giải thích?

? Tại sao cần trồng rừng đúng thời vụ?

- HS hoạt động nhóm, nghiên cứu tài liệu:

? Nhóm 1,2: Trình bày quy trình trồng bằng cây con có bầu đất? Nêu ưu điểm, hạn chế của PP này?

? Nhóm 3,4: Trình bày quy trình trồng bằng cây con rễ trần? Nêu ưu điểm, hạn chế của PP này?

- HS hoạt động cá nhân hoàn thành phiếu bài tập: Các biện pháp chăm sóc cây rừng sau khi trồng

c) Sản phẩm:

- HS có được thông tin qua hoạt động nhóm qua nghiên cứu thông tin, hoàn thành phiếu học tập và thảo luận nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.1.1: *Tìm hiểu Trồng rừng*	
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu: - Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK: ? Thời vụ trồng rừng vào thời gian nào? Giải thích? ? Tại sao cần trồng rừng đúng thời vụ? ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án và ghi chép nội dung hoạt động ra phiếu học tập. HS cử hs trình bày ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** - *Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* - *Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV nhận xét và chốt nội dung về thời vụ trồng rừng	**I.Trồng rừng** **1. Thời vụ trồng rừng** - Thời vụ thích hợp là khi thời tiết ấp, độ ẩm vừa phải. - Miền bắc: mùa xuân, mùa thu - Miền Trung và Nam: mùa mưa - Trồng đúng vụ : cây rừng có tỷ lệ sống cao, sinh trưởng, phát triển tốt.
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, nghiên cứu tài liệu và trình bày theo nội dung đã chuẩn bị: ? Nhóm 1,2: Trình bày quy trình trồng bằng cây con có bầu đất? Nêu ưu điểm, hạn chế của PP này? ? Nhóm 3,4: Trình bày quy trình trồng bằng cây con rễ trần? Nêu ưu điểm, hạn chế của PP này? ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS hoạt động nhóm, ghi hồ sơ học tập, của hs đại diện trình bày	**2. Các phương pháp trồng rừng phổ biến** *a. Trồng rừng bằng cây con có bầu đất* - Quy trình: Hình 8.1 - Quy trình: Hình 8.2

Gv hỗ trợ các nhóm lắp đặt thiết bị (máy tính, máy chiếu..) hoặc treo poster (nếu cần) ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** - HS các nhóm lần lượt báo cáo. - Gv điều hành các nhóm báo cáo, nhóm bạn phản biện (nếu có) ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá (đưa 2 lời khen cho nhóm của bạn). Các nhóm báo cáo hoàn thiện hồ sơ học tập của nhóm mình. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. *(cả nhóm báo cáo và nhóm nhận xét)* - GV chốt nội dung *Các phương pháp trồng rừng phổ biến* ***- GV mở rộng:*** Trồng rừng bằng hạt (video: https://youtu.be/vBfwsJ1odXI)	
Hoạt động 2.1.2: *Tìm hiểu* Chăm sóc cây trồng	
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi hoàn thành phiếu bài tập: Các biện pháp chăm sóc cây rừng sau khi trồng ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS nghiên cứu thông tin và hoàn thiện phiếu học tập. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các học sinh khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV nhận xét và chốt nội dung về Các biện pháp chắm sóc cây trồng	

Hoạt động 2.3: *Tìm hiểu* Bảo vệ rừng và môi trường sinh thái

a) Mục tiêu:

- Đề xuất biện pháp bảo vệ rừng và môi trường sinh thái

- Hình thành ý thức trách nhiệm trog việc tuyên truyền, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.

b) Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm: Hãy cho biết tầm quan trọng của bảo vệ rừng, tuyên truyền đến mọi người các biện pháp nên và không nên để bảo vệ rừng và môi trường sinh thái

c) Sản phẩm:

- HS có được thông tin qua hoan thành sp của hoạt động nhóm (posrer, bài powerpoin, video phim...)

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Xác định vấn đề và giao nhiệm vụ (7p)
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: theo nhóm (4 nhóm) , yêu cầu các nhóm: Hãy cho biết nguyên nhân suy giảm rừng và tuyên truyền đến mọi người các biện pháp nên và không nên để bảo vệ rừng và môi trường sinh thái - Hình thức báo cáo: các nhóm nghiên cứu và lựa chọn các hình thức: posrer, bài powerpoin, video phim... - GV công bố tiêu chí đánh giá bài báo cáo. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** (ở nhà hoặc ngoài lớp học) - Nhóm HS thảo luận, tham vấn ý kiến GV để lựa chọn các hình thức báo cáo (đk với giáo viên) ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** - Nhóm hs đăng ký với giáo viên các hình thức báo cáo. ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** - Gv chốt nội dụng nhiệm vụ của các nhóm. - Gv quy định thời gian báo cáo tiến độ của các nhóm qua zalo, fb, tin nhắn… (GV kết thúc tiết học 1)
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)
Hs hoạt động theo nhóm ở nhà theo các bước: - HS nghiên cứu thông tin và phân công nhiệm vụ cho các thành viên - Hoàn thành báo cáo, - HS: thảo luận nhóm để hoàn thành nội dung (thể hiện 2 vấn đề : nguyên nhân rừng suy giảm + Tuyên truyền đến mọi người các biện pháp nên làm và không nên làm để bảo vệ rừng và môi trường sinh thái) - GV: theo dõi, cập nhật tiến độ của các nhóm thông qua Nhật kí hoạt động nhóm và hỗ trợ HS khi cần thiết.

Bước 3: Báo cáo: Các nhóm báo cáo cho GV (qua zalo…) Bước 4: Kết luận và nhận định: GV nhận xét các nhóm (qua zalo, azota….) Nhóm cử Hs thuyết trình
Tiết 2 **Bước 3 : Báo cáo (tại lớp) – 20 p**
Bước 1: GV tái hiện lại (nhắc lại) phần đặt vấn đề, giao nhiệm vụ và tiêu chí đánh giá bài báo cáo Bước 2: Các nhóm lần lượt báo cáo, trình diễn hoạt động của hệ thống tưới nước tự động (Mỗi nhóm có thời gian trong khoảng 5p): *Nhóm báo cáo: - Báo cáo về quá trình hoạt động của nhóm. - Thể hiện nội dung qua 2 vấn đề : nguyên nhân rừng suy giảm + Tuyên truyền đến mọi người các biện pháp nên làm và không nên làm để bảo vệ rừng và môi trường sinh thái * GV và các nhóm khác: Theo dõi phần báo cáo của nhóm bạn Bước 3: GV và các nhóm khác đặt câu hỏi, nhận xét hoặc góp ý cho nhóm bạn về: + Phong cách + Nội dung (Mỗi nhóm để lại 2 lời khen cho nhóm báo cáo) - GV tổng kết và nhận xét về kết quả chung của các nhóm. GV cần lưu ý những hạn chế, những điểm còn bất cập, chưa phù hợp của các nhóm. Bước 4: GV chốt nội dung: + Nguyên nhân gây nên suy giảm rừng + Biện pháp bảo vệ rừng và môi trường sinh thái *(Các nhóm hoàn thành hồ sơ học tập và nộp cho giáo viên vào cuối giờ)*

3. Hoạt động 3: Luyện tập – vận dụng

a) Mục tiêu:

- Hệ thống được một số kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- HS thực hiện cá nhân
- HS tóm tắt nội dung bài học

c) Sản phẩm:

- HS trình bày quan điểm cá nhân

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung

Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân : - Hệ thống nội dung của bài 8 - Quan sát kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ở gia đình/ địa phương và đề xuất những điểm cần thay đổi (nếu có) ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy	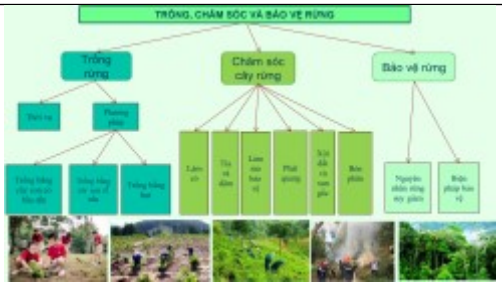

Phụ lục 1:

PHIẾU HỌC TẬP (tiết 1)

TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY RỪNG

Họ và tên: ……

Lớp: ……. Nhóm: ……

Câu 1: Chăm sóc rừng trong khoảng thời gian nào? Giải thích?

……

……

……

……

…

……

….

Câu 2: Hoàn thành bảng sau để được thông tin đúng về các công việc chăm sóc cây rừng

Các công việc	Mục đích
	Bổ sung chất dinh dưỡng cho cây
	Làm cho đất tơi xốp; tạo điều kiện cho rễ phát triển

Làm rào bảo vệ	
Phát quang	
Tỉa và dặm cây	
Xới đất và vun gốc	

Phụ lục 2: HỒ SƠ HỌC TẬP NHÓM…..

1.Tên thành viên và phân công nhiệm vụ:

STT	Họ tên	Nhiệm vụ
1		
2		
3		

2. Nội dung:

* Nguyên nhân suy giảm rừng:

……

……

……

……

……

……

……

……

……

* Các biện pháp nên làm và không nên làm để bảo vệ rừng:

……

……

……

……

……

……

……

……

……

3. Tiêu chí đánh giá báo cáo

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đạt được
1	Báo cáo đúng chủ đề, hình thức phù hợp	3	
2	Trình bày được đầy đủ nội dung (nguyên nhân suy giảm rừng, tuyên truyền đến mọi người các biện pháp nên và không nên để bảo vệ rừng)	4	
5	Thuyết trình rõ ràng, logic, sinh động	2	
6	Hồ sơ học tập đầy đủ, hoạt động nhóm tích cực, khoa học	1	
	Tổng	**10**	

4. Nhận xét, góp ý của các nhóm:……

Phụ lục 1:

PHIẾU ĐÁP ÁN (tiết 1)

TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY RỪNG

Câu 1: Chăm sóc rừng trong khoảng thời gian nào? Giải thích?

- Chăm sóc rừng nhằm hạn chế sự phát triển của cỏ dại và sâu bệnh, làm cho đất tơi xốp, tăng thêm dinh dưỡng, tăng sức chống chịu cho cây rừng, giúp cây phát triển tốt.

- Sau khi trồng từ 1 đến 3 tháng: cần tiến hành chăm sóc

- Chăm sóc liên tục trong 4 năm:

+ Năm 1 và 2: 2- 3 lần/ năm

+ Năm 3 và 4: 1- 2 lần/ năm

Câu 2: Hoàn thành bảng sau để được thông tin đúng về các công việc chăm sóc cây rừng

Các công việc	Mục đích
Bón phân (bón thúc)	Bổ sung chất dinh dưỡng cho cây
Làm cỏ	Làm cho đất tơi xốp; tạo điều kiện cho rễ phát triển
Làm rào bảo vệ	Bảo vệ cây trồng khỏi sự phá hoại của động vật
Phát quang	Loại bỏ cây, dây leo làm ảnh hưởng tới cây rừng
Tỉa và dặm cây	Đảm bảo mật độc ây rừng phù hợp
Xới đất và vun gốc	Tạo tầng đất dày, tơi xốp cho cây rừng

Ngày soạn:.....
Ngày dạy:.....
Điều chỉnh:.....

BÀI 9. GIỚI THIỆU VỀ CHĂN NUÔI

Môn học: Công nghệ – Lớp 7

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi.

- Nhận biết được một số vật nuôi phổ biến và các loại vật nuôi đặc trưng của một sổ vùng miên ờ nước ta.

- Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.

- Trình bày được đàc điểm cơ bản của một sổ ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

- Nhận thúc được sở thích, sự phù hợp cùa bản thân về các ngành nghề trong chăn nuôi.

- Có ý thức bào vệ môi trường chăn nuôi.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung:

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

- Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để hiểu thêm về chăn nuôi.

2.2. Năng lực riêng:

- Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi.

- Nhận biết được một số vật nuôi phổ biến và các loại vật nuôi đặc trưng của một sổ vùng miên ờ nước ta.

- Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.

3. Phẩm chất

- Có ý thức tìm hiểu về đất trồng và kĩ thuật làm đất trồng cây.

- Có trách nhiệm, chủ động nhận, thực hiện nhiệm vụ

- Trung thực, cẩn thận ghi chép, có trách nhiệm.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên

SGK, SGV, SBT.

Tranh ảnh, video liên quan đến bài học.

Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

SGK, SBT, dụng cụ học tập

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu (Xác định vấn đề học tập)

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề, quan sát hình ảnh, HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh/SGK và trả lời câu hỏi: Chăn nuôi có vai trò như thế nào đối với con người và nền kinh tế? ở nước ta, có những vật nuôi phổ biến nào, vật nuôi nào đặc trưng cho vùng miền và được nuôi theo những phương thức nào? ***Thực hiện nhiệm vụ học tập** HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ: - Cung cấp thực phẩm - Cung cấp phân bón hữu cơ trong trồng trọt. - Cung cấp nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu và chế biến. - Cung cấp sức kéo. - Làm cảnh, canh giữ nhà. ***Báo cáo kết quả và thảo luận** GV gọi ngẫu nhiên 1 học sinh trả lời, các em khác bổ sung (nếu có) ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá: - Giáo viên nhận xét, đánh giá, giới thiệu bài: **Bài 9. Giới thiệu về chăn nuôi** ->Giáo viên nêu mục tiêu bài học:	**Bài 9. Giới thiệu về chăn nuôi**

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu

- Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi.
- Nhận biết được một số vật nuôi phổ biến và các loại vật nuôi đặc trưng của một sổ vùng miên ờ nước ta.
- Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.
- Trình bày được đàc điểm cơ bản của một sổ ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.
- Nhận thúc được sở thích, sự phù hợp cùa bản thân về các ngành nghề trong chăn nuôi.
- Có ý thức bào vệ môi trường chăn nuôi.

b) Nội dung:

- Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát, thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi sau:

H1. Quan sát Hình 9.1 và nêu một sổ vai trò cùa chăn nuôi.

H2. Quan sát Hình 9.2 và cho biết những vật nuôi nào là gia súc, vật nuôi nào là gia cầm. Mục đích nuôi từng loại vật nuôi đó là gì?

H3. Trong các loại vật nuôi ở Hình 9 3. em có ấn tương với loại vật nuôi nào nhất? Vì sao?

H4. Kể tên một loại vật nuôi đặc trưng vùng miến mà em biết và mô tả đặc điểm cùa loại vật nuôi đó.

- HS hoạt động nhóm thảo luận, ghi kết quả vào bảng nhóm:

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.1: Vai trò, triển vọng của chăn nuôi.	
*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV hướng dẫn HS quan sát quan sát Hình 9.1 và nêu một số vai trò cùa chăn nuôi. - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi: *** HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. *** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung kiến thức	**I. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi.** + Chán nuôi lả ngành sàn xuất có vai trò rất quan trọng đổi với đời sống con người và nên kinh tế. Chăn nuôi cung cấp nguồn thực phẩm cho con người sử dụng hằng ngày, cung cấp nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu và chế biến, cung cấp nguồn phân bón hữu cơ quan trọng cho trồng trọt,... + Hiện nay, chán nuôi đang hướng tời phát triển chan nuôi công nghệ cao, chân nuôi bền vững đẻ cung cấp ngây càng nhiều thực phẩm sạch hơn, an toàn hơn cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, đồng thời bào vệ môi trường tốt hơn.
Hoạt động 2.2. Vật nuôi	
*** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - NV 1. GV hướng dẫn HS quan sát Hình hình 9.2, thảo luận nhóm 2 trả lời câu hỏi: Cho biết những vật nuôi nào là gia súc, vật nuôi nào là gia cầm. Mục đích nuôi từng loại vật nuôi đó là gì? - NV 2. Trong các loại vật nuôi ở Hình 9 3. em có ấn tương với loại vật nuôi nào nhất?	**I. Vật nuôi** 1. Một số vật nuôi phổ biến ở nước ta Vật nuôi phổ biến là các con vật được nuôi ở hầu kháp các vùng miền của nước ta. Chúng được chia thành hai nhóm chinh lã gia súc và gia cằm

Vì sao? - NV 3. Kể tên một loại vật nuôi đặc trưng vùng miến mà em biết và mô tả đặc điểm của loại vật nuôi đó. *** HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc SGK, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. *** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). *** Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung kiến thức	2. Vặt nuôi đặc trưng vùng miền Vật nuôi đặc trưng vùng miền là các giống vật nuôi được hình thành và chăn nuôi nhiều ờ một sồ địa phương; chúng thường có những đặc tính riêng biệt, nổi trội về chất lượng sàn phẩm
Hoạt động 2.3. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam	
*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận: - NV 1. Đọc nội dung mục III kết hợp với quan sát Hình 9.4, nêu đặc diểm của từng phương thức chăn nuôi. - NV 2. Tìm hiểu thém yể phương thức chăn nuôi nông hộ và phương thức chăn nuôi trang trại. Cho biết ưu điểm, hạn chế, khả năng phát then trong tương lai của từng phương thức. *** HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc SGK, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. *** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho	**III. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam** Hiện nay, ờ nước ta có hai phương thức chăn nuôi phổ biền: chăn nuôi nông hộ và chăn nuôi trang trại 1. Chăn nuôi nông hộ Chán nuôi nông hộ là phương thức chan nuôi khả phồ biến ở Việt Nam, người dãn chán nuôi tại hộ gia đinh, với số lượng vật nuôi it. Phương thức chán nuôi nãy cò chi phi đầu tư chuồng trại thấp, tuy nhiên năng suất chan nuôi không cao, biện pháp xử lí chất thài chưa tốt nên nguy cơ dịch bệnh cao, ảnh hưởng đến sức khoẻ vật nuôi, con người và môi trường. 2. Chăn nuôi trang trại Chăn nuôi trang trại là phương thức chăn nuôi tập trung tại khu vực riêng biệt xa khu vực dân cư. với số lượng

một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). *** Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung kiến thức	vật nuôi lớn. Phương thức chăn nuôi này có sự đầu tư lớn về chuồng trại, thức an, vệ sinh phòng bệnh,... nên chan nuôi có nang suất cao, vật nuôi it bị dịch bệnh; có biện pháp xừ li chất thải tốt nên ít ành hưởng tới mói trưởng vã sức khoẻ con người.
Hoạt động 2.4. Một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi	
*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận: + Đọc mục 1, mục 2 dưới đây và cho biết tương lai nghề đó. em thích hay càm thấy phù họp với nghề nào hơn. Tại sao? *** HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc SGK, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. *** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). *** Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung kiến thức	**IV. Một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi** 1. Bác sĩ thú y Bảc Sĩ thú y lả nhũ ng người làm nhiệm vụ phòng bệnh, khảm và chữa bệnh cho vật nuôi, từ đó góp phần bào vệ sức khoẻ cộng đồng; đồng thời nghiên cứu, thừ nghiệm các loại thuốc, vaccine cho vật nuôi. Phẩm chất cần có cùa bác sĩ thú y là yêu động vật, cần thận, tì mỉ, khéo tay. 2. Kĩ sư chăn nuôi Kĩ sư chan nuôi lã những người lãm nhiệm vụ chọn và nhản giống vật nuôi; chề biến thức ăn, chăm sóc, phòng bệnh cho vật nuôi Phẩm chất cần có của kĩ sư chân nuôi lã yêu động vật, thích nghiên cứu khoa học, thích châm sóc vật nuôi.
Hoạt động 2.5. Một số biện pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi	
*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận: *+ Quan sát Hình 9.7 và nêu những biện pháp phổ biển trong xừ li chất thài chăn nuôi.*	**V. Một số biện pháp bâo vệ môi trường trong chăn nuôi** 1. Vệ sinh khu vực chuồng trại Thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi và khu vực xung quanh, giữ cho chuồng nuôi luôn sạch, khô ráo, đù ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa

*** HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc SGK, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. *** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). *** Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** - *Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* - *Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV nhận xét và chốt nội dung kiến thức	đông. 2. Thu gom và xừ lí chất thải chăn nuôi Chất thải chan nuôi bao gồm phân, nước tiều, xác vật nuôi chết, nước thải,... Nếu chất thải khổng được thu gom vã xử li đủng cách sẽ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khoẻ con người và vật nuôi. Chất thải chăn nuôi phài được thu gom triệt đẻ càng sớm câng tốt, bảo quàn và lưu trữ đúng nơi quy định, không đề chúng phát tán ra môi trường.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học thông qua trả lời câu hỏi.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
****Chuyển giao nhiệm vụ học tập*** GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân sau đó thảo luận nhóm 2 làm các bài tập 1, 2, 3, 4. ****Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. ****Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. ****Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	

Bài 1. Nêu mối quan hệ giữa trồng trọt vả chăn nuôi.

Bài 2. Hãy kẻ tên 3 loại vật nuôi thuộc nhóm gia súc. 3 loại thuộc nhỏm gia cầm vá vai trò của chúng theo mẫu bảng dưới đây.

Vật nuôi	Vai trỏ

Gia súc	?	?
	...	...
Gia cầm	?	?
	...	...

Bài 3. Ngày nay, người ta cho ràng chất thải chân nuôi là một nguồn tài nguyên rất có giá trị. Em cho biết ý kiên trén đúng hay sai. Tại sao?

Bài 4. Biện pháp não sau đày là nên hoặc không nén làm đẻ bào vê môi trường?

STT	Biện pháp bao vệ mỏi trường trong chânnuôi
1	Thả rông vật nuôi, cho vật nuôi đi vệ sinh bừa
2	Nuôi vật nuôi dưới gâm nhá sán hay quá gấn
3	Chuồng nuôi cạnh đương giao thông, chợ hay khu cõng cộng đề thuận tiên cho viêc vân chuyển.
4	Xã thảng Chat thãi chan nuôi ra ao. hồ. sõng.
5	Vứt xác vật nuôi chết xuống ao, hồ. sông.
6	Thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ.
7	Thu gom chất thài triệt đẻ vá sơm nhất có thẻ.
8	Cho người lạ, chỏ, meo.... tụ- do ra vào khu
9	Thu phân để ú làm phân bón hữu cơ.
10	Xây hầm biogas đề xử li chất thãi cho trại chan

Đáp án.

Bài 1.

- Chăn nuôi và trồng trọt có mối quan hệ, tác động qua lại lần nhau. Chăn nuôi cung cấp nguồn phân bón và sức kéo cho trồng trọt. Ngược lại, trồng trọt cung cấp nguồn thức ăn chủ yếu cho ngành chăn nuôi.
- Chăn nuôi và trồng trọt đều là một trong những ngành sản xuất chính của nước ta
- Trồng trọt cung cấp thức ăn cho chăn nuôi
- Chăn nuôi cung cấp sức kéo cho trồng trọt.

Bài 2.

Vật nuôi		Vai trò
Gia súc	Bò sữa	Cung cấp thực phẩm (thịt, sữa) và xuất khẩu
	Trâu	Cung cấp thực phẩm và sức kéo.
	Chó	Giữ nhà, làm cảnh; làm bạn, cung cấp thực phẩm

Gia cầm	Gà	Cung cấp thực phẩm (thịt, trứng); lấy lông chế biến các sản phẩm tiêu dùng khác; phương tiện báo thức ở nông thôn; làm cảnh; đá gà;
	Vịt	Cung cấp thịt, trứng, lông; một số loài phục vụ xiếc/
	Ngỗng	Cung cấp thịt, trứng, lông, ngoài ra còn canh gác, giữ nhà.

Bài 3.

Theo em ý kiến trên đúng. Vì chất thải chăn nuôi có thể được tái sử dụng gom lại phục vụ nông nghiệp và nhu cầu của từng địa phương.

Bài 4.

- Các biện pháp nên làm:

6. Thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ

7. Thu gom chất thải triệt để và sớm nhất có thể

9. Thu phân để ủ làm bón phân hữu cơ

10. Xây hầm biogas để xử lí chất thải cho trại chăn nuôi

- Các biện pháp không nên làm:

1. Thả rông vật nuôi, cho vật nuôi đi vệ sinh bừa bãi.

2. Nuôi vật nuôi dưới gầm nhà sàn hay quá gần nơi ở

3. Chuồng nuôi cạnh đường giao thông, chợ hay khu công cộng để thuận tiện cho việc vận chuyển.

4. Xả thẳng chất thải chăn nuôi ra ao, hồ, sông , suối..

5. Vứt rác vật nuôi chết xuống ao, hồ, sông, suối,..

8. Cho người lạ, chó, mèo,, tự do ra vào khu chăn nuôi

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

b) Nội dung:

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, liên hệ thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- HS chế tạo được kính lúp bằng vỏ chai nhựa

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân làm bài tập 1 vào vở bài tập	

Quan sát hoạt động chàn nuôi ờ gia đình và địa phương em, tim ra những hoạt động chưa hợp li và đề xuất các biện pháp khắc phục đề bào vệ môi trường. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên 1 đến 2 HS lần lượt trình bày bài làm của mình vào tiết học sau. ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	

Bài 10 :NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC VẬT NUÔI

Môn học: Công nghệ - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 03 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: Sau khi học xong học sinh cần nắm được:

- Nêu được vai trò của việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi

- Trình bày các công việc cơ bản nuôi dưỡng và chăm sóc tùng loại vật nuôi: vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ:. Nhận biết được công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.
- Sử dụng công nghệ: -Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào chăn nuôi.

2.2. Năng lực chung

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

3. Phẩm chất

-Yêu thích công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.

- Tìm hiểu thong tin để mở rộng hiểu biết về nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.

II.Chuẩn bị của GV - HS:

- GV: Đọc và nghiên cứu nội dung bài 10

- Giấy A4, A5. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point về nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.

- HS: Đọc SGK xem tranh hình vẽ SGK.

III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:

A. Hoạt động mở đầu: 5’

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. Phương thức:Hđ cá nhân.
3. Sản phẩm : Trình bày miệng.
4. Kiểm tra, đánh giá:
   - Hs đánh giá
   - Gv đánh giá
5. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

Câu 1:Ngành chăn nuôi có vai trò, triển vọng như thế nào trong nền kinh tế nước ta?

Câu 2: Kể tên các vật nuôi phổ biến ở nước ta?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

C1: - Chăn nuôi cung cấp nhiều sản phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu

C2: Các vật nuôi phổ biến ở nước ta: trâu, bò, dê, gà, vịt, lợn (heo), chó, mèo, chim, cá...

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Để chăn nuôi đạt hiệu quả kinh tế cao phải biết phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp. Muốn vậy phải nắm được đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi. Bài hôm nay chúng ta đi tìm hiểu vấn đề này

B. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
1.Tìm hiểu vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi 1.Mục tiêu : - Hiểu được vai trò của việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi 2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn . 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, nhóm. phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4.Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.Tiến trình ****Chuyển giao nhiệm vụ*** GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk H 10.1 trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi C1: Quan sát Hình 10.1 và cho biết nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi bao gồm những công việc gì? C2: Các biện pháp nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi cần quan tâm đến những yếu tố môi trường nào và mục đích là gì? -HS: Lắng nghe câu hỏi	**I. Vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi** - Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi có vai trò quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi -Gồm các công việc: + Cung cấp chất dinh dưỡng cần thiết... + Cần quan tâm đến các yếu tố: thức ăn, nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng,... + Giúp vật nuôi khỏe mạnh lớn nhanh, ít bị bệnh, đạt hiệu quả về năng suất, chất lượng trong chăn nuôi

Thực hiện nhiệm vụ:** - HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm: - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. Dự kiến trả lời: C1: cho ăn, vệ sinh, giữ ấm, tắm chãi.. C2: - Cần quan tâm: thức ăn, nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng,... - Mục đích: giúp vật nuôi khỏe mạnh lớn nhanh, ít bị bệnh, đạt hiệu quả về năng suất, chất lượng trong chăn nuôi... ***Báo cáo kết quả:** - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm. ***Đánh giá kết quả:** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV: Phúc lợi đông vật là viêc đối xữ tốt với vật nuôi để con vật có trạng thái, thể chất và tinh thần tốt nhất; không bi đói khát, tù túng, đau đớn; được thể hiện các tập tính tự nhiên thoải mái nhất. -Liên hệ giáo dục sự yêu thương động vật (thú cưng) -Vd: chó, mèo.. **GV:** Chốt kiến thức, ghi bảng. ***2.Tìm hiểu nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non: 1.Mục tiêu : - Hiểu được một số đặc của sự phát triển cơ thể vật nuôi non 2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn . 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, nhóm. phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4.Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.Tiến trình ***Chuyển giao nhiệm vụ*** GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi C1:Quan sất Hình 10.2 và cho biết việc làm ò mỗi hình cỏ tác dụng gì? C2: Cho biết đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi non? C3: Nêu các biện pháp kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non? -HS: Lắng nghe câu hỏi ***Thực hiện nhiệm vụ:** - HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm: - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. Dự kiến trả lời: C1:	**II. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non** *Đặc điểm: - Sự điều tiết than nhiệt, chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh. - Chức năng miễn dịch, tiêu hóa chưa tốt. * Cần lưu ý: - Giữ ấm cho cơ thể - Giữ vệ sinh phòng bệnh cho vật nuôi - Cho bú sữa đầu của mẹ - Tập cho vật nuôi non ăn sớm - Cho vật nuôi vận động và tiếp xúc với ánh sáng

C2: ***Báo cáo kết quả:** - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm. ***Đánh giá kết quả:** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá **GV:** Chốt kiến thức, ghi bảng. ***3.Tìm hiểu nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đực giống*** 1.Mục tiêu : Hiểu được mục đích của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đực giống. 2.Phương thức:Hđ cá nhân. 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4.Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.Tiến trình ****Chuyển giao nhiệm vụ*** GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi: C1: Đọc nội dung mục III kết hợp quan sát Hình 10.3. nêu ý nghĩa và biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống? C2: Vật nuôi đực giống là gì? nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đực giống cần chú ý đến vấn đề gì? -HS: Lắng nghe câu hỏi ***Thực hiện nhiệm vụ:** -HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi: Dự kiến trả lời: C1: Vật nuôi đực giống là con vật được nuôi đề phối giống trực tiếp với con cái hay thụ tinh nhân tạo C2: -Để lấy tinh cho thụ tinh nhân tạo.. - Cần chú ý: + Cho ăn thức ăn chất lượng cao, giàu chất đạm + Cho ăn vừa đủ để vật nuôi không quá gầy hay quá béo +Chuồng nuôi rộng rãi, vệ sinh sạch sẽ, thoáng mát + Tắm chãi và cho vật nuôi vận động + Khai thác tinh hay cho giao phối khoa học ***Báo cáo kết quả:** - Hs trình bày nhanh ***Đánh giá kết quả:** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ****Chuyển giao nhiệm vụ*** GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu H 10.3 sgk trả lời	**III. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đực giống.** Vật nuôi đực giống là con vật được nuôi đề phối giống trực tiếp với con cái hay thụ tinh nhân tạo -Mục đích là để lấy tinh cho thụ tinh nhân tạo - Cần chú ý đến vấn đề: + Cho ăn thức ăn chất lượng cao, giàu chất đạm + Cho ăn vừa đủ để vật nuôi không quá gầy hay quá béo +Chuồng nuôi rộng rãi, vệ sinh sạch sẽ, thoáng mát + Tắm chãi và cho vật nuôi vận động + Khai thác tinh hay cho giao phối khoa học

câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi: nêu ý nghĩa của việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đực giống và biện pháp thực hiện? -HS: Lắng nghe câu hỏi ***Thực hiện nhiệm vụ:** -HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi: Dự kiến trả lời: - Ý nghĩa: phát triển được giống tốt cho thế hệ sau. - Các biện pháp dựa vào nội dung về vai trò của việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi ***Báo cáo kết quả:** - Hs trình bày nhanh ***Đánh giá kết quả:** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá **GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. **GV:** Nhắc học sinh chú ý đến chế độ vận động, tắm chải... hợp lí để bảo vệ môi trường xung quanh.. ***4.Tìm hiểu chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.*** 1.Mục tiêu : Hiểu được các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản và ý nghĩa của việc này 2.Phương thức:Hđ cá nhân. 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4.Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.Tiến trình ****Chuyển giao nhiệm vụ*** GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi: C1:Đọc nội dung mục IV kết hop quan sát Hình 10.4, nêu ý nghĩa và biện pháp nuôi dưỡng, chàm sóc vật nuôi cái sinh sản. C2: Công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản có ý nghĩa như thế nào và cần chú ý đến vấn đề gì? -HS: Lắng nghe câu hỏi ***Thực hiện nhiệm vụ:** -HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi: Dự kiến trả lời: - Vật nuôi cái sinh sản có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng của đàn vật nuôi con - Cần chú ý đến 3 giai đoạn: hậu bị, mang thai, đẻ và nuôi con ***Báo cáo kết quả:** - Hs trình bày nhanh	**IV. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.** - Vật nuôi cái sinh sản có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng của đàn vật nuôi con - Cần chú ý đến 3 giai đoạn: hậu bị, mang thai, đẻ và nuôi con

Đánh giá kết quả:** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ****Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu H 10.4 sgk trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi: Muốn chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản có kết quả phải chú trọng đến những điều gì? -HS: Lắng nghe câu hỏi ***Thực hiện nhiệm vụ:** -HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi: -GV: Cho HS quan sát H 10.4 sgk Dự kiến trả lời: - Chế độ dinh dưỡng cho vật nuôi và các cách chăm sóc ở mỗi giai đoạn ***Báo cáo kết quả:** - Hs trình bày nhanh ***Đánh giá kết quả:** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV: Giai đoạn hậu bị là giai đoạn từ khi vật nuôi cai sữa đến khi phối giống lần đầu (gia súc), giai đoạn từ 2 tháng tuổi đến khi vào đẻ (gia cầm). Cho vật nuôi hậu bị ăn ít hơn so với nhu cầu để chúng không quá béo và sẽ đẻ tốt. Với gia cầm, ngoài hạn chế ăn còn phải hạn chế ánh sáng để chúng không đẻ quả sớm khi cơ thể còn quá bé. Giai đoạn có chửa (mang thai) cần cho ăn vừa đủ để bào thai phát triển tốt, có khối lượng vừa phải. cho ra nhiều con non tốt. Con cái không được quá béo hoặc quá gầy (Hình 10.5a). Giai đoan đẻ và nuôi con (tiết sữa) cần dược cho ăn tự do theo nhu cầu đế chúng tiết sữa được nhiều nhất, gia cầm đẻ nhiều trứng nhất (Hình 10.5b). GV :chốt kiến thức, ghi bảng Gv hỏi yêu cầu hs trả lời nhanh	

C. Hoạt động luyện tập: 5’

1.Mục tiêu : Nắm vững kiến thức để làm bài tập
2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình
****Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:
Câu 1: Chọn từ hoặc cụm từ in nghiêng: *phòng bệnh, tập cho vật nuôi non ăn sớm, khảng thể* đề hoàn thành các câu sau:

- Khi nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non cần chú ý cho chúng uổng sữa đầu ngay vì sữa đầu cỏ chất dinh dưỡng và ...(1)..
- Cần ...(2)... đẻ bổ sung sự thiếu hụt chất dinh dưỡng trong sữa mẹ.
- Cần ...(3)... cho vật nuôi bằng cách tiêm vắccine. giữ vệ sinh sạch sẽ.

Câu 2: Vật nuôi non và vật nuôi trưởng thành có đặc điểm gì khác nhau? Thức ăn và cách chăm sóc vật nuôi non khác với vật nuôi trưởng thành như thế nào?

Câu 3: So sánh biện pháp nuôi dưỡng vã chăm sóc vật nuôi non. vật nuôi đực giống vã vật nuôi cái sinh sản.

-HS: hệ thống lại kiến thức
***Thực hiện nhiệm vụ:**
-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:
***Báo cáo kết quả:**
- Hs trình bày nhanh
***Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

(1) *Kháng thể*
(2) *Tập cho vật nuôi non ăn sớm*
(3) *Phòng bệnh*

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng:

1.Mục tiêu : Nắm vững kĩ thuật chăn nuôi vật nuôi non, vật nuôi đực giống và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.
2.Phương thức:Hđ cặp đôi.
3.Sản phẩm : Phiếu học tập.
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình
****Chuyển giao nhiệm vụ***
GV đưa ra bài tập : ở gia đình em thường chăn nuôi vật nuôi non, vật nuôi đực giống và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản như thế nào?
Quan sát hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi trong gia đình hoặc địa phương em và cho biết những công việc nào đã làm tốt, công việc nào làm chưa tốt.Trao đổi với người thân và đề xuất biện pháp khắc phục những việc chưa làm tốt trong quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.
***Thực hiện nhiệm vụ:**
-HS: Thảo luận cặp đôi.
***Báo cáo kết quả:**
- HS lên bảng làm bài
***Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá
Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs
- Tìm hiểu các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi ở địa phương.
- Về nhà học bài và trả lời toàn bộ câu hỏi SGK. - Đọc và xem trước bài 11 SGK.

BÀI 11: PHÒNG VÀ TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI

I.Mục tiêu

1. Kiến thức

- Trình bày được vai trò của việc phòng và trị bệnh cho vật nuôi

- Nêu được nguyên nhân gây bệnh và biện pháp phòng trị bệnh cho vật nuôi

2. Về năng lực

a. Năng lực công nghệ

- Trình bày được vai trò của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi

- Nêu được nguyên nhân gây bệnh và biện pháp phòng trị bệnh cho vật nuôi

b. Năng lực chung

- Chủ động, tích cực đề xuất biện pháp phòng và trị bệnh phù hợp cho vật nuôi ở gia đình và địa phương

3. Phẩm chất

- Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàn tham gia các hoạt động tuyên truyền về cách phòng và trị bệnh cho vật nuôi ở gia đình và địa phương

II. Thiết bị và học liệu

a. Chuẩn bị của giáo viên

- Các tranh giáo khoa về bài phòng và trị bệnh cho vật nuôi có trong danh mục thiết bị tối thiểu.

- Hình ảnh, video về nguyên nhân gây bệnh và cách phòng trừ bệnh cho vật nuôi.

b. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài trong sgk, tìm hiểu và đọc trước tài liệu có liên quan đến phòng và trị bệnh cho vật nuôi

III. Hoạt động dạy học

1.Hoạt động 1: khởi động

a. Mục tiêu

- Huy động hiểu biết của HS về những biểu hiện khi vật nuôi bị bệnh, nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi. Gợi sự tò mò và tạo tâm thế học tập cho HS vào nội dung bài học.

b. Nội dung và cách thức tiến hành

- GV sử dụng hình ảnh kết hợp với các câu hỏi liên quan đến nguyên nhân, biểu hiện và biện pháp phòng, trị bệnh cho vật nuôi nhằm phát huy hiểu biết của HS về vấn đề này, đồng thời định hướng HS vào chủ đề bài học. Ví dụ: GV có thể cho HS quan sát một số hình ảnh vật nuôi bị bệnh và đặt câu hỏi: Em đã từng chăm sóc hoặc chứng kiến một con vật bị bệnh chưa? Hãy mô tả những biểu hiện khi vật nuôi bị bệnh mà em đã quan sát được. Nó có những biểu hiện gì giống với biểu hiện của các vật nuôi đang quan sát?Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV nhận xét và dẫn dắt: Khi vật nuôi bị bệnh, chúng thường có biểu hiện buồn bã, chậm chạp, giảm hoặc bỏ ăn,... từ đó làm giảm năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi, thậm chí gây chết vật nuôi. Vậy thế nào là bệnh ở vật nuôi? Phòng, trị bệnh cho vật nuôi có vai trò gì? Những nguyên nhân nào gây bệnh ở vật nuôi? Biện pháp phòng, trị bệnh cho vật nuôi bao gồm những biện pháp nào? Những vấn đề đó chính là nội dung HS sẽ học trong bài này.

2. Hoạt động 2: tìm hiểu vai trò của phòng và trị bệnh cho vật nuôi

a. Mục tiêu

Giúp HS nhận biết được một số biểu hiện khi vật nuôi bị bệnh và hiểu được vai trò của phòng, trị bệnh cho vật nuôi

b. Sản phẩm

HS ghi được một số biểu hiện khi vật nuôi bị bệnh và vai trò của phòng, trị bênh cho vật nuôi

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
GV yêu cầu HS quan sát Hình 11.1 và đặt câu hỏi: Em hãy quan sát Hình 11.1 và nêu các cụm từ thích hợp cho biểu hiện của vật nuôi khi bị bệnh trong ảnh". Sau khi HS hoàn thành yêu cầu của hộp Khám phá: a – Buồn bã; b - Bại liệt; c - Chảy nước mắt. GV hỏi tiếp: Ngoài những biểu hiện cơ bản này thi khi vật nuôi bị bệnh còn có những biểu hiện nào khác? HS trả lời, GV phân tích dần đến khái niệm về bệnh.	**I. Vai trò của phòng, trị bệnh cho vật nuôi** - Khái niệm về bệnh: Bệnh là trạng thái sinh lý không bình thường của vật nuôi, thường có những biểu hiện như buồn bã, chậm chạp, giảm ăn hay bỏ ăn, sốt chảy nước mắt, nước mũi,tiêu chảy, ho, bại liệt. Bệnh nặng có thể gây chết vật nuôi. - Tăng cường sức khoẻ, sức đề

- GV cũng có thể nêu khái niệm về bệnh, sau đó lấy ví dụ cụ thể phân tích những biểu hiện khi vật nuôi bị bệnh. + Bệnh gà rù (bệnh Nevvcastle): có một số biểu hiện như bỏ ăn, nằm một chỗ, sã cánh thở khò khè, chảy nước dãi, uống nhiều nước, phân trắng hoặc xanh. + Lợn bị dịch tả châu Phi: lợn bỏ ăn, lười vận động, nằm chồng đống, sốt cao, vùng da trắng chuyển sang màu đỏ, đặc biệt là ở các vùng như tai, đuôi, cẳng chân. GV yêu cầu HS lấy thêm ví dụ về bệnh trên vật nuôi ở gia đình hoặc địa phương mà HS biết, yêu cầu HS phân tích, GV nhận xét, bổ sung. GV nêu vấn đề: Từ những tác hại có thể gây ra cho vật nuôi khi chúng bị bệnh như đã trình bày ở trên, hãy cho biết phòng, trị bệnh cho vật nuôi có vai trò gì? HS trả lời, GV nhận xét, bổ sung.	kháng cho vật nuôi, giúp vật nuôi giảm khả năng nhiễm bệnh. - Tiêu diệt mầm bệnh, hạn chế sự tiếp xúc của vật nuôi với nguồn bệnh, ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh. - Tiêm vaccine có tác dụng tạo miễn dịch cho vật nuôi, giúp vật nuôi chống lại tác nhân gây bệnh. - Giảm tác hại của bệnh và giúp vật nuôi nhanh hồi phục.

3. Hoạt động tìm hiểu về một số nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi

a. Mục tiêu

HS nêu được một số nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi.

b. Sản phẩm

HS ghi được vào vở các nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
GV chiếu hình (tương tự như Hình 11.2 SGK), yêu cầu HS quan sát, thảo luận và trả lời nội dung trong hộp Khám phá. Hoặc có thể GV chia nhỏ thành các câu hỏi sau: + Có mấy nguyên nhân gây bệnh cho vật	II. Một số nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi - Do vi sinh vật gây bệnh: vi khuẩn, vi rút… - Do động vật kí sinh: ve, rận,

nuôi? + Kể tên các nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi. Mỗi loại cho một ví dụ. + Trong các nguyên nhân gây bệnh thì bệnh nào có thể gây hại nhiều nhất? Tại sao? Nêu một vài ví dụ. GV nhận xét, bổ sung. Lưu ý phân tích kĩ hơn tác hại của các bệnh do vi sinh vật gây ra. GV tổ chức cho HS nghiên cứu, thảo luận câu hỏi trong hộp Kết nối năng lực: Tại sao bệnh do vi sinh vật lại nguy hiểm? -Kết nối năng lực: nguyên nhân gây bệnh tương ứng với từng bệnh 1- động vật kí sinh 2- vi sinh vật gây bệnh 3- vi sinh vật gây bênh 4- thiếu dinh dưỡng 5- môi trường sống không thuận lợi 6- vi sinh vật gây bệnh	giun, sán…. - Do môi trường sống không thuận lợi: quá nóng, quá lạnh - Do thừa hoặc thiếu dinh dưỡng: thức ăn không an toàn

Hoạt động 4: Tìm hiểu một số biện pháp phòng, trị bệnh cho vật nuôi

GV nhận xét, bổ sung và cung cấp thêm thông tin về tác hại của các bệnh do vi sinh vật gây ra (bệnh truyền nhiễm).

Nội dung	Bệnh do vi sinh	Bệnh thông thường
Nguyên nhân	Vi khuẩn, virus	Kí sinh trùng, môi trường, dinh dưỡng
Lây lan thành dịch	Có	Không
Gây chết hàng loạt	Có	Không

a. Mục tiêu

- hoạt động này là giúp HS nêu được một số biện pháp phòng, trị bệnh cho vật nuôi, hiểu được ý nghĩa của việc phòng bệnh hơn chữa bệnh.

b. Sản phẩm

HS ghi được vào vở các biện phòng và trị bệnh cho vật nuôi.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
* Phòng bệnh -GV tổ chức cho HS nghiên cứu mục III. 1, quan sát Hình 11.3 SGK và trả lời các câu hỏi liên quan đến phòng bệnh cho vật nuôi. GV có thể đặt các câu hỏi như: Phòng bệnh cho vật nuôi là gì? Có những biện pháp phòng bệnh nào? Em hãy kể một số biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi đang được áp dụng ở gia đình, địa phương em. -GV đặt thêm các câu hỏi cho HS thảo luận để giúp HS khắc sâu và mở rộng kiến thức về phòng bệnh cho vật nuôi như: Thế nào là nuôi dưỡng tốt? Chăm sóc chu đáo là gì? Vệ sinh môi trường sạch sẽ là như thế nào? Cách li tốt là như thế nào? Tiêm phòng vaccine đầy đủ bao gồm những gì? -GV tổ chức cho HS thảo luận và giải thích ý nghĩa của phương châm "Phòng bệnh hơn chữa bệnh", tức là người chăn nuôi phải ngừa bệnh trước, chứ không phải đề vật nuôi bị nhiễm bệnh rồi mới tìm kiếm giải pháp chữa bệnh. * Trị bệnh -GV tổ chức cho HS nghiên cứu mục III.2, quan sát Hình 11.4 SGK và trả lời các câu hỏi liên quan đến trị bệnh cho vật nuôi. GV đặt các câu hỏi như: Trị bệnh cho vật nuôi	* Phòng bệnh - Chăm sóc chu đáo cho từng loại vật nuôi. - Tiêm phòng đầy đủ các loại vác xin - Cho vật nuôi ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng. - Vệ sinh môi trường sạch sẽ. - Cách li vật nuôi khỏe mạnh với vật nuôi bị bệnh và các nguồn lây nhiễm khác * Trị bệnh - Là các biện pháp giúp cho cơ thể vật nuôi khỏi bệnh như dùng thuốc, phẫu thuật. - Khi vật nuôi có các biểu hiện của bệnh thì phải liên hệ ngay với cán bộ thú y gần nhất để điều trị kịp thời. - Định kì tẩy giun , sán và kí sinh trùng ngoài da cho vật nuôi

là gì? Có những biện pháp nào trị bệnh cho vật nuôi? Em hãy kể một só biện pháp trị bệnh cho vật nuôi đang được áp dụng ở gia đình, địa phương em. -GV tổ chức cho HS nghiên cứu, thảo luận hộp Thông tin bổ sung trong SGK về Bệnh viện thú y. Thông qua nội dung này, GV giúp các em hình thành ý thức biết thương yêu, chăm sóc, bảo vệ vật nuôi, từ đó biết bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. Đồng thời góp phần kết nối, định hướng nghề nghiệp cho những HS yêu thích nghề trong chăn nuôi.	

Hoạt động luyện tập

a.Mục tiêu: củng cố kiến thức bài học

b.Sản phẩm: học sinh hoàn thành bảng vào vở

Stt	Khi vật nuôi có dấu hiệu bị bệnh	nên	Không nên
1	Nhốt cách ly vật nuôi để Theo dõi	x	
2	Bán nhanh những con khỏe, mổ thịt những con ốm		x
3	Báo cho cán bộ thú y đến kiểm tra	x	
4	Vệ sinh, khử khuẩn chuồng trại	x	
5	Vứt xác động vật xuống ao, mương hay chỗ vắng người		x
6	Mang vật nuôi sang nơi khác để tránh dịch		x

Hoạt động vận dụng

a.Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để dế xuất những biện pháp phòng, trị bệnh phù hợp cho vật nuôi ở gia đình hoặc địa phương.

b.sản phẩm: Bàn đề xuất các biện pháp phòng, trị bệnh cho vật nuôi ở gia đình, địa phương. Mục đích, ý nghĩa của từng biện pháp đó.

Nội dung thực hiện:

+ GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS về nhà quan sát và đề xuất các biện pháp phòng, trị bệnh cho các vật nuôi hiện có ở gia đình, địa phương. Ghi lại đề xuất và nộp vào buổi học tiếp theo.

+ GV định hướng cho HS chủ yếu tập trung vào công tác phòng bệnh. Liên hệ với việc phòng bệnh cho người.

BÀI 12: CHĂN NUÔI GÀ THỊT TRONG NÔNG HỘ

Môn học: Công nghệ - Lớp: 7
Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Trình bày được kĩ thuật nuôi dưỡng chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Lựa chọn được các nguồn tài liệu phù hợp đế tìm hiểu thêm vé kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt trong nông hộ.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để tìm ra các bước sử dụng kĩ thuật nuôi dưỡng chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: GQVĐ trong thực hiện quan sát kĩ thuật nuôi dưỡng chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :

- *Năng lực nhận biết KHTN:* Nhận biết, kể tên, và phân loại các loại kĩ thuật nuôi dưỡng chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt

- *Năng lực tìm hiểu tự nhiên:* Nêu kĩ thuật nuôi dưỡng chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt

- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* trình bày được cách sử dụng kĩ thuật nuôi dưỡng chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt

3. Phẩm chất:

- Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:
- Có ý thức vận dụng kiến thức vé nuôi dưỡng, chàm sóc và phòng, trị bệnh cho gà vào thực tiên chăn nuôi ở gia đình, địa phương.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

5. Giáo viên:

- Các tranh giáo khoa vế bài "Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ" có trong danh mục thiết bị tối thiểu.

- Hình ảnh, video vẽ kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt.

2. Học sinh:

- Bài cũ ở nhà. Đồ dùng học tập, SGK...

- Đọc trước bài học trong SGK, tìm kiếm và dọc trước tài liệu có liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu: (Xác định vấn đề học tập là kĩ thuật nuôi dưỡng chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt)

a) Mục tiêu: - Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là kĩ thuật nuôi dưỡng chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt

b) Nội dung:- Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân trên phiếu học tập, để kiểm tra kiến thức nền của học sinh về thịt gà, các loại bệnh của gà, …

c) Sản phẩm: - Câu trả lời của học sinh ghi trên phiếu học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập HS quan sát hình ảnh về chăn nuôi gà thịt, yêu cầu HS trả lời các câu hỏi liên quan đến chuồng nuôi, thức ăn, chăm sóc, phòng, trị bệnh cho gà (G V sử dụng các câu hỏi trong phần mở đầu của SGK). GV định hướng HS vào bài qua các cảu hỏi mở. Thịt gà là nguồn thực phẩm phổ biến và có giá trị dinh dưỡng. Vậy kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc như thế nào và có những biện pháp cơ bản nào để phòng và trị bệnh cho gà thịt? ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** - HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV. Hoàn thành hoạt động học tập. - *Giáo viên:* Theo dõi và bổ sung khi cần. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, mỗi HS trình bày 1 nội dung trong phiếu, những HS trình bày sau không trùng nội dung với HS trình bày trước. GV liệt kê đáp án của HS trên bảng ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá:* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá:* *->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ->Giáo viên nêu mục tiêu bài học:*	- Kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc gà: chuồng nuôi làm ở nơi cao ráo, hướng phù hợp, đảm bảo thông thoáng, ấm về mùa đông, mát về mùa hè; thức ăn đủ bốn nhóm dinh dưỡng; chăm sóc theo từng giai đoạn. - Biện pháp cơ bản để phòng và trị bệnh cho gà thịt: + Thường xuyên vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, đảm bảo ba sạch: ăn sạch, ở sạch, uống sạch. + Đảm bảo mật độ chăn nuôi phù hợp. + Tiêm vắc xin đầy đủ và kịp thời. + Dùng thuốc để trị bệnh đúng thuốc, đúng thời điểm, đúng liều lượng.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: ***Tìm hiểu chuồng nuôi***

a) Mục tiêu: - Nêu cách nhận biết về yieeu chuẩn kĩ thuật của chuồng nuôi gà thịt trong nông hộ

b) Nội dung: - Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát tìm hiểu kính lúp và trả lời các câu hỏi sau:

H1. Chuồng nuôi gà thường được đặt ở vị trí như thế nào?

H2. Tại sao người ta thường bố trí hướng Chuồng nuôi về phía nam hoặc đông nam?

- HS hoạt động nhóm quan sát hình ảnh chuồng gà dưới sự hướng dẫn của GV ghi kết quả vào vở.

- HS hoạt động cá nhân nghiên cứu tài liệu và qua hoạt động quan sát hình 12.1 và hình 12.2

GV có thể tổ chức cho HS nghiên cứu, thảo luận và trả lời câu hỏi trong hộp Khám phá:H3. Quan sát hình 12.3 và cho biết nên chọn loại chuồng nào để nuôi gà thịt. Tại sao?

GV sử dụng hộp Kết nối năng lực trong SGK (hoạt động nhóm) H4: Hãy tìm hiểu về vai trò của lớp độn chuồng và lớp sàn thoáng

c) Sản phẩm:

- HS qua hoạt động nhóm quan sát hình ảnh, làm theo HD, thảo luận nhóm.

- HS ghi được vào vở tiêu chuẩn của chuồng nuôi gà thịt trong nông hộ (vị trí, hướng chuồng, nền chuồng, tường)

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	**Nội dung**
Hoạt động 2.1: ***Tìm hiểu chuồng nuôi***	
****Chuyển giao nhiệm vụ học tập*** - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu thông tin về chuồng nuôi trong SGK trả lời câu hỏi H1,H2. - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu thông tin phần **khám phá** sau đó thảo luận và trả lời câu hỏi H3. - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu thông tin **phần kết nối năng lực** sau đó thảo luận và trả lời câu hỏi H4. ****Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án và ghi chép nội dung hoạt động ra phiếu học tập bước 1. HS hoạt động nhóm đưa ra phương án chọn chuồng nuôi, giải thích tại sao? HS hoạt động nhóm đưa ra kết quả	**I.Tìm hiểu về chuồng nuôi** - Chuồng nuôi gà nên làm ở nơi cao ráo để tránh ngập nước vào mùa mưa. Chuồng cần đảm bảo thông thoáng, ấm về mùa đông, mát về mùa hè. - Chuồng nuôi thường bố trí hướng Chuồng về phía nam hoặc đông nam vì gió nam, đông nam mát mẻ, tránh được nắng chiếu, đón được ánh sáng lúc sáng sớm. - Vai trò của lớp độn chuông: giúp sàn chuồng khô ráo, gà không bị lạnh chân và ít bệnh tật; lớp sàn thoáng đế chuồng nuôi luôn được thông thoáng, khô ráo, loại bỏ bớt các khí có hại và ngăn cản sự sinh sản của vi sinh vật gây bệnh **- Lưu ý : không thay lớp độn giữa chừng trong một lứa nuôi gà thịt.** H3: Nên chọn chuồng thông thoáng, đảm bảo ấm về mùa đông, mát mẻ về mùa hè để nuôi gà thịt. Nên chọn chuồng hình a) để nuôi gà thịt. Vì chuồng ở hình a) có tường gạch xây cao, phía trên làm bằng lưới mắt cáo, đảm bảo thông thoáng, ấm về mùa đông, mát mẻ về mùa hè. Còn chuồng ở hình b) nằm sát mặt đất, tường gạch xây kín

tìm hiểu vai trò của lớp độn chuồng, lớp sàn thoáng ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV nhận xét và chốt nội dung chuồng nuôi.	không đảm bảo thông thoáng. Kết nối: - Lớp độn chuồng: là lớp trấu, dăm bào, mùn cưa,… dày từ 10 đến 15 cm. - Lớp sàn thoáng: là lớp cách nền khoảng 50 cm cho gà đậu. - Vai trò của lớp độn chuồng: + Giúp phân giải và hấp thu lượng nước dư thừa từ nước tiểu, phân thải của gà. Thúc đẩy quá trình làm khô nền chuồng bằng cách tăng diện tích bề mặt sàn. + Giúp "pha loãng" phân, từ đó hạn chế tối đa sự tiếp xúc trực tiếp giữa phân và gà. + Tự tỏa ra nhiệt giữ ấm cho vật nuôi. + Có lớp chất độn chuồng, gà sẽ ít bị thối bàn chân và què; lông gà tơi, mượt và sạch hơn; thịt chắc hơn, tồn dư kháng sinh ít hơn. + Hạn chế khí hôi, thối; giảm khí độc trong chuồng nuôi. + Cải thiện môi trường sống cho gà và người lao động. - Vai trò của lớp sàn thoáng: + Giảm bớt sự tiếp xúc trực tiếp giữa vật nuôi và chất thải của vật nuôi. + Giảm sự tập trung của vi khuẩn và làm giảm bớt thức ăn của chúng, số lượng vi sinh vật nhờ đó mà giảm đi.

Hoạt động 2.2: ***Tìm hiểu về thức ăn và cho ăn***

a) Mục tiêu: - Giúp HS nhận biết được các loại thức ăn, thành phần dinh dưỡng có trong các loại thức ăn cho gà thịt, đồng thời biết được nguyên tắc cho gà ăn ở các lứa tuổi khác nhau

b) Nội dung: - Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát hình ảnh tìm hiểu về thức ăn cho gà

H1.Thức ăn cho gà được chia thành mấy loại?

H2. Trong mỗi loại thức ăn bao gồm những thành phần dinh dưỡng nào?

GV cùng cổ, bổ sung đồng thời có thể đặt thêm câu hỏi: Ở gia đình hay địa phương em thường nuôi gà thịt bằng những loại thức ăn nào? Kê' tên một vài loại thức ăn tự nhiên.

- HS hoạt động nhóm quan sát hình ảnh chuồng gà dưới sự hướng dẫn của GV ghi kết quả vào vở.

- HS hoạt động cá nhân nghiên cứu tài liệu và qua hoạt động quan sát hình 12.4

H3. Quan sát hình 12.4 và cho biết tên các loại thức ăn cho gà?

H4: Sắp xếp các loại thức ăn tự nhiên của gà trong hình 12.4 vào các nhóm dinh dưỡng thích hợp sgk trang 59?

H5. Cho gà con mới nở ăn như thế nào thì tốt?

H6: Gà con sau 2 tuần tuổi cần cho ăn như thế nào?

c) Sản phẩm: - HS qua hoạt động nhóm quan sát hình ảnh, làm theo HD, thảo luận nhóm.

- HS ghi được nội dung vé các loại thức ăn nuôi gà, thành phần dinh dưỡng có trong từng loại thức ăn, nguyên tắc phối trộn thức ăn.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.2: ***Tìm hiểu thức ăn và cho ăn***	
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yéu cầu HS đọc phán II. 1 trong SGK - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu thông tin về chuồng nuôi trong SGK trả lời câu hỏi H1,H2, H3. - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu thông tin phần **khám phá** sau đó thảo luận và trả lời câu hỏi H4. (GV sử dụng hộp Khám phá trong SGK tổ chức hoạt động thảo luận theo nhóm) GV yêu cấu HS đọc mục II.2 trong SGK và trả lời các câu hỏi liên quan đến cách cho gà - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu thông tin cho gà ăn sau đó thảo luận và trả lời câu hỏi H5. - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu thông tin phần **khám phá** sau đó thảo luận và trả lời câu hỏi H6. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án và ghi chép nội dung hoạt động vào vở HS hoạt động nhóm đưa ra kết quả so sánh HS hoạt động nhóm đưa ra kết quả hoàn thành bảng sgk trang 59. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV nhận xét và chốt nội dung thức ăn cho gà, cho gà ăn.	**1. Tìm hiểu về thức ăn** - Thức ăn cho gà chia làm 2 loại + Thức ăn công nghiệp chế biến sẵn, đầy đủ các nhóm dinh dưỡng, phù hợp với từng độ tuổi của gà VD: Bột cá, bột ngô, cám cò… + Thức ăn tự nhiên cần phối trộn đủ 4 nhóm dinh dưỡng theo tỉ lệ phù hợp để gà nhanh lớn, có súc đề kháng cao. VD: Thóc, ngô, lúa … Thảo luận nhóm theo gợi ý + Nhóm cung cấp chất đạm: giun, tôm, cá,... + Nhóm cung cấp tinh bột: ngô, thóc .. + Nhóm cung cấp chất béo: đậu… + Nhóm cung cấp vitamin và chất khoáng: rau, bèo,… **2. Cho gà ăn** - Cần cho gà ăn thức ăn phù hợp với tuổi của gà, nên sử dụng máng phù hợp để cho gà ăn đảm bảo vệ sinh và giúp tiết kiệm thức ăn. Cho gà uống nước đầy đủ + Gà dưới 1 tháng tuổi: + Gà từ 3 tháng tuổi + Gà trên 3 tháng tuổi.

Hoạt động 2.3: ***Tìm hiểu chăm sóc cho gà***

a) Mục tiêu: Hoạt động này giúp HS hiểu được cách chăm sóc gà ở các giai đoạn khác nhau

b) Nội dung:

- Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát hình ảnh tìm hiểu về chăm sóc gà

H1: Gia đình bạn nào nuôi gà? Cho biết đặc điểm của cơ thể gà con?

H2: Khám phá: Nêu một số đặc điểm cần lưu ý khi chăm sóc gà ở giai đoạn từ mới nở đến một tháng tuổi và giai đoạn trên một tháng tuổi.

c) Sản phẩm:

- HS qua hoạt động nhóm quan sát hình ảnh, làm theo HD, thảo luận nhóm.

- HS ghi được đặc điểm sinh li của gà con, cách chăm sóc gà phù hợp với từng giai đoạn

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.3: ***Tìm hiểu chăm sóc cho gà***	
****Chuyển giao nhiệm vụ học tập*** - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu thông tin về chuồng nuôi trong SGK trả lời câu hỏi H1 - GV có thể giải thích thêm cho HS vé các đặc điểm cán lưu ý của gà con: cơ thể còn rất yếu, sức đé kháng kém, rát dễ bị bệnh, vì vậy cẫn phải chăm sóc chu đáo đê' gà khoẻ mạnh. - Đặc biệt ở giai đoạn này, gà rất sợ lạnh nên cẫn phải được ủ ấm hay thường gọi là "úm gà". Vậy úm gà như thế nào là phù hợp? - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu trả lời câu hỏi trong hộp Khám phá: Em hãy quan sát trạng thái phân bó của gà con trong Hình 12.6 và cho biết mức độ thích hợp của nhiệt độ đối với gà - GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn cho HS: đọc nội dung mục III.2 trong SGK để trả lời các câu hỏi liên quan đến việc chăm sóc gà trên một tháng tuổi H2 ****Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án và ghi chép nội dung hoạt động vào vở HS hoạt động nhóm đưa ra kết quả so sánh HS hoạt động nhóm đưa ra kết quả hoàn thành bảng sgk trang 59. ****Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có).	**1. Tìm hiểu về chăm sóc gà** - Mức độ thích hợp của nhiệt độ đối với gà trong từng ô úm: + Hình a: Nhiệt độ thích hợp (gà phân bố đều trên sàn). + Hình b: Nhiệt độ bị lạnh (gà chụm lại thành đám ở dưới đèn úm). + Hình c: Nhiệt độ bị nóng (gà tản ra, tránh xa đèn úm). - Giải pháp để nhiệt độ của các ô úm phù hợp với gà: + Phân bố mật độ chuồng nuôi thích hợp theo tuần tuổi. + Điều chỉnh dụng cụ sưởi ấm tùy thuộc vào nhiệt độ môi trường và tuổi gà. + Thường xuyên quan sát đàn gà để điều chỉnh nhiệt độ trong quây, thời gian chiếu sáng và cường độ ánh sáng cho thích hợp. H2: - Giai đoạn gà mới nở đến một tháng tuổi: + Ở giai đoạn này gà con còn rất yếu, sức đề kháng kém, rất dễ bị bệnh, vì vậy cần phải chăm sóc cẩn thận đề gà khoẻ mạnh + Đặc biệt ở giai đoạn này, gà rất sợ lạnh nên cần phải được sưởi ấm (úm gà). Thường xuyên quan sát trạng thái của gà để điều chỉnh nhiệt độ phù hợp. - Giai đoạn trên một tháng tuổi: + Cần bỏ quây để gà đi lại tự do. + Sau hai tháng tuổi, nếu có điều kiện nên thả gà

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV nhận xét và chốt nội dung thức ăn cho gà, cho gà ăn.	ra vườn hoặc đồi đề gà vận động, ăn khoẻ, nhanh lớn, thịt chắc và ngon hơn. + Hằng ngày, cần rửa sạch máng ăn và mảng uống để phòng bệnh cho gà. + Sau mỗi lứa gà, cần thay lớp độn chuồng và làm vệ sinh nền chuồng sạch sẽ.

Hoạt động 2.4: ***Tìm hiểu cách phòng, trị bệnh cho gà***

a) Mục tiêu: Hoạt động này giúp HS hiểu được nguyên tắc cơ bản trong phòng, trị bệnh cho gà

b) Nội dung:

- Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát hình ảnh tìm hiểu về ***cách phòng, trị bệnh cho gà***

H1: Trả lời câu hỏi trong hộp Khám phá "Vì sao trong phòng, trị bệnh cho gà cần thực hiện tốt nguyên tắc phòng là chính?".

c) Sản phẩm:

- HS qua hoạt động nhóm quan sát hình ảnh, làm theo HD, thảo luận nhóm.

- HS ghi được nguyên tắc cơ bản trong phòng, trị bệnh cho gà

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	**Nội dung**
Hoạt động 2.4: ***Tìm hiểu cách phòng, trị bệnh cho gà***	
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu thông tin ***cách phòng, trị bệnh cho gà*** - ĐVĐ: Trong chăn nuôi luôn coi trọng nguyên tắc phòng bệnh hơn chữa bệnh, mà các em đã được học ở bài 11. Vậy trong chăn nuôi gà thì có những nguyên tắc phòng bệnh như thế nào? - G V tổ chức cho HS nghiên cứu mục IV trong SGK đẽ trả lời các câu hỏi liên quan đến phòng, trị bệnh cho gà. - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu trả lời Trả lời câu hỏi trong hộp Khám phá "Vì sao trong phòng, trị bệnh cho gà cần thực hiện tốt nguyên tắc phòng là chính?". ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án và ghi chép nội dung hoạt động vào vở HS hoạt động nhóm đưa ra kết quả so sánh	**1.** ***Tìm hiểu cách phòng, trị bệnh cho gà*** - Bổ sung các vitamin, chất điện giải, đặc biệt là men vi sinh và thuốc giải độc gan, thận có tác dụng giúp gà mau chóng phục hồi súc khoẻ, cân bằng hệ vi sinh đường ruột, tiêu hoá tốt thức ăn khi *cơ* thể đang suy yếu, làm tăng hiệu quả điếu trị, giảm ti lệ chết. - Nếu được phòng bệnh tốt, vật nuôi sẽ cho năng suất cao, do đó sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi. Còn nếu đẽ vật nuôi bị bệnh, sẽ phải dùng thuốc chữa bệnh gây tốn kém tiến của. Ngoài ra nếu quá nặng, vật nuôi có thế bị chết hoặc chết hàng loạt do dịch bệnh sê gáy thiệt hại vẽ kinh tế, thậm chi có thể ành hưởng tới sức khoẻ con người. H1: Trong phòng, trị bệnh cho gà cần thực hiện tốt nguyên tắc phòng là chính để đỡ tốn công sức, tiền của và thời gian; đảm bảo vật nuôi sẽ cho sản phẩm chất lượng cao, số lượng nhiều; hạn chế lây lan dịch bệnh.

HS hoạt động nhóm đưa ra kết quả hoàn thành bảng sgk trang 59. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV nhận xét và chốt nội dung thức ăn cho gà, cho gà ăn.	- Phòng bệnh thì sẽ đỡ tốn công sức, tiền của và thời gian hơn, nếu để gà mắc bệnh có nhiều loại bệnh rất khó chữa và rất có khả năng không chữa khỏi hoặc để lại di chứng sau này. - Nếu ta phòng bệnh tốt cho vật nuôi thì vật nuôi sẽ cho sản phẩm chất lượng cao, số lượng nhiều, ngoài ra chi phí phòng bệnh sẽ thấp hơn chi phí chữa bệnh. - Nếu vật nuôi bị bệnh, ta phải dùng thuốc chữa bệnh, ngoài ra nếu quá nặng vật nuôi sẽ chết, gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế, ngoài ra bệnh có thể lây lan ra toàn bộ vật nuôi gây thiệt hại rất lớn.

Hoạt động 2.5: ***Tìm hiểu một số bệnh phổ biến ở gà***

a) Mục tiêu: Hoạt động này giúp HS biết được một số bệnh phổ biến ở gà

b) Nội dung:

- Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát hình ảnh tìm hiểu về ***một số bệnh phổ biến ở gà***

H1: Em hãy cho biết biểu hiện, nguyên nhân và cách phòng, trị bệnh tiêu chảy

H2: Gà bị bệnh dịch tả thường có biểu hiện như thế nào? Bệnh dịch tả do nguyên nhân nào gây ra? Cách phòng, trị bệnh dịch tả như thế nào là có hiệu quả?

H3: GV yêu cáu HS đọc và trả lời câu hỏi trong hộp kết nối năng lực: Hãy tìm hiểu về các loại thuốc và cách sử dụng thuốc để trị bệnh tiêu chảy cho gà.

H4: Em hãy cho biết biểu hiện, nguyên nhân và cách phòng, trị bệnh dịch tả, cách sử dụng thuốc

H5: Hãy cho biết một số chủng cúm gia cầm đã xuất hiện ở Việt Nam và cách phòng tránh lây nhiễm virus cúm gia cám sang người.

c) Sản phẩm:

- HS qua hoạt động nhóm quan sát hình ảnh, làm theo HD, thảo luận nhóm.

- HS ghi được biểu hiện, nguyên nhân, cách phòng, trị một số bệnh phổ biến ở gà.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.4: ***Tìm hiểu một số bệnh phổ biến ở gà***	
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu thông tin ***một số bệnh phổ biến ở gà*** - Ngày nay nhiều hộ gia đình chăn nuôi đang phải đối mặt với nhiều loại bệnh xuất hiện trên vật nuôi, đặc biệt là những hộ gia đình nuôi gà. Gà là một trong những loài vật đẻ nhiều phải nhiều loại bệnh khác nhau. Do đó việc nhận biết triệu chứng, nguyên nhân, cách phòng, trị bệnh	**1.** ***Tìm hiểu một số bệnh phổ biến ở gà*** - Thông tin tiêu chảy là một trong số các bệnh phổ biến hay gặp ở gà. Tuy không phải là bệnh quá nặng nhưng nếu không được chữa trị kịp thời sẽ ảnh hưởng lớn tới sức khoẻ, làm gà phát triển chậm hoặc (và) dễ mắc các bệnh khác do sức đề kháng kém - Enrotil 10%: thành phán chính là hoạt chất Enrotloxacin có tác dụng kháng khuẩn đối với một loạt các vi khuẩn Gram âm và Gram dương.

có vai trò vô cùng quan trọng - GV tổ chức cho HS nghiên cứu mục V trong SGK để trả lời các câu hỏi liên quan đến bệnh cho gà. - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu trả lời H1, H2, H3, H4 ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án và ghi chép nội dung hoạt động vào vở HS hoạt động nhóm đưa ra kết quả so sánh HS hoạt động nhóm đưa ra kết quả hoàn thành bảng sgk trang 59. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** - *Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.* - *Giáo viên nhận xét, đánh giá.* - GV nhận xét và chốt nội dung thức ăn cho gà, cho gà ăn.	Cách dùng: tiêm bắp hoặc dưới da từ 3 đến 5 ngày theo liều lượng chỉ định của nhà sàn xuất. - B52/Ampi-col: có khả năng đặc trị những bệnh tiêu chảy do *E. coli,* phân xanh, phân trắng và đường tiêu hoá,... Trị bệnh: Trộn thuốc với thức ăn hoặc pha nước uống với liều lượng 1 g/ lít nước (1 g/ (6 - 8) kg thể trọng/ngàyJ. Phòng bệnh: Cho gà dùng bằng 1/2 liễu điều trị. - Bexin pharm: là thuốc có khả năng điều trị khi gà bị tiêu chảy. Tiêm dưới da 1 lần/ngày trong vòng từ 3 đến 5 ngày liên tục [1 mL/ (2 - 3) kg thế trọng] hoặc cỏ thể hoà nước cho gà uống khoảng 10 mL/ (2-3) lít nước. Đối với đàn gà bệnh nặng hơn có thê' tăng gấp 2 lần các liều trên. - Bệnh tả: thuốc Vaccine Newcastle dùng đế phòng bệnh dịch tà và gà rù có dạng đông khô được sàn xuất từ virus Nevvcastle. Dùng cho gà khoẻ mạnh trên 2 tháng tuổi. Cách sử dụng: vaccine được tiêm dưới da cổ, mặt trong đùi hoặc bắp thịt ức. - Gợi ý trả lời: Một số chủng cúm gia cám đã xuất hiện ở Việt Nam là cúm A (H5N1), cúm A (H5N6), cúm A (H5N8). + Cách phòng tránh cúm gia cám lây sang người: Tránh tiếp xúc với gia câm gây bệnh; tuân thù quy tắc an toàn khi giết mổ gia cám; giữ vệ sinh; đi khám kịp thời.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Hệ thống được một số kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- HS thực hiện cá nhân phần "Con đã học được trong giờ học" trên phiếu học tập KWL.

- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.

c) Sản phẩm:

- HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trên phiếu học tập KWL.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân phần	- Chuồng nuôi phải được làm ở nơi cao ráo để tránh ngập nước vào mùa mưa, chọn hướng thích hợp

"Con đã học được trong giờ học" trên phiếu học tập KWL và tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	(nam, đông nam) để tránh được gió lùa và ánh nắng trực tiếp, đồng thời chuồng sẽ ấm vé mùa đông, mát vé mùa hè - Nền chuồng nên lát gạch hoặc láng xi măng, trên nén cán lót thêm một lớp độn chuồng (trấu, dăm bào, mùn cưa,...) dày từ 10 cm đến 15 cm hoặc làm sàn thoáng, cách nén khoảng 50 cm cho gà đậu. - Để đảm bảo độ thông thoáng, Chuồng cần phải làm cao; tường gạch chỉ xây cao từ 50 cm đến 60 cm, phía trên làm bằng lưới mắt cáo, bên ngoài lưới mất cáo có bạt che chắn có thể kéo lén, hạ xuống dê dàng để che mưa, gió khi cần thiết - ….

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: - Giúp HS cỏ thể vận dụng kiến thức đã học vào việc nuôi dương gà thịt trong gia đình.

b) Nội dung: - GV yêu cầu HS về nhà quan sát và chụp ảnh hoặc ghi chép lại các loại thức ân có sẵn ở địa phương tương ứng với bốn thành phán dinh dưỡng để làm thức ăn cho gà và nộp lại kết quả cho GV vào buổi học kế tiếp.

c) Sản phẩm: Ảnh chụp hoặc bản kê các loại thức ăn có sẵn ở địa phương tương ứng với bốn thành phấn dinh dưỡng để làm thúc ăn cho gà.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu mỗi nhóm HS sưu tầm tranh, ảnh về thức ăn, bệnh của gà, … ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** Các nhóm HS thực hiện theo nhóm làm ra sản phẩm. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** Sản phẩm của các nhóm nộp vào buổi học tiếp theo ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau.	

Bài 13: THỰC HÀNH: LẬP KẾ HOẠCH NUÔI VẬT NUÔI TRONG GIA ĐÌNH

(Số tiết: 02)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS lập được kế hoạch và tính toán được chi phí để nuôi một loại vật nuôi trong gia đình.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để lựa chọn được loại vật nuôi phù hợp với điều kiện của gia đình.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hành.

b. Năng lực công nghệ

- HS lập được kế hoạch và tính toán được chi phí để nuôi một loại vật nuôi trong gia đình.

3. Phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học: thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ học tập,

- Có trách nhiệm với bản thân khi ý thức được tầm quan trọng của chăn nuôi đối với gia đình, địa phương.

- Trung thực trong quá trình thực hành và báo cáo kết quả thực hành.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị:

a. Giáo viên:

- Máy chiếu, hình ảnh hoặc video về một số vật nuôi phổ biến trong gia đình, máy tính cá nhân.

- Phiếu học tập: Hoàn thiện nội dung bảng sau:

Bảng mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ bài thực hành 13.

Mục đích	Yêu cầu	Nhiệm vụ

b. Học sinh:

- Đọc trước bài học trong SGK, vở ghi, tìm kiếm thông tin về loài vật nuôi cảnh, cách nuôi động vật cảnh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức:

Tiết 26. Lớp: ……; Lớp:…… Tiết 27. Lớp:……; Lớp:……

2. Kiểm tra bài cũ

- Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh cho môn học.

3. Bài mới:

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: Học sinh thực hiện:

Thảo luận cặp đôi, đưa ra ý kiến cá nhân cho vấn đề: *Gia đình em nuôi những loài vật nuôi nào? Chia sẻ về cách nuôi dưỡng và chăm sóc loài vật nuôi trong gia đình em?*

c. Sản phẩm: HS đưa ra được ý kiến cá nhân cho vấn đề.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên chiếu hình ảnh một số vật nuôi trong gia đình.

- Giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động cặp đôi trong thời gian 3 phút để hoàn thành trả lời câu hỏi trong phần nội dung.

- Giáo viên gọi ngẫu nhiên các học sinh trình bày kết quả hoạt động của nhóm và giải thích dựa vào kiến thức đã biết, sau đó ghi lại vào góc bảng các quan điểm khác nhau.

- Giáo viên đặt vấn đề: Để lập được kế hoạch và tính toán được chi phí để nuôi một loại vật nuôi trong gia đình. Hôm nay chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài 13: Thực hành – Lập kế hoạch nuôi vật nuôi trong gia đình.

Hoạt động 2: Giới thiệu bài thực hành

a. Mục tiêu: Giúp HS hiểu rõ về mục đích, yêu cầu của bài thực hành và nhiệm vụ của HS trong bài thực hành. Tạo hứng thú và chuẩn bị tâm thế cho HS trước khi bắt đầu bài học.

b. Nội dung: Học sinh thực hiện tìm hiểu về mục đích, yêu cầu của bài thực hành và nhiệm vụ của học sinh trong bài thực hành.

c. Sản phẩm: HS đưa ra được bản đề cương thực hành của học sinh thể hiện đầy đủ các nội dung:

- Mục đích yêu cầu của bài thực hành.

- Những nhiệm vụ cần hoàn thành (nhiệm vụ trước khi thực hành, trong quá trình thực hành và sau thực hành), sản phẩm của từng nhiệm vụ (ghi rõ yêu cầu về số lượng, chất lượng của sản phẩm). Mỗi nhiệm vụ ghi rõ thành viên chủ trì, thành viên tham gia.

d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
GV: Chia lớp thành 6 nhóm. GV: Yêu cầu học sinh hoạt động nhóm nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu về mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của	**I. Giới thiệu bài thực hành.** **1. Mục đích.** - Lập được kế hoạch và tính toán được chi phí để nuôi một loại vật nuôi trong

bài thực hành. HS: Hoạt động nhóm 5, 6 người thảo luận hoàn thành phiếu học tập trong thời gian 6 phút sau đó báo cáo, nhận xét. GV: Nhận xét. GV: Hướng dẫn cho HS những điều cần chú ý khi lựa chọn vật nuôi, chuồng nuôi, dụng cụ nuôi, cách tính toán chi phí. HS: Lắng nghe chú ý của GV. GV: Yêu cầu học sinh hoạt động cặp đôi tìm hiểu thông tin, thảo luận trả lời câu hỏi: ?Ngày nay, vật nuôi trong gia đình đã trở thành những "người bạn" thân thiết của con người. Để nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi trong gia đình thì cần phải chuẩn bị những gì và chi phí như thế nào? HS: Thảo luận báo cáo, nhận xét. GV: Nhận xét.	gia đình. **2. Yêu cầu.** - Lựa chọn được loại vật nuôi phù hợp với điều kiện của gia đình. **3. Nhiệm vụ.** - Tìm kiếm thông tin về các loài vật nuôi, cách nuôi các loài động vật sau đó lập Kế hoạch và tính toán để nuôi một loài vật trong gia đình. * Để nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi trong gia đình thì cần phải chuẩn bị: 1. Xác định giống vật nuôi phù hợp với gia đình (giống động vật gì, lí do lựa chọn). 2. Tìm hiểu về những chi phí cần thiết cần chuẩn bị, bao gồm: con giống, chuồng nuôi, thức ăn, thuốc thú y, dụng cụ chăn nuôi. Lưu ý việc lựa... 3. Lập danh sách các chi phí theo mẫu bảng dưới đây. <table><tr><th>STT</th><th>Nội dung</th><th>Đơn vị tính</th><th>Số lượng</th><th>Đơn giá ước tính (đồng)</th><th>Chi phí dự tính (đồng)</th></tr><tr><td>1</td><td>Giống</td><td>Con</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>2</td><td>Chuồng (cũi, lồng)</td><td>Chiếc</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>...</td><td>...</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td colspan="5">Tổng chi phí</td><td>?</td></tr></table> 4. Sau khi tính các chi phí chi tiết, ta tính tổng chi phí khi nuôi một loại vật nuôi trong năm đầu tiên.

Hoạt động 3: Tìm hiểu chi phí cơ bản để nuôi một số vật nuôi trong gia đình.

a. Mục tiêu:

- Cung cấp cho học sinh một số thông tin cơ bản về một số loại vật nuôi phổ biến trong gia đình phù hợp với lứa tuổi của các em. Thông qua đó giúp các em có căn cứ để lựa chọn được loại vật nuôi phù hợp.

b. Nội dung:

- Học sinh nghiên cứu mục I và quan sát các Hình 13.1; 13.2 và 13.3 trong SGK và thảo luận với các bạn trong nhóm để thống nhất đề xuất một số loài vật nuôi phù hợp.

c. Sản phẩm:

- Đưa ra được danh sách những loại vật nuôi phù hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
- GV: Yêu cầu HS đọc thông tin quan sát hình ảnh và thảo luận với các bạn trong nhóm để thống nhất một số loài vật nuôi phù hợp: - HS: Đọc thông tin, quan sát hình ảnh, thảo luận thống nhất đưa ra danh sách một số vật nuôi phù hợp. GV: Nhận xét.	**II. Chi phí cơ bản để nuôi một số loài vật nuôi trong gia đình.**

Hoạt động 4: Thực hành lập kế hoạch, tính toán chi phí.

a. Mục tiêu:

- Học sinh lựa chọn được loại vật nuôi và số lượng vật nuôi phù hợp, tính toán được chi phí cho năm đầu.

b. Nội dung:

- Học sinh thảo luận nhóm để lập kế hoạch theo mẫu trong SGK. Việc lập kế hoạch và tính toán kinh phí căn cứ vào tình hình thực tế, sở thích và các thông tin đã phân tích ở hoạt động 2.

c. Sản phẩm:

- Bảng kế hoạch và dự toán chi phí trong năm đầu (theo mẫu SGK).

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
- GV: Yêu cầu học sinh tham khảo các	**III. Thực hành lập bảng kế hoạch và dự toán chi phí trong năm đầu.**

Bảng và hình 13.1; 13.2; 13.3 để tính và hoàn thiện Bảng kế hoạch và dự toán chi phí trong năm đầu theo mẫu:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá ước tính (đồng)	Chi phí dự tính (đồng)
1	Giống	Con	?	?	?
2	Chuồng (cũi, lồng)	Chiếc	?	?	?
...	...	?	?	?	?
Tổng chi phí					?

- HS: Tham khảo bảng và hình 13.1; 13.2 và 13.3 sau đó tính toán và hoàn thiện bảng kế hoạch và dự toán chi phí.

GV: Yêu cầu đại diện học sinh các nhóm trình bày, bảo vệ kế hoạch trước lớp, các nhóm khác lắng nghe, góp ý.

GV: Nhận xét.

Bảng kế hoạch và dự toán chi phí trong năm đầu

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá ước tính (đồng)	Chi phí dự tính (đồng)
1	Họa mi	Con	02	500.000	1.000.000
2	Lồng	Chiếc	02	300.000.	600.000.
Tổng chi phí					2.400.000

Hoạt động 5: Đánh giá

a. Mục tiêu: HS trình bày và bảo vệ kết quả thực hành của nhóm, đồng thời đưa ra ý kiến nhận xét, đánh giá kết quả thực hành của nhóm khác dựa trên các tiêu chi do giáo viên cung cấp.

b. Nội dung:

- Học sinh báo cáo, bảo vệ kết quả thực hành của nhóm (bản kế hoạch và tính toán chi phí).

c. Sản phẩm:

- Bài trình chiếu sản phẩm thực hành bằng Power point, phiếu tự đánh giá và đánh giá kết quả thực hành theo mẫu..

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên tổ chức cho từng nhóm học sinh báo cáo, bảo vệ kết quả thực hành của nhóm (nội dung trình bày: Bảng kế hoạch và cách tính toán chi phí).

- HS: Đại diện từng nhóm lên bảng trình bày.

- GV: Hướng dẫn học sinh thảo luận, nhận xét, góp ý và đánh giá kết quả thực hành theo các tiêu chí của phiếu sau:

Phiếu đánh kết quả thực hành

Nhóm được đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm	Điểm đánh giá của nhóm

.....	Cấu trúc báo cáo đầy đủ nội dung, rõ ràng, chặt chẽ.	5 điểm	
	Trình bày tự tin, thuyết phục.	3 điểm	
	Hình thức báo cáo đẹp, phong phú, hấp dẫn.	2 điểm	
Tổng điểm		**10 điểm**	

Nhóm đánh giá:.....

- HS: Thảo luận nhận xét, góp ý và đánh giá kết quả thực hành theo các tiêu chí của phiếu.

- GV: Tổng hợp các ý kiến, đưa ra nhận xét, góp ý và đánh giá kết quả thực hành của từng nhóm. Tuyên dương khen thưởng, ghi nhận sự cố gắng của từng nhóm.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để lựa chọn, tính toán chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc một loài vật nuôi phù hợp hoặc thực hiện nuôi dưỡng và chăm sóc các vật nuôi hiện tại trong gia đình.

b. Nội dung: HS về nhà thực hiện các công việc phù hợp (cho ăn, tắm, dọn vệ sinh...) trong nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi trong gia đình.

c. Sản phẩm: HS quay video hoặc chụp ảnh các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi tại gia đình.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV: Hướng dẫn học sinh về nhà thực hiện các công việc phù hợp (cho ăn, tắm, dọn vệ sinh...) trong nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi trong gia đình. Quay video và chụp ảnh các công việc thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi tại gia đình.

4. Hướng dẫn về nhà

- Xem lại bản báo cáo thực hành.

- Quay video và chụp ảnh các công việc thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi tại gia đình.

- Đọc và tìm hiểu trước bài: Ôn tập chương III.

BÀI 14: GIỚI THIỆU THỦY SẢN

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết được vai trò của thủy sản.

- Nhận biết được một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta.
- Nhận biết được cách khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản hiệu quả.
- Có ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường nuôi thủy sản.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong bài học.
- Tham gia thảo luận, trình bày, diễn đạt các ý tưởng, làm việc nhóm hiệu quả
- Đề xuất các ý tưởng, phương án để thảo luận, giải quyết các vấn đề nêu ra trong bài học

Năng lực công nghệ:

- Trình bày được vai trò của thủy sản.
- Nhận biết được một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta.
- Có ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường nuôi thủy sản.

3. Phẩm chất

- Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác.
- Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.
- Khách quan, công bằng trong các hoạt động, nhận xét, đánh giá.
- Hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, quan tâm ý kiến của người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Hoạt động học	Giáo viên	Học sinh
Hoạt động 1. Khởi động	- Hình ảnh: Con lợn, cá, gà, rau mồng tơi, mực, rong nho, tôm… - Hình ảnh nước Việt Nam. - Bảng KWL.	Câu trả lời
Hoạt động 2.1: Tìm hiểu vai trò của thủy sản	- Hình ảnh về một số loại thủy sản. - Phiếu học tập 1	Phiếu học tập nhóm
Hoạt động 2.2: Nhận biết một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao	- Phiếu học tập 2 - Trò chơi mô tả thủy sản	Phiếu học tập nhóm
Hoạt động 2.3: Tìm hiểu ý nghĩa, cách khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản hiệu quả	- Video khai thác thủy sản. - Phiếu học tập số 3.	Phiếu học tập nhóm
Hoạt động 2.4: Tìm hiểu biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản	- Hình ảnh	Câu trả lời
Hoạt động 4. Luyện tập	- Câu hỏi	Câu trả lời
Hoạt động 5. Vận dụng	- Phiếu học tập 4	PHT số 4

		Mô hình

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu (10')

Xác định vấn đề học tập:

- Hình ảnh: Con lợn, cá, gà, rau mồng tơi, mực, rong nho, tôm…

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú

b) Nội dung: Học sinh trả lời câu hỏi và thực hiện nhiệm vụ cá nhân trên phiếu học tập KWL, hoàn thành 2 cột K, W để biết một số loại thủy sản…

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh thông qua hình ảnh và trên phiếu học tập KWL.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
- GV chiếu hình ảnh về lợn, cá, gà, rau mồng tơi, mực, rong nho, tôm… yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi: 1) Nêu tên gọi của các loại động, thực vật trên? 2) Cho biết đâu là thực vật, đâu là động vật? 3) Cho biết loại nào sống trên cạn, loại nào sống dưới nước? 4) Vậy theo em, loại nào được gọi là thủy sản và cho biết đặc điểm chung của nó là gì? - GV cung cấp khái niệm về thủy sản và yêu cầu HS kể tên một số loại thủy sản mà em biết. - GV giới thiệu hình ảnh đất nước Việt Nam với chiều dài bờ biển trải dài dọc theo lãnh thổ => Đa dạng về các loài thủy sản. - GV phát phiếu học tập KWL và yêu cầu học sinh thực hiện cá nhân theo yêu cầu viết trên phiếu. - GV gọi ngẫu nhiên 2 học sinh trình bày đáp án, mỗi HS trình bày 1 nội dung trong phiếu, những HS trình bày sau không trùng nội dung với HS trình bày trước. - GV liệt kê đáp án của HS trên bảng. => Vậy thủy sản có liên quan gì đến đời sống của chúng ta và có ảnh hưởng như thế nào đến kinh tế đất nước, chúng ta cùng nhau tìm hiểu	**K** (Những điều em đã biết) | **W** (Những điều em muốn biết) | **L** (Những điều em đã học được sau bài học) | | |

bài 14: "Giới thiệu thủy sản".	

2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1

Hoạt động 2.1: Vai trò của thủy sản (17')

a) Mục tiêu:

- Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong bài học.
- Tham gia thảo luận, trình bày, diễn đạt các ý tưởng, làm việc nhóm hiệu quả.
- Phát biểu được vai trò của các loại thủy sản đối với cuộc sống con người và kinh tế Quốc gia.
- Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác.
- Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.
- Giúp HS phát triển năng lực nhận thức công nghệ và giao tiếp công nghệ.

b) Nội dung:

HS học tập nhóm và hoàn thành phiếu học tập số 1.

c) Sản phẩm: Sản phẩm dự kiến của HS

- Dự kiến sản phẩm HS hoàn thành phiếu học tập số 1

Các loại thủy sản	**Vai trò của thủy sản**
Cá vàng	- Đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho con người.
Tôm hùm	- Cung cấp nguồn thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao cho con người. - Cung cấp nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu. - Tạo thêm công việc cho người lao động.
Cá tra	- Cung cấp nguồn thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao cho con người. - Cung cấp nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu. - Tạo thêm công việc cho người lao động.
Cua biển	- Cung cấp nguồn thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao cho con người. - Cung cấp nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu. - Tạo thêm công việc cho người lao động.
Nghêu	- Cung cấp nguồn thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao cho con người. - Tạo thêm công việc cho người lao động.
Ốc hương	- Cung cấp nguồn thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao cho con người. - Tạo thêm công việc cho người lao động.

- HS nêu được các vai trò của thủy sản:

+ Cung cấp nguồn thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao cho con người.

+ Cung cấp nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu.

+ Tạo thêm công việc cho người lao động.

+ Cung cấp nguồn thức ăn cho chăn nuôi.

+ Đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho con người.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
I. Vai trò của thủy sản	
* Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia HS thành 6 nhóm, yêu cầu nhóm trưởng chọn các tấm thẻ - chứa hình ảnh của một loại thủy sản. Thẻ 1 Thẻ 2 Thẻ 3 Thẻ 4	+ Cung cấp nguồn thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao cho con người. + Cung cấp nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu. + Tạo thêm công việc cho người lao động. + Cung cấp nguồn thức ăn cho chăn nuôi. + Đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho con người. + Các hoạt động thủy sản trên biển còn góp phần khẳng định chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đối với các hoạt động trên biển của ngư dân.

Thẻ 5

Thẻ 6

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm tìm hiểu về loại thủy sản mà nhóm vừa chọn được và hoàn thành phiếu học tập số 1.
- GV yêu cầu thành viên mỗi nhóm báo cáo về kết quả hoạt động nhóm.
- GV yêu cầu HS nêu vai trò của thủy sản nói chung.
- GV giải thích cho HS hiểu các hoạt động thủy sản trên biển còn góp phần khẳng định chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đối với các hoạt động trên biển của ngư dân.

* Thực hiện nhiệm vụ:

Mỗi nhóm HS quan sát hình ảnh, phân tích nội dung hình ảnh, thảo luận giải quyết vấn đề hoàn thành PHT số 1, trình bày kết quả thảo luận.

* Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả học tập, nhận xét, bổ sung.

* Kết luận

- GV nhận xét.
- GV chốt kiến thức

Hoạt động 2.2: Một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao (15')

a) Mục tiêu:

- Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong bài học.
- Đề xuất các ý tưởng, phương án để thảo luận, giải quyết các vấn đề nêu ra trong bài học.
- Nhận biết được một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao.
- Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác.
- Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.
- Khách quan, công bằng trong các hoạt động, nhận xét, đánh giá
- Hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, quan tâm ý kiến của người khác

b) Nội dung:

- HS nêu được một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao.
- HS hoàn thành được phiếu học tập số 2, quan sát hình 14.2 và trả lời phần khám phá trong mục II.
- Trò chơi mô tả về các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao. (GV cung cấp cho HS hình ảnh, HS trên bảng mô tả đặc điểm thủy sản, HS bên dưới gọi tên loại thủy sản)

c, Sản phẩm: Sản phẩm dự kiến của HS

- Dự kiến sản phẩm HS hoàn thành phiếu học tập số 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
Câu 1: Loại dễ dàng mua được: cá vàng, nghêu, ốc hương. Loại khó mua, hiếm khi được ăn: tôm hùm, cá tra, cua biển. **Câu 2:** Loại được tập trung sản xuất giống và nuôi trồng tôm hùm, cá tra vì nó có giá trị kinh tế cao, giá trị xuất khẩu cao. **Câu 3:** Một số loại thủy sản có giá trị kinh tế cao là: cá tra, cá basa, tôm hùm, tôm càng xanh,…

- Dự kiến đánh giá nhận xét bổ sung: Có thể HS chưa biết nhiều loại thủy sản có giá trị kinh tế cao.
- HS ghi nhớ và mô tả được một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao.

d, Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	**Nội dung**
II. Một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao	
* Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm (đã chia ở hoạt động 2.1) và hoàn thành phiếu học tập số 2. - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm hoàn thành phần khám phá trong mục II. - GV yêu cầu thành viên mỗi nhóm báo cáo về kết quả hoạt động nhóm.	- Một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao: tôm hùm, cá song,… - Một số loài thủy sản có giá trị xuất khẩu cao: cá tra, cá basa,... => Mang lại nguồn thu nhập lớn cho người nuôi trồng.

- GV tổ chức trò chơi mô tả các loại thủy sản cho HS: cá tra, tôm hùm, tôm càng xanh. * Thực hiện nhiệm vụ: - Mỗi nhóm thảo luận và hoàn thành PHT số 2. - Tham gia trò chơi mô tả thủy sản. * Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi 2 nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - HS nhận xét kết quả báo cáo của các nhóm. * Kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức về một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam.	

Hoạt động 2.3: Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản (15')

a) Mục tiêu:

- Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong bài học.
- Đề xuất các ý tưởng, phương án để thảo luận, giải quyết các vấn đề nêu ra trong bài học.
- Biết được ý nghĩa của việc khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác.
- Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.
- Khách quan, công bằng trong các hoạt động, nhận xét, đánh giá
- Hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, quan tâm ý kiến của người khác

b) Nội dung:

- HS nêu được một số cách khai thác phù hợp với các loài thủy sản.
- HS biết được các cách bảo vệ nguồn lợi thủy sản hợp lý.
- HS quan sát hình ảnh kéo lưới trên biển, hoàn thành được phiếu học tập số 3 dựa vào hình ảnh kéo lưới và các loài thủy sản đã được 6 nhóm chọn từ thẻ ở hoạt động 2.1.

c, Sản phẩm: Sản phẩm dự kiến của HS

- Dự kiến sản phẩm HS hoàn thành phiếu học tập số 3

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Câu 1: Kéo lưới.

Câu 2: Có nhiều hình thức khai thác tùy vào loại thủy sản: dùng cần câu, dùng lồng, dùng cào, dùng đục đá, dùng vó…

Câu 3: Cho biết các hình thức khai thác phù hợp với loài thủy sản mà nhóm em bốc được?

Loại thủy sản	Cách khai thác
Cá vàng	X

Tôm hùm	Dùng lồng
Cá tra	Dùng lưới
Cua biển	Dùng lờ, lồng
Nghêu	Dùng cào
Ốc hương	Dùng lồng

Câu 4: Khai thác và bảo vệ thủy sản giúp tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động; đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; giúp ngư dân bám biển, vừa phát triển kinh tế biển vừa gắn với bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.
Câu 5: Không, nên khai thác hợp lý và hiệu quả.
Câu 6: Cách khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản hiệu quả:
- Xây dựng các khu bảo tồn biển, bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái và phát triển nguồn lợi thủy sản.
- Hạn chế đánh bắt ở khu vực gần bờ, đặc biệt là vào mùa sinh sản; mở rộng vùng khai thác xa bờ.
- Thả các loại thủy sản quý hiếm vào một số nội thủy, vũng và vịnh ven biển nhằm làm tăng nguồn lợi, ngăn chặn giảm sút trữ lượng của những loài thủy sản quý hiếm.
- Nghiêm cấm đánh bắt thủy sản bằng hình thức có tính hủy diệt.
- Bảo vệ môi trường sống các loài thủy sản.

- Dự kiến đánh giá nhận xét bổ sung: Có thể HS chưa biết nhiều cách khai thác và ý nghĩa của việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

d, Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
III. Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	
* Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chiếu hình ảnh kéo lưới. - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm (đã chia ở hoạt động 2.1) và hoàn thành phiếu học tập số 3. * Thực hiện nhiệm vụ: - Mỗi nhóm thảo luận và hoàn thành PHT số 3. * Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - HS nhận xét kết quả báo cáo của các nhóm.	Cách khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản hiệu quả: - Xây dựng các khu bảo tồn biển, bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái và phát triển nguồn lợi thủy sản. - Hạn chế đánh bắt ở khu vực gần bờ, đặc biệt là vào mùa sinh sản; mở rộng vùng khai thác xa bờ. - Thả các loại thủy sản quý hiếm vào một số nội thủy, vũng và vịnh ven biển nhằm làm tăng nguồn lợi, ngăn chặn giảm sút trữ lượng của những loài thủy sản quý hiếm. - Nghiêm cấm đánh bắt thủy sản

* Kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức về cách khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.	bằng hình thức có tính hủy diệt. - Bảo vệ môi trường sống các loài thủy sản.

Hoạt động 2.4: Bảo vệ môi trường nuôi thủy sản (12')

a) Mục tiêu:

- Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong bài học.
- Đề xuất các ý tưởng, phương án để thảo luận, giải quyết các vấn đề nêu ra trong bài học.
- Hiểu được ý nghĩa của việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- Biết được các biện pháp bảo vệ thủy sản.
- Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác.
- Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.
- Khách quan, công bằng trong các hoạt động, nhận xét, đánh giá.
- Hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân.

b) Nội dung:

- HS quan sát hình ảnh => tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường nuôi thủy sản.
- HS nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản.
- HS biết được các cách bảo vệ nguồn lợi thủy sản hợp lý.

c, Sản phẩm: Sản phẩm dự kiến của HS

- Câu trả lời của HS:

Chất thải được thải trực tiếp ra môi trường.

Cá bị bệnh.

Sử dụng hóa chất khi nuôi thủy sản.

- Một số cách bảo vệ môi trường nuôi thủy sản:

+ Quản lý tốt chất thải, nước thải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường lây lan dịch bệnh.

+ Thực hiện tốt các biện pháp quản lí, chăm sóc ao nuôi, đặc biệt là phòng chống dịch bệnh.

+ Khuyến khích các hộ nuôi thủy sản tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản thâm canh.

+ Hạn chế sử dụng kháng sinh hóa chất khuyến khích sử dụng các loại chế phẩm sinh học trong chăm sóc thủy sản và xử lý môi trường.

+ Thường xuyên tuyên truyền vận động người dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường nuôi thủy sản.

d, Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	**Nội dung**
IV. Bảo vệ môi trường nuôi thủy sản	
* Chuyển giao nhiệm vụ: - GV cung cấp hình ảnh, yêu cầu HS quan sát. 	Cần tiến hành đồng bộ các biện pháp: - Quản lý tốt chất thải, nước thải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường lây lan dịch bệnh. - Thực hiện tốt các biện pháp quản lí, chăm sóc ao nuôi, đặc biệt là phòng chống dịch bệnh. - Khuyến khích các hộ nuôi thủy sản tăng cường áp dụng

   - GV yêu cầu HS trả lời: 1) Các hình ảnh trên nhắc đến vấn đề gì? 2) Theo em, cần làm gì để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản? * Thực hiện nhiệm vụ: - Quan sát hình ảnh, kết hợp sgk trả lời câu hỏi. * Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi HS trả lời. - HS khác nhận xét kết quả trả lời của các bạn. * Kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức về cách bảo vệ môi trường nuôi thủy sản.	các tiến bộ kỹ thuật ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản thâm canh. - Hạn chế sử dụng kháng sinh hóa chất khuyến khích sử dụng các loại chế phẩm sinh học trong chăm sóc thủy sản và xử lý môi trường. - Thường xuyên tuyên truyền vận động người dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường nuôi thủy sản.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (16’)

a) Mục tiêu:

- Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong bài học.
- Tham gia thảo luận, trình bày, diễn đạt các ý tưởng, làm việc nhóm hiệu quả.
- Ôn lại các kiến thức đã được học trong bài.

b) Nội dung:

+ HS trả lời được câu hỏi của GV thông qua trò chơi ‘Ai nhanh hơn”

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS thông qua trò chơi

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Luyện tập	
* Chuyển giao nhiệm vụ: - Luyện tập 1: - GV yêu cầu học sinh tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn” – GV chiếu hình ảnh về vai trò của thủy sản, HS trả lời đúng vai trò như thể hiện trong tranh ảnh. - Luyện tập 2 (BT1): Cho 5 phát biểu: 1) Nên đánh bắt cá vào mùa sinh sản của cá vì sẽ thu được cá mẹ lẫn cá con. 2) Xây dựng các khu bảo tồn biển, bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái. 3) Đánh bắt thủy sản bằng xung điện. 4) Tích cực nuôi trồng các loại thủy sản quý hiếm, có giá trị xuất khẩu cao. 5) Bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản. ? Hãy cho biết phát biểu nào đúng về việc khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản hiệu quả? - Luyện tập 3 (BT2): Hãy đề xuất những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản ở gia đình, địa phương em?	**BT1.** Các phát biểu đúng: 2, 4, 5. **BT2.** - Những việc nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản: + Thu gom, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật. + Phục hồi môi trường sau khi ngừng hoạt động nuôi trồng thủy sản. + Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản; không được sử dụng hóa chất độc hại hoặc tích tụ độc hại. - Những việc không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản: + Sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản. + Xây dựng khu nuôi trồng thủy sản tập trung trên bãi bồi đang hình thành vùng cửa sông ven biển.

- Luyện tập 4: GV yêu cầu HS điền vào cột L của bảng KWL. * Thực hiện nhiệm vụ: + HS chơi trò chơi. + HS làm bài tập. * Báo cáo kết quả và thảo luận * Kết luận	+ Phá rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy sản.

4. Hoạt động 4: Vận dụng (5')

a) Mục tiêu:

- Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong bài học.
- Tham gia thảo luận, trình bày, diễn đạt các ý tưởng, làm việc nhóm hiệu quả.
- Vận dụng kiến thức đã học để nhận biết loại thủy sản có trong địa phương mình cũng như trong đất nước ta.
- Tăng khả năng sáng tạo và kỹ năng tự học của HS.

b) Nội dung:

- Học sinh nhận ra và mô tả được một số loại thủy sản có giá trị kinh tế cao ở địa phương cũng như ở đất nước Việt Nam.
- HS hoàn thành PHT số 4.

c) Sản phẩm:

- Sản phẩm dự kiến của HS

Phiếu học tập số 4

Tên loại thủy sản	**Môi trường sống** (nước mặn, ngọt, lợ)	**Mô tả đặc điểm hình thái**
Cá tra	Nước ngọt	Loại cá da trơn, vây lưng của loài cá này nằm gần đầu, thông thường cao và có hình tam giác, khoảng 5-7 tia vây và 1-2 gai. Vây hậu môn hơi dài, với 26-46 tia. Thông thường chúng có hai cặp râu hàm trên và một cặp râu cằm, mặc dù ở cá tra dầu trưởng thành chỉ có các râu hàm trên. Thân hình đặc chắc. Vây béo (mỡ) nhỏ cũng tồn tại.
Cá cam	Nước mặn	Thân dài dẹt bên. Đầu tròn, mõm tròn, miệng nhỏ hơi

		xiên. Vẩy nhỏ, vẩy đường bên không có gai, nhưng ở phần cuống đuôi vẩy đường bên tạo thành những phiến xương lớn. Các gai của vây lưng ở cá nhỏ dính với nhau bởi một màng mỏng, ở cá lớn thì tách riiêng ra. Vây hậu môn rất ngắn. Phía sau vây lưng và vây hậu môn không có những vây phụ tách rời nhau. Vây ngực ngắn. Vây bụng nằm ngang dưới gốc vây ngực. Vây đuôi chia thùy rất sâu. Phần lưng mầu xám vàng, phần bụng mầu vàng nhạt. Trên thân 6 vạch ngang mầu nâu đen trong đó một vạch trên xương nắp mang (giữa khe mang và sau mắt), vạch thứ hai chạy qua khe mang gốc vây ngực và vây bụng. Vạch thứ ba bắt đầu từ các gai cứng và khởi điểm của vây lưng. Vạch thứ năm và sáu kéo đến cả vây lưng và vây hậu môn.
Tôm càng xanh	Nước ngọt	Tôm càng xanh có thể phát triển đến chiều dài hơn 30 cm. Chúng chủ yếu có màu nâu nhưng có thể khác nhau. Các cá thể nhỏ hơn có thể có màu xanh lục và hiển thị các sọc dọc mờ nhạt. Râu rất nổi bật và chứa 11 đến 14 răng lưng và 8 đến 11 răng bụng. Cặp chân đầu tiên dài và rất mỏng, kết thúc bằng những móng vuốt mỏng

		manh được sử dụng làm phần phụ ăn. Cặp chân đi bộ thứ hai lớn hơn nhiều và mạnh mẽ, đặc biệt là ở con đực.

- Thiết kế mô hình:
+ Vật dụng đánh bắt thủy sản.
+ Một loại thủy sản mà em thích.
+ Ao nuôi cá/ hồ nuôi cá.
(chọn 1 trong 3 loại mô hình – thiết kế từ vật liệu tái chế)

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Vận dụng	
* Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS tự tìm hiểu và hoàn thành phiếu học tập số 4. - GV yêu cầu HS thiết kế mô hình từ vật liệu tái chế. * Thực hiện nhiệm vụ: - HS hoàn thành PHT số 4 ở nhà và nộp lại cho GV ở tiết sau. - Về nhà thiết kế mô hình. * Báo cáo kết quả và thảo luận - HS hoàn thành PHT số 4, thiết kế mô hình và nộp lại vào tiết sau. * Kết luận - GV nhận xét. - GV đánh giá PHT số 4.	

IV. Phụ lục

Phiếu học tập KWL (Hoạt động 1)

(Em hãy nói 3 điều em biết về thủy sản, 3 điều em muốn biết về thủy sản, 3 điều em đã học được sau bài học)

K (Những điều em đã biết)	W (Những điều em muốn biết)	L (Những điều em đã học được sau bài học)

Phiếu học tập số 1 (Hoạt động 2.1)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Câu 1: Cho biết tên gọi của loại thủy sản trên thẻ của nhóm?
Câu 2: Cho biết loại thủy sản này có ăn được không?
Câu 3: Cho biết các cách chế biến thủy sản làm thức ăn?
Câu 4: Vì sao thủy sản lại được dùng làm thức ăn?
Câu 5: Ngoài việc dùng làm thức ăn, nêu các vai trò khác của loại thủy sản này?

Phiếu học tập số 2 (Hoạt động 2.2)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu 1: Trong các loại thủy sản của mỗi nhóm thì loại nào các em dễ dàng mua được? Ngược lại, loại nào khó mua, hiếm khi được ăn?
Câu 2: Trong các loại đấy loại nào được tập trung sản xuất giống và nuôi trồng? Giải thích?
Câu 3: Cho ví dụ một số loại thủy sản có giá trị kinh tế cao, giá trị xuất khẩu cao mà em biết?

Phiếu học tập số 3 (hoạt động 2.3)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Câu 1: Cho biết phương pháp khai thác cá trên ảnh?
Câu 2: Cho biết ngoài hình thức khai thác trên còn hình thức khai thác nào khác không? Kể tên?
Câu 3: Cho biết các hình thức khai thác phù hợp với loài thủy sản mà nhóm em bốc được?
Câu 4: Cho biết tại sao phải khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản (ý nghĩa của việc khai thác thủy sản)?
Câu 5: Có phải nguồn thủy sản là vô tận hay không? Có hay không nên khai thác thủy sản một cách tùy ý?
Câu 6: Nêu cách khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản hiệu quả?

Phiếu học tập số 4 (Hoạt động 4)

Tên loại thủy sản	**Môi trường sống** (nước mặn, ngọt, lợ)	**Mô tả đặc điểm hình thái**
Thủy sản 1		
Thủy sản 2		
Thủy sản 3		

Bài 15: NUÔI CÁ AO

Môn học: Công nghệ - Lớp: 7
Thời gian thực hiện: … tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: Sau khi học xong học sinh cần nắm được:

- Kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi cá và chuẩn bị cá giống.
- Kĩ thuật chăm sóc, phòng, trị bệnh và thu hoạch cá trong ao nuôi.
- Cách nhiệt độ và độ trong của nước trong ao nuôi

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Trình bày được kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi cá và chuẩn bị cá giống.

- Trình bày được kĩ thuật chăm sóc, phòng, trị bệnh và thu hoạch cá trong ao nuôi.

- Đo được nhiệt độ và độ trong nước ao nuôi.

2.2. Năng lực chung

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.
- Năng lực giải quyết vấn đề: HS thảo luận, thống nhất ý kiến, tổng hợp kiến thức giải quyết nhiệm vụ.

3. Phẩm chất

- Có ý thức đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong thực hành.

- Nhận thức được việc nuôi cá cần phải đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường sống.

II.Chuẩn bị của GV - HS:

- GV: Sưu tầm tranh ảnh, tài liệu, video về công tác chuẩn bị ao nuôi, chuẩn bị cá giống, hình ảnh một số loài cá nuôi phổ biến ở địa phương, công tác chăm sóc, quản lí cá sau khi thả, các loại thức ăn nuôi cá ở địa phương, hình ảnh một số cá bệnh, cách thu hoạch cá.

GV cho HS chuẩn bị nhiệt kế, đĩa Secchi, bình chứa nước.

- HS: Đọc trước bài học trong SGK, tìm kiếm và đọc trước tài liệu có liên quan đến nội dung bài học.

Chuẩn bị các dụng cụ, trang thiết bị, mâu vật thực hành theo hướng dân của GV.

III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:

C. Hoạt động mở đầu: 5’

Mục tiêu: HS tái hiện được những hiểu biết về ao nuôi, loài cá nuôi, đồng thời gợi mở những vấn đế mới về ao nuôi hiện đại, tuần hoàn, điều khiển tự động, kết nối công nghệ thông tin trong nuôi cá ao nhằm kích thích sự hứng thú, mong muốn tìm hiểu của HS, để tạo phấn khích cho các hoạt động tiếp theo.

6. Phương thức: Hđ nhóm
7. Sản phẩm: Trình bày miệng.
8. Kiểm tra, đánh giá:
   - Hs đánh giá
   - Gv đánh giá
9. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Thông qua câu chuyện truyền thuyết về vết chân ngựa củaa Thánh Gióng đi đánh giặc Ân đề dẫn dắt HS về sự tích hình thành ao, hay việc đào đất đắp nền nhà, đắp đê, đắp bờ để hình thành ao nuôi cá ngày nay.

- Một sổ câu hỏi gợi ý:

Câu 1. Truyền thuyết kể rằng dấu vết chân ngựa của ông Thánh Gióng chạy đến đâu sau này ở đó hình thành hồ ao nuôi cá. Theo các em có đúng không?

Câu 2. Theo các em ao nuôi cá được hình thành như thế nào?

Câu 3. Những loài cá nào được nuôi trong ao?

- GV có thể cho HS quan sát tranh ảnh, video về một số ao nuôi cá hiện đại để kích thích HS mong muốn tìm hiểu bài học mới.

***Thực hiện nhiệm vụ:**
HS: Suy nghĩ trả lời.
C1: đó chỉ là câu chuyện truyền thuyết chứ không phải thực tế.
C2: Ao nuôi cá do con người tự tạo ra.
C3: Cá trắm, chép, rô phi...
***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng
***Đánh giá kết quả:**
- Hs nhận xét, bổ sung
GV đánh giá cho điểm.
GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Ao nuôi cá cần chuẩn bị như thế nào? Khi nuôi cá trong ao cần chú ý những vấn đề gì? Ta cùng theo dõi nội dung bài hôm nay.

D. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
1.Tìm hiểu cách chuẩn bị ao nuôi cá 1.Mục tiêu: HS hiểu được cách thức chuẩn bị ao nuôi cá, tuỳ theo từng loại ao: ao đất, ao xây, hay ao lót bạt, ao mới hay ao đã nuôi cá. 2.Phương thức: Hđ cá nhân. 3.Sản phẩm: HS ghi được vào vở kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi cá. 4.Kiểm tra, đánh giá: - Gv đánh giá.. 5.Tiến trình ****Chuyển giao nhiệm vụ*** - GV hướng dẫn HS đọc mục 1.1, kết hợp quan sát Hình 15.1 trong SGK và trả lời các câu hỏi liên quan đến chuẩn bị ao nuôi cá. GV có thể đặt câu hỏi: C1: Bạn nào có thể cho cả lớp biết ý nghĩa của công tác chuẩn bị ao nuôi? - GV cho HS quan sát tranh ảnh, video về các loại ao nuôi, sau đó hỏi HS về cách chuẩn bị từng loại ao. - GV yêu cầu HS liên hệ với thực tiễn cuộc sống để tìm hiểu thêm về các loại ao nuôi cá hiện có ở địa phương. GV yêu cầu HS hoàn thành nhiệm vụ trong hộp Khám phá. - HS: Lắng nghe câu hỏi ***Thực hiện nhiệm vụ:** Dự kiến trả lời: C1: chuẩn bị môi trường tốt cho sự phát triển của cá giống, hỗ trợ nâng cao năng suất nuôi cá. C2: Ao nuôi cá cần chuẩn bị trước mỗi lứa nuôi: tháo cạn	**I. Chuẩn bị ao nuôi và cá giống** **1. Chuẩn bị ao nuôi** - Quy trình chuẩn bị ao nuôi cá: *Tát cạn ao → Bắt sạch cá còn sót lại → Hút bùn và làm vệ sinh ao → Rắc vôi khử trùng ao → Phơi đáy ao → Lấy nước mới vào ao.* - Một số loại ao nuôi cá phổ biến: Ao đất, ao xây, ao lót bạt, ao nổi, kẻ bờ.

hoặc bơm cạn nước; vệ sinh đáy ao, xung quanh ao và phơi ao; hút bớt lớp bùn (với ao đất có lớp bùn dày dưới đáy). Câu Khám phá: Tát cạn ao → Bắt sạch cá còn sót lại → Hút bùn và làm vệ sinh ao → Rắc vôi khử trùng ao → Phơi đáy ao → Lấy nước mới vào ao. ***Báo cáo kết quả:** - HS xung phong trả lời. ***Đánh giá kết quả:** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV liên hệ: các em cho biết gia đình và địa phương ta thường nuôi cá trong các loại ao nào? Việc rắc bột vệ sinh đáy ao có tác dụng gì? (giảm phèn; diệt trừ mầm bệnh, vi khuẩn có hại; tạo nguồn thức ăn cho tôm cá) **GV:** Chốt kiến thức, ghi bảng. ***2.Tìm hiểu công tác chuẩn bị cá giống*** 1.Mục tiêu : Hoạt động này nhằm cung cấp thông tin cho HS khi nuôi bất cứ loài động vật nào cũng đều cần phải chuẩn bị con giống, con giống có tốt thì giai đoạn sau mới mau lớn, ít bệnh và mang lại hiệu quả kinh tế. 2.Phương thức: Hđ cá nhân, hđn . 3.Sản phẩm: HS ghi được cách chuẩn bị cá giống: loài cá, cỡ, tình trạng sức khỏe. 4.Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.Tiến trình ****Chuyển giao nhiệm vụ*** - GV yêu cầu HS đọc mục 1.2, kết hợp quan sát Hình 15.2 trong SGK để hoàn thành nhiệm vụ trong hộp Khám phá. - GV đưa ra câu hỏi cho HS thảo luận và kể được các loài thuỷ sản hiện đang nuôi ở địa phương. - GV có thể mở rộng kiến thức cho HS bằng cách hỏi về: Loài cá nào ăn nổi, loài cá nào ăn chìm? Loài nào là loài cá dữ, loài nào là cá hiền? - HS: Lắng nghe câu hỏi ***Thực hiện nhiệm vụ:** - HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm: - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. Dự kiến trả lời: C1: C2: ***Báo cáo kết quả:** - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm. ***Đánh giá kết quả:** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá	**2. Chuẩn bị cá giống** - Kĩ thuật chuẩn bị cá giống: chọn cá giống, vận chuyển cá giống, thả cá giống.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá **GV:** Chốt kiến thức, ghi bảng. ***3.Tìm hiểu công tác chăm sóc, phòng trị bệnh cho cá*** 1.Mục tiêu : cung cấp cho HS kiến thức về chăm sóc và phòng, trị bệnh cho cá để nuôi cá đạt hiệu quả cao. 2.Phương thức:Hđ cá nhân. 3.Sản phẩm : HS ghi được cách chăm sóc cá; tính toán được lượng, loại thức ăn cần cung cấp cho cá ăn hằng ngày; nhận biết được màu nước tốt cho ao nuôi, màu nước bẩn cần phải thay; quan sát được dấu hiệu cá bị bệnh, biết cách đơn giản xử lí một số bệnh thông thường của cá nuôi. 4.Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.Tiến trình ***Chuyển giao nhiệm vụ*** GV hướng dẫn HS đọc nội dung trong mục II. 1, kết hợp quan sát Hình 15.3 trong SGK và nêu các câu hỏi liên quan đến kĩ thuật chăm sóc cá ao. C1: Tại sao khi nuôi cá lại phải quan tâm đến kích cỡ viên thức ăn, hàm lượng protein và lượng thức ăn? - GV hướng dẫn HS đọc và thực hiện nhiệm vụ trong hộp Khám phá. -HS: Lắng nghe câu hỏi - Tiếp theo, GV cho HS đọc nội dung mục 11.2» kết hợp quan sát Hình 15.4 và Hình 15.5 trong SGK để trả lời các câu hỏi 2: Màu nước ao nào là màu nước tốt cho ao nuôi? Lượng thức ăn cho cá có liên quan như thế nào đến chất lượng môi trường nước? Tại sao lại phải thường xuyên vệ sinh ao nuôi cá? Những thiết bị nào có thể cung cấp oxygen cho cá trong ao nuôi? Hằng ngày phải quan sát ao nuôi cá để làm gì? ***Thực hiện nhiệm vụ:** -HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi: Dự kiến trả lời: C1: Câu Khám phá: Cần phải giảm lượng thức ăn cho cá vào ngày thời tiết xấu hoặc khi nước ao bị bẩn vì khi đó cá dễ trở nên kém ăn, cần phải giảm lượng thức ăn để không làm thức ăn bị thừa gây ô nhiễm môi trường nước. C2: ***Báo cáo kết quả:** - Hs trình bày nhanh ***Đánh giá kết quả:** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. ***4.Tìm hiểu cách thu hoạch cá*** 1.Mục tiêu: Biết được các hình thức thu hoạch cá trong ao,	**II. Chăm sóc và phòng trị bệnh cho cá** **1. Thức ăn và cho cá ăn** - Khi mới thả cá: TĂ viên nổi hàm lượng protein từ 30% - 35%, cỡ 1-2mm. - Khi cá lớn: TĂ viên nổi hàm lượng protein 28-30%, cỡ 3-4mm. - Hàng ngày cho ăn 2 lần: 8-9h sáng và 3-4h chiều. - Lượng TĂ/lần ăn chiếm 3-5% khối lượng cá trong ao. **2. Quản lý chất lượng nước ao nuôi cá** - Bổ sung nước sạch, sử dụng chế phẩm vi sinh làm sạch nước, định kì cắt cỏ, vệ sinh quanh ao,... **3. Phòng, trị bệnh cho cá** - Cần theo dõi thường xuyên để phát hiện xử lí kịp thời. **III. Thu hoạch cá nuôi trong ao**

thời điểm thu hoạch nhiều khi còn phụ thuộc vào thị trường tiêu thụ, thu hoạch có hai hình thức là thu tia và thu toàn bộ.
2.Phương thức: Hđ cá nhân.
3.Sản phẩm: Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình
Chuyển giao nhiệm vụ
- GV đưa ra câu hỏi cho HS thảo luận: Tại sao không nên thu cá còn nhỏ, mà chỉ thu cá lớn trong cách thu tỉa? Hai cách thu hoạch cá có ưu điểm và hạn chế gì?
-HS: Lắng nghe câu hỏi
***Thực hiện nhiệm vụ:**
-HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi:
Dự kiến trả lời:
***Báo cáo kết quả:**
- Hs trình bày nhanh
***Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

5. Thực hành đo nhiệt độ và độ trong của nước

1.Mục tiêu: Đo được nhiệt độ và độ trong của nước; nâng cao ý thức đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

2.Phương thức: Hđ nhóm.
3.Sản phẩm:
- Nguyên vật liệu, dụng cụ cần thiết cho thực hành đo nhiệt độ và độ trong của nước nuôi cá ao (SGK).
- Bảng ghi nhiệt độ và độ trong của nước mà HS đo được khi thực hành.

4.Kiểm tra, đánh giá:
- Gv đánh giá..

5.Tiến trình
Chuyển giao nhiệm vụ
- Chuẩn bị nguyên vật liệu và dụng cụ: GV hướng dẫn và kiểm tra các nhóm HS chuẩn bị; phổ biến nội quy thực hành và nhấn mạnh những vấn đề cần lưu ý trước, trong và sau quá trình thực hành.
***Thực hành:**
+ GV hướng dẫn và thao tác mẫu từng bước trong quy trình thực hành đo nhiệt độ và đo độ trong của nước ao nuôi cá cho HS quan sát. Có thể sử dụng video cho HS xem thay cho sự hướng dẫn và thao tác mẫu của GV.
+ HS thực hành theo quy trình trong SGK và theo sự hướng dẫn của GV.

- Thu tỉa
- Thu toàn bộ

IV. Đo nhiệt độ và độ trong của nước ao nuôi

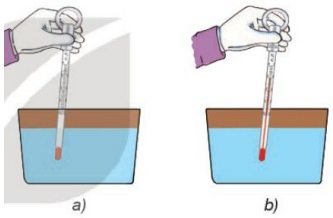

Hình 15.7. Đo nhiệt độ của nước

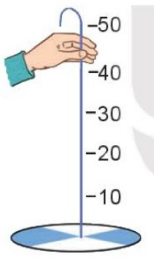

+ Thu dọn dụng cụ và vệ sinh sạch sẽ sau khi thực hành ***Báo cáo kết quả:** - Ghi kết quả thực hành vào phiếu và báo cáo kết quả thực hành với GV. ***Đánh giá kết quả:** - Giáo viên nhận xét, đánh giá	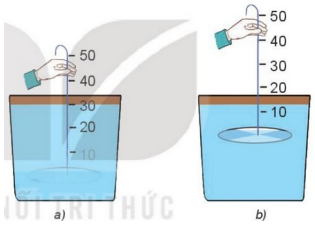

C. Hoạt động luyện tập: 5’

1.Mục tiêu : Nắm vững kiến thức để làm bài tập
2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình
Chuyển giao nhiệm vụ
GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời 2 câu hỏi phần luyện tập
***Thực hiện nhiệm vụ:**
-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:
***Báo cáo kết quả:**
- Hs trình bày nhanh
***Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng:

1.Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn ở địa phương: Kể được tên một số hệ thống nuôi thuỷ sản khác, loài nuôi có giá trị kinh tế ở địa phương. Các hình thức thu hoạch cá và khi nào thì áp dụng hình thức thu hoạch đó.
2.Phương thức: Hđ cặp đôi.
3.Sản phẩm: HS ghi ra được các loài thuỷ sản nuôi có giá trị kinh tế cao tại địa phương; hệ thống nuôi khác; hình thức thu hoạch cá
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình
Chuyển giao nhiệm vụ
GV đưa ra bài tập : GV có thể giao bài tập cho HS về tìm hiểu một số loài thuỷ sản nuôi có giá trị kinh tế.
***Thực hiện nhiệm vụ:**
- HS: Thảo luận cặp đôi.
***Báo cáo kết quả:**
- HS đứng tại chỗ trả lời.
***Đánh giá kết quả:**
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
Gv: hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Về nhà học bài và trả lời toàn bộ câu hỏi SGK
- Đọc và xem trước bài 16 SGK: Thực hành lập kế hoạch nuôi cá cảnh.

BÀI 16: Thực hành – Lập kế hoạch nuôi cá cảnh

Môn học: Công nghệ- Lớp: 7
Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. Mục tiêu:

1**. Năng lực:**

1.1. Năng lực công nghệ

Lập được kế hoạch và tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loài cá cảnh.

2.2. Năng lực chung

- Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để tìm hiểu thêm về kiến thức lập kế hoạch nuôi cá cảnh nói riêng và lập kế hoạch nuôi thủy sản nói chung

- Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hành.

2. Phẩm chất:

- Có ý thức trong tính toán, lập kế hoạch

- Có ý thức yêu quý thiên nhiên; cuốn hút vào các hoạt động vui chơi, giải trí lành mạnh; yêu quý cá cảnh.

- Có ý thức trong tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên: Sưu tầm tranh ảnh, tài liệu, video về: Loài cá cảnh được nuôi, bể nuôi cá cảnh, thức ăn nuôi cá cảnh, thiết bị phụ trợ cho nuôi cá cảnh, nguồn nước dùng cho nuôi cá cảnh, phòng và trị bệnh cho cá cảnh

2. Học sinh:

- Bài cũ ở nhà.

- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu:

a) Mục tiêu:

- Giúp HS tái hiện những hiểu biết về các loài cá cảnh mà các em thích, tạo hứng thú học tập.

- Gợi mở những vấn đề mới về việc lập kế hoạch khi nuôi cá cảnh nhằm tạo hứng thú và chuẩn bị tâm thế trước khi bắt đầu bài học.

b) Nội dung: Thảo luận vấn đề liên quan đến nuôi cá cảnh rồi dẫn dắt vào bài học

c) Sản phẩm:

- HS trả lời câu hỏi của GV, kể tên được một số loài cá cảnh,

d) Tổ chức thực hiện:

- GV đưa ra vấn đề liên quan đến nuôi cá cảnh: Các em có thích cá cảnh không? Cả lớp trả lời

- GV đặt tiếp câu hỏi: Những loài cá cảnh nào mà các em thích? Tại sao?

GV gọi 1 vài HS trả lời.

- GV trình chiếu video về nuôi cá cảnh và dẫn dắt vào bài học: Các em có thích nuôi cá cảnh không? Vậy chúng ta hãy cùng đi lập kế hoạch nuôi cá cảnh qua bài học ngày hôm nay nhé

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (Tìm hiểu về chi phí cơ bản để nuôi cá cảnh)

a) Mục tiêu:

- Giúp HS biết cách tìm kiếm, phân tích một số thông tin cơ bản về một số loài cá cảnh và bể nuôi cá cảnh phổ biến, phù hợp với lứa tuổi của các em.

- Giúp HS có căn cứ để lựa chọ được loài cá cảnh và bể nuôi phù hợp.

b) Nội dung: Tìm hiểu chi phí cơ bản để nuôi một số loài cá cảnh trong năm đầu tiên

c) Sản phẩm: Danh sách một số loài cá cảnh và dụng cụ, thiết bị nuôi phù hợp mà HS lựa chọn.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ hoạt động cặp đôi nghiên cứu nội dung 1 trong SGK và trả lời câu hỏi: Để nuôi cá cảnh, chúng ta cần chuẩn bị và cần có những gì? ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS thảo luận cặp đôi, nghiên cứu bảng 16.1 và trả lời câu hỏi ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** GV gọi ngẫu nhiên một vài cặp đôi trình bày kết quả ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** - GV trình chiếu bảng 16.1 và chốt lại các nội dung cần chuẩn bị cho việc nuôi cá cảnh	**I. Chi phí cơ bản để nuôi cá cảnh** Để nuôi dưỡng chăm sóc cá cảnh tốt, ta cần chuẩn bị: + Cá giống: Xác định loài cá cảnh định nuôi, số lượng cá, kích cỡ cá. + Loại bể và kích thước bể nuôi cá + Các thiết bị cần thiết: Máy bơm + Thức ăn, thuốc phòng bệnh + Dự định dành bao nhiêu

- Khi giới thiệu đến cá giống, GV trình chiếu một vài loài cá cảnh và cho HS đoán tên: Cá vàng 3 đuôi, cá bảy màu, cá lia thia, cá hề Nemo, cá rồng, cá Coi, ... - Khi giới thiệu đến bể nuôi cá, GV trình chiếu một vài loại bể cá cảnh.	tiền để lập kế hoạch cho sát thực tế và phù hợp. **II. Thực hành lập kế hoạch và tính toán chi phí**

3. Hoạt động 3: Luyện tập

3.1. Thực hành lập kế hoạch và tính toán chi phí

a) Mục tiêu: HS lựa chọn được loại cá cảnh và bể nuôi phù hợp, tính toán được chi phí trong năm đầu

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS thực hành lập kế hoạch và tính toán chi phí

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch, tính toán chi phí cho nuôi cá cảnh trong năm đầu (theo mẫu SGK)

d) Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cho HS hoạt động thành nhóm 4 HS và giao nhiệm vụ các nhóm

+ GV hướng dẫn HS căn cứ vào các thông tin đã thu thập được ở phần 1, tiến hành thảo luận để lựa chọn loài cá, số lượng cá, loại bể phù hợp với tình hình thực tế và sở thích cá nhân.

+ Sau khi đã lựa chọn được chủng loại, số lượng cá, loại bể, ... GV hướng dẫn HS lập kế hoạch và tính toán chi phí trong năm đầu.

Thời gian: 10 phút

Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS hoạt động nhóm, hoàn thiện vào PBT

3.2. Đánh giá

a) Mục tiêu: Giúp cho HS hiểu được việc lập kế hoạch, tính toán chi phí nuôi cá đã hợp lí chưa.

b) Nội dung:

- Báo cáo kết quả thực hành.

- Đánh giá.

c) Sản phẩm:

- Báo cáo của HS về kế hoạch và chi phí nuôi cá năm đầu.

- Phiếu tự đánh giá và phiếu đánh giá chéo kết quả thực hành (theo mẫu)

d) Tổ chức thực hiện:

- GV gọi đại diện một đến hai nhóm lên bảng trình bày kế hoạch. GV đã treo sẵn 2 bảng phụ để HS vừa điền vừa thuyết trình.

- GV cho HS thảo luận, nhận xét, góp ý và đánh giá kết quả thực hành dựa trên các tiêu chí.

- HS hoàn thiện phiếu tự đánh giá và bốc thăm đánh giá chéo các nhóm khác. Thời gian 2 phút.

- GV tổng hợp các ý kiến, đưa ra nhận xét, góp ý và đánh giá kết quả thực hành của các nhóm (kế hoạch của từng nhóm có khả thi và hợp lí hay không? Có cần điều chỉnh gì không?). GV tuyên dương, khen thưởng ghi nhận sự cố gắng của từng nhóm.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Thông qua việc cung cấp kiến thức cho lập kế hoạch chi phí nuôi cá cảnh trên cơ sở sỗ kinh phí đã cho đế HS có thể lập kế hoạch cụ thể về nuôi loài cá cảnh cụ thể, số lượng cá, kích cỡ cá trên cơ sở giá từng loài, chi phí cho bể nuôi cá, thức ăn cho cá và các vật tư khác.

b) Nội dung: Việt có 3 triệu đồng tiền tiết kiệm và cỏ ý định sử dụng số tiền này đế nuôi cá cành. Em hãy giúp Việt lựa chọn loài cà cảnh, bẻ nuôi phù hợp vã lâp kế hoạch, tinh toán chi phi nuỏi dưỡng và chăm sóc bể cá cảnh trong năm đầu

c) Sản phẩm: HS lựa chọn được loại cá cảnh, bể nuôi và xây dựng kế hoạch, dự trù chi phí nuôi dưỡng trong năm đầu phù hợp với số vốn 3 triệu

d) Tổ chức thực hiện: GV giao bài tập cho HS vẽ tính toán chi phí cụ thể trên cơ sở sổ kinh phí đã ẫn định đề HS cân đỗi trong lập kế hoạch nuôi loài cá cảnh nào, sỗ lượng, giá tién mua cả cảnh, mua bề nuôi, mua thức ăn và chi phí khác rỗi yêu cầu HS nộp lại kết quả đã lập vào buổi học

*** Hướng dẫn về nhà:**

- Xem lại bài đã học và làm BTVN.

- Đọc mục Em có biết

- Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của chương, chuẩn bị ôn tập chương.

PHIẾU HỌC TẬP
Thực hành – Lập kế hoạch nuôi cá cảnh

Nhóm: ……

Lựa chọn, lập kế hoạch và tính chi phí để nuôi một loài cá cảnh phù hợp với điều kiện, sở thích của em

H1. Xác định loài cá cảnh nuôi:

……
…Lí do lựa chọn:

……
…

……
…

……
….

H2. Lập kế hoạch tính chi phí trong năm đầu

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá ước tính	Chi phí dự tính
1	Cá giống	Con	...	...	...
2	Bể nuôi	Chiếc	...	...	...
3	Máy bơm, sục khí, bộ lọc	Bộ	...	...	...
4	Thức ăn	.... (Đồng/tháng)			
5	Phòng trị bệnh cho cá	.... (Đồng)			
6	Chi phí khác	.... (Đồng/tháng)			
Tổng chi phí					....

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ
Thực hành – Lập kế hoạch nuôi cá cảnh
Nhóm: ...

Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm đánh giá	Tổng điểm
Tính khoa học (kế hoạch chi tiết, đầy đủ)	3		
Tính khả thi (Khả năng thành công, sinh lời)	2,5		
Tính hợp lí (Phù hợp với số vốn ban đầu)	2		
Thuyết trình	2,5		

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Thực hành – Lập kế hoạch nuôi cá cảnh
Nhóm: .....

Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm đánh giá	Tổng điểm
Tính khoa học (kế hoạch chi tiết, đầy đủ)	3		
Tính khả thi (Khả năng thành công, sinh lời)	2,5		
Tính hợp lí (Phù hợp với số vốn ban đầu)	2		
Thuyết trình	2,5		

Ngày soạn:
Ngày giảng:

ÔN TẬP CHƯƠNG 1

Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học về trồng trọt như giới thiệu về trồng trọt, quy trình trồng trọt, nhân giống vô tính cây trồng.

- Vận dụng những kiến thức đã học xung quanh chủ đề về trồng trọt vào thực tiễn.

2. Về năng lực:

- Tự chủ và tự học, chủ động, tích cực học tập và tham gia các công việc tại gia đình: vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về trồng trọt, sử dụng phương pháp nhân giống bằng phương pháp giâm cành, trồng rau an toàn để giải quyết những vấn đề trong các hoạt động trồng trọt tại gia đình,
- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ, có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về trồng trọt vào đời sống hằng ngày.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Nghiên cứu kĩ trọng tâm của Chương 1; - Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và bài tập ôn tập: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Ôn lại các bài đã học, đọc trước bài ôn tập.

III. Tiến trình dạy học

1. Hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng chương 1(15')

a. Mục tiêu: Hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng đã học của Chương 1.

b. Nội dung: Mối liên kết giữa các kiến thức của Chương 1:

- Trình bày được vai trò, triển vọng của trồng trọt, nêu được môt số phương thức trồng trọt phổ biến, trình bày được những đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề trong trồng trọt.
- Trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật trong làm đất trồng cây.
- Trình bày được ý nghĩa, kĩ thuật gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh hại cho cây trồng.
- Trình bày được mục đích, yêu cầu của thu hoạch sản phẩm trồng trọt.
- Nêu được một số phương pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt.
- Trình bày được kĩ thuật nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành, biết kĩ thuật ghép và chiết cành.

c. Sản phẩm: Sơ đồ khối hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng của Chương 1.

d. Tổ chức thực hiện: sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính đã học ở Chương 1.

+ GV đặt câu hỏi dẫn dắt và hướng dẫn HS vẽ sơ đồ khối hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng về trồng trọt như trong SHS. Có thể dùng lược đồ tư duy để nhắc lại những ý chính của từng bài trong Chương 1.

+ GV khai triển thêm các nhánh của sơ đồ để tái hiện kiến thức chi tiết của Chương 1.

2. Câu hỏi ôn tập (25')

a. Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức của Chương 1.

b. Nội dung: Câu hỏi ôn tập trong SHS và bài tập trong SBT.

c. Sản phẩm: Đáp án cho câu hỏi và bài tập.

d. Tổ chức thực hiện: Sử dụng hình thức học tập cá nhân kết hợp với học tập theo nhóm.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và làm bài tập ôn tập trong SHS theo từng cá nhân.

1. Trình bày vai trò, triển vọng của trồng trọt. Kể tên một số nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam
2. Nêu một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam. Trồng trọt công nghệ cao có những đặc điểm cơ bản gì? Liên hệ với thực tiễn ở gia đình và địa phương.
3. Có những ngành nghề nào trong trồng trọt? Em thấy mình phù hợp ngành nghề nào? Vì sao?
4. Hãy trình bày mục đích, yêu cầu kĩ thuật của các công việc làm đất, bón phân lót.
5. Trình bày quy trình kỹ thuật gieo trồng chăm sóc và phòng trừ sâum bệnh cho cây trồng.
6. Nêu một số phương phá thu hoạch sản phẩm trồng trọt đang được áp dụng ở gia đình/địa phương em. Cho ví dụ minh hoạ.
7. Kể tên một số hình thức nhân giống vô tính cây trồng. Cây con được tạo ra bằng hình thức này có đặc điểm gì?
8. Lập kế hoạch, tính toán chi phí trồng một loại cây mà em yêu thích.

+ GV kết hợp tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm để giải quyết một số câu hỏi và bài tập.

+ GV yêu cầu đại điện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

+ GV kết hợp với HS nhận xét, góp ý kết quả thảo luận của các nhóm.

+ GV nêu đáp án các câu hỏi và bài tập.

3. Củng cố, dặn dò (5')

- Giáo viên củng cố lại kiến thức chính của chương 1
- Học sinh ôn tập nội dung, giờ sau kiểm tra giữa kì.

ÔN TẬP CHƯƠNG II

Thời gian: 1 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Vai trò của rừng đối với môi trường và đời sống con người.

Phân biệt các loại rừng phổ biến của nước ta.

Nắm được qui trình trồng rừng và các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng.

Đề xuất việc nên và không nên làm khi trồng rừng.

2. Năng lực:

Năng lực chung : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề.

Năng lực tìm hiểu tự nhiên: Hiểu biết kiến thức khoa học, năng lực dụng kiến thức vào thực tiễn, năng lực phân tích, năng lực tổng hợp thông tin .

Năng lực chuyên biệt : Năng lực sử dụng công nghệ cụ thể, năng lực phân tích, năng lực sử dụng ngôn ngữ kỹ thuật.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện và làm rõ vấn đề trong tiết ôn tập đặc biệt chú ý đến những vấn đề trọng tâm để ôn tập thật kĩ;

3. Phẩm chất:

Tự lập, tự tin, tự chủ.

Hình thành năng lực tự học cho bản thân.

Chăm chỉ: Củng cố những kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. *Chuẩn bị của GV*

Kế hoạch bài dạy

Bảng tóm tắt nội dung chương II Lâm nghiệp. Câu hỏi ôn tập và đề cương ôn tập.

Phiếu học tập.

Bài giảng CNTT

2. *Chuẩn bị của HS*

Sách, vở và soạn trước những nội dung đã được học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a.Mục tiêu: Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy HS đã chuẩn bị

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi: Chúng ta đã học xong chương II Lâm nghiệp, vậy kiến thức cơ bản đã học có thể thấy được vai trò quan trọng của rừng như thế nào? HS hãy hát một bài hát nói lên ý nghĩa của rừng. Hs lắng nghe tiếp nhận nhiệm vụ. ***Thực hiện nhiệm vụ:** HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi. HS hát bài hát, một nhiệm vụ tiết trước đã giao về nhà ***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng và hát bài hát ***Đánh giá kết quả:** -Hs nhận xét, bổ sung GV đánh giá cho điểm. *** *Kết luận, nhận định*** Bài hát trên nói lên ý nghĩa quan trong của rừng. Chúng ta cùng tìm ôn tập và củng cố qua bài học hôm nay.	HS thực hiện nhiệm vụ.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a.Mục tiêu: Hs hệ thống lại được kiến thức chương.

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, HĐN.

c. Sản phẩm: : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung ghi vở.

Hoạt động của GV và HS	*Nội dung cơ bản*
**** Chuyển giao nhiệm vụ:*** GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk, quan sát hình 44 trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi **<u>Nhóm 1</u>** **Câu 1:** Rừng có mấy thành phần ? **Câu 2:** Vai trò của rừng đối với con người và môi trường sống? **<u>Nhóm 2:</u>** **Câu 3:** Em hãy kể tên một số loại rừng phổ biến ở nước ta ? **Câu 4:** Ở nước ta có những thời vụ trồng rừng nào trong năm ? **<u>Nhóm 3:</u>** Câu 5 :Các phương pháp trồng rừng phổ biến ở nước ta, trình bày theo bảng sau ? Câu 6 : Các biện pháp chăm sóc rừng sau khi trồng ? **<u>Nhóm 4:</u>** Câu 7: Các nguyên nhân rừng bị suy giảm ? Câu 8 : Các biện pháp bảo vệ rừng ở Việt Nam ?	***Câu trả lời của HS***

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng

a.Mục tiêu: Củng cố kiến thức về lâm nghiệp.

b. Nội dung: Vai trò, cách chăm sóc và bảo vệ rừng.

c. Sản phẩm: Hoàn thành bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	*Nội dung cơ bản*
**** Chuyển giao nhiệm vụ:*** ***Gv nêu câu hỏi*** Em hãy chọn câu trả lời đúng nhất **Câu 1: Vai trò chính của rừng phòng hộ** A. Sản xuất kinh doanh gỗ và các loại lâm sản B. Bảo tồn nguồn gen sinh vật C. Bảo vệ đất, chống xói mòn D. Phục vụ du lịch và nghiên cứu **Câu 2. Rừng là một hệ sinh thái bao gồm:** A. Thực vật rừng và động vật rừng. B. Đất rừng và thực vật rừng.	Câu trả lời của HS

C. Đất rừng và động vật rừng

D. Sinh vật rừng và đất rừng và yếu tố sinh vật khác.

Câu 3. Vai trò chính của rừng đặc dụng?

A. Chống sa mạc hóa

B. Hạn chế thiên tai

C. Điều hòa khí hậu

D. Bảo tồn nguồn gen quí hiếm

Câu 4. Phát biểu đúng về vai trò rừng

A. Điều hòa không khí

B. Cung cấp gỗ, củi cho con người.

C. Mở rộng diện tích đất trồng trọt.

D. Chống biến đổi khí hậu.

E. Bảo tồn nguồn gen quí hiếm.

F. Phục vụ nghiên cứu khoa học.

G. Bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Câu 5. Miền trung, miền nam trồng rừng chính vào mùa nào trong năm?

A. Mùa xuân, mùa hè

B. Mùa xuân, mùa thu

C. Trồng quanh năm

D. Vào mùa mưa

Câu 6. Để bảo vệ và phát triển rừng, pháp luật nghiêm cấm hành động nào sau đây :

A. Bảo vệ rừng đầu nguồn

B. Phát triển khu bảo tồn thiên nhiên

C. Chặt phá rừng, khai thác rừng trái phép

D. Mở rộng diện tích rừng.

Câu 7. Bón phân định kì trong quá trình chăm sóc rừng có tác dụng nào sau đây

A. Ngăn chặn sự phát triển của cỏ dại

B. Hạn chế sự phát triển của sâu bệnh hại

C. Cung cấp chất dinh dưỡng cho cây

D. Kích thích sự phát triển của hệ sinh vật đất.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Thực hiện nhiệm vụ:

- HS về nhà làm việc cá nhân tìm hiểu thực tế để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**** Báo cáo kết quả:***

+ Tiết học sau HS trình bày kết quả làm việc.

Đánh giá kết quả - HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn, bổ sung (nếu có). =>GV nhận xét, đánh giá.	

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

Ôn tập kỹ toàn bộ phần kiến thức đã học tiết sau kiểm tra.

Về nhà học bài bằng cách vẽ thêm nhánh sơ đồ tư duy.

THÀNH PHẦN RỪNG	VAI TRÒ
1	a.Chắn gió, chắn sóng
2	b.Bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn
3	c. Ngăn cát bay, lấn biển
4	d. Điều hòa khí hậu
5	e. Sản xuất, khai thác gỗ
6	f. Lưu giữ, đa dạng nguồn gen sinh vật.
7	g. Cung cấp lương thực, thực phẩm

BÀI: ÔN TẬP CHƯƠNG 3

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

- Hệ thống hóa kiến thức về chăn nuôi.

2. Về năng lực:

* Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tìm kiếm và chọn lọc được thông tin phù hợp, vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng được học trong các tình huống thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến vai trò, triển vọng của chăn nuôi, một số phương thức chăn nuôi phổ biến, nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng, trị bệnh cho vật nuôi, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

* Năng lực công nghệ:

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được đến vai trò, triển vọng của chăn nuôi. Nhận biết được một số phương thức chăn nuôi phổ biến. Nhận biết và nêu được cách nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

- Đánh giá công nghệ: Đánh giá việc lựa chọn nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình.

- Thiết kế kỹ thuật: Vẽ được sơ đồ tư duy chương III.

- Sử dụng công nghệ: Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

- Trách nhiệm: Tham gia tích cực các hoạt động.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Giáo viên:

- Giấy A0.
- Bút dạ.
- Máy chiếu.
- Phiếu học tập.

2. Học sinh:

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. Tiến trình dạy học:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập cho HS vào nội dung bài học.

b) Nội dung: Chăn nuôi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*** GV giao nhiệm vụ học tập** - Nêu nội dung cơ bản đã được học ở chương III. *** HS thực hiện nhiệm vụ** - Hs trả lời. *** Báo cáo, thảo luận** - HS nhóm khác nhận xét chéo. *** Kết luận, nhận định** - GV kết luận, biểu dương bằng 1 tràng vỗ tay. GV dẫn dắt vào bài mới.	- Giới thiệu về chăn nuôi. - Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. - Phòng trị bệnh cho vật nuôi.

2. Hoạt động 2: Hoạt động ôn tập

a) Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức về chăn nuôi.

b) Nội dung: Chăn nuôi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Báo cáo kết quả nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*** GV giao nhiệm vụ học tập** GV chia lớp làm 6 nhóm, các nhóm tiến hành thảo luận nội dung sau (vào phiếu học tập) **Nhóm 1:** 1. Trình bày vai trò, triển vọng của chăn nuôi. Kể tên một số vật nuôi phổ biến, vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. **Nhóm 2:** 2. Nêu một số phương thức chăn nuôi ở nước ta và ưu, nhược điểm của từng phương thức. Liên hệ với thực tiễn ở địa phương. **Nhóm 3:** 3. Trình bày các phương pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. Nêu vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. **Nhóm 4:** 4. Vật nuôi non và vật nuôi trưởng thành có đặc điểm gì khác nhau? Thức ăn và cách chăm sóc vật nuôi non khác với vật nuôi trưởng thành như thế nào? **Nhóm 5:** 5. So sánh biện pháp nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. **Nhóm 6:** 6. Em cho biết những biểu hiện khi vật nuôi bị bệnh. Trinh bày nguyên nhân, biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi. 7. Trình bày cách nuôi dưỡng, chăm sóc gà	1. - Vai trò, triển vọng của chăn nuôi: Cung cấp nguồn thực phẩm, cung cấp nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu và chế biến, cung cấp nguồn phân bón hữu cơ quan trọng cho trồng trọt,... - Vật nuôi phổ biến được chia thành hai nhóm chính là gia súc (trâu, bò, lợn...) và gia cầm (gà, vịt ...). - Vật nuôi đặc trương ở một số vùng miền: Gà Đông Tảo, Chó Phú Quốc... 2. Một số phương thức chăn nuôi ở nước ta - Ở nước ta có hai phương thức chân nuôi phổ biền: Chăn nuôi nông hộ và chăn nuôi trang trại. 3. Các phương pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. Vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. * Các phương pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi - Vệ sinh khu vực chuồng trại - Thu gom và xừ lí chất thải chăn nuôi * Nuôi dưỡng và chăm sóc tốt chúng sẽ khoẻ mạnh, lớn nhanh, ít bị bệnh, cho nhiều sản phẩm (thịt, trứng, sữa,...) chất lượng cao; người chân nuôi có lãi và con vật được đảm bảo phúc lợi động vật. 4. Vật nuôi non và vật nuôi trưởng thành: Đặc điểm, thức ăn và cách chăm sóc. 5. Biện pháp nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. 6. Những biểu hiện khi vật nuôi bị bệnh. Nguyên nhân, biện pháp phòng

HS nhận nhiệm vụ. * **HS thực hiện nhiệm vụ** HS nhận nhóm, phân công nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành yêu cầu của GV. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn. * **Báo cáo, thảo luận** GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét và bổ sung. * **Kết luận, nhận định** GV nhận xét phần trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	bệnh cho vật nuôi. 7. Cách nuôi dưỡng, chăm sóc gà. - Chuồng nuôi. - Thức ăn và cho ăn. - Chăm sóc cho gà. - Phòng, trị bệnh cho gà.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức về chăn nuôi.

b) Nội dung: Chăn nuôi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành sơ đồ.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* **GV giao nhiệm vụ học tập** GV phân chia lớp thành 3 nhóm, phát giấy A0 cho các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và đưa ra sơ đồ tư duy về chăn nuôi. * **HS thực hiện nhiệm vụ** HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành sơ đồ tư về chăn nuôi. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn. * **Báo cáo, thảo luận** GV yêu cầu các nhóm treo sơ đồ lên bảng, đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. * **Kết luận, nhận định** GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.	Sơ đồ tư duy chương 3: Chăn nuôi.

GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b) Nội dung: Chăn nuôi.

c) Sản phẩm: Bản ghi trên giấy A4.

d) Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS về nhà liệt kê các giống vật nuôi đang nuôi phổ biến ở địa phương vào giấy A4. Giờ sau nộp GV.

Hướng dẫn tự học ở nhà

- Về nhà ôn tập kiến thức đã học chuẩn bị tiết sau kiểm tra 1 tiết.

Ngày soạn:
Ngày giảng:

ÔN TẬP CHƯƠNG IV

Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Hệ thống hoá được kiến thức của chương IV: Thuỷ sản.

2. Về năng lực:

a) Năng lực công nghệ

- Nhận thực công nghệ: Trình bày được vai trò của thuỷ sản; nhận biết được một số thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta; Nêu được quy trình kỹ thuật nuôi, chăm sóc, phòng, trị bệnh, thu hoạch một số loại thuỷ sản phổ biến.

- Sử dụng công nghệ : Đo được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản bằng phương pháp đơn giản.

- Đánh giá công nghệ: Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi và chăm sóc một loại thuỷ sản phù hợp.

b) Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

- Tự chủ và tự học: Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dữ liệu qua nội dung SGK để trả lời câu hỏi.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết vấn đề có gắn với thực tiễn nuôi trồng thuỷ sản ở địa phương và gia đình.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực tìm hiểu kiến thức về thuỷ sản và vận dụng vào thực tế gia đình, địa phương.

- Trách nhiệm: Nghiêm túc trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Nghiên cứu kĩ trọng tâm của Chương IV;
- Phiếu học tập.
- Giấy A0, A4, bút da, bút màu, nam châm dính bảng.
- Sách giáo khoa CN7 và SBT là tài liệu tham khảo chính.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Ôn lại các bài đã học, đọc trước bài ôn tập.

III. Tiến trình dạy học

1. Hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng chương IV(15')

a. Mục tiêu: Hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng đã học của Chương IV.

b. Nội dung: Học sinh hoàn thành sơ đồ theo hướng dẫn của giáo viên:

Gợi ý: Mối liên kết giữa các kiến thức của Chương IV:

- Trình bày được vai trò của thuỷ sản;
- Nhận biết được một số thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta;
- Nêu được quy trình kỹ thuật nuôi, chăm sóc, phòng, trị bệnh, thu hoạch một số loại thuỷ sản phổ biến.

c. Sản phẩm: Sơ đồ khối hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng của Chương IV.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chia nhóm HS và phát phiếu hoàn thành sơ đồ cho mỗi nhóm(hs gập sách lại) tự hoàn thiện.

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

+ Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

+ GV khai triển thêm các nhánh của sơ đồ để tái hiện kiến thức chi tiết của Chương IV.

2. Câu hỏi ôn tập (25')

a. Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức của Chương IV.

b. Nội dung: Câu hỏi ôn tập trong SHS và bài tập trong SBT.

c. Sản phẩm: Đáp án cho câu hỏi và bài tập.

d. Tổ chức thực hiện: Sử dụng hình thức học tập cá nhân kết hợp với học tập theo nhóm.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và làm bài tập ôn tập trong SHS theo từng cá nhân.

9. Nêu các biện pháp bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản.
10. Nêu các bước trong quy trình nuôi cá trong ao.
11. Em hãy kể một số biện pháp phòng, trị bệnh cho thuỷ sản?
12. Tại sao cần đo độ trong, nhiệt độ nước ao nuôi cá? Nhiệt độ nào phù hợp nhất với cá nuôi trong ao?
13. Việc đo độ trong có ý nghĩa gì với việc nuôi cá?
14. Hoa dự định nuôi 1 bể cá vàng khoảng 10 con. Biết rằng giá mỗi con cá vàng là 15 000 đồng, tiền mua bể và các dụng cụ cần thiết là 60 000 đồng, tiền mua thức ăn là 30 000 đồng/tháng. Em hãy giúp bạn Hoa tính toán chi phí cần thiết để nuôi 10 con cá vàng trong 6 tháng đầu theo mẫu bảng dưới đây.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá(đồng)	Chi phí dự tính (đồng)
1	Cá giống	Con	?	?	?
2	Bể nuôi, dụng cụ cần thiết	Chiếc	?	?	?
3	Thức ăn	Tháng	?	?	?
Tổng chi phí					

+ GV kết hợp tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm để giải quyết một số câu hỏi và bài tập.

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

+ GV kết hợp với HS nhận xét, góp ý kết quả thảo luận của các nhóm.

+ GV nêu đáp án các câu hỏi và bài tập.

3. Củng cố, dặn dò (5')

- Giáo viên củng cố lại kiến thức chính của chương IV
- Học sinh ôn tập nội dung, giờ sau kiểm tra cuối kì II.